



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

SỔ TAY

HƯỚNG DẪN THỰC THI, HỎI ĐÁP CÁC QUY ĐỊNH

VỀ SPS NGÀNH HÀNG RAU QUẢ



Hà Nội, năm 2025





BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

SỔ TAY

HƯỚNG DẪN THỰC THI, HỎI ĐÁP
CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS NGÀNH HÀNG RAU QUẢ



Hà Nội, năm 2025

CƠ QUAN CHỦ QUẢN:
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

BAN SOẠN THẢO VÀ BIÊN TẬP

1. TS. Ngô Xuân Nam

- Chịu trách nhiệm nội dung,

- Trưởng ban Soạn thảo và Biên tập

Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

Bộ Nông nghiệp và Môi trường

2. ThS. Nguyễn Thị Huyền

3. ThS. Đinh Đức Hiệp

4. ThS. Bùi Đức Toàn

5. ThS. Nguyễn Hoàng Long

THƯ KÍ BAN BIÊN TẬP

TS. Đào Văn Cường

Mục lục

LỜI MỞ ĐẦU	7
CÁC TỪ VIẾT TẮT	9
PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ NGÀNH HÀNG RAU QUẢ VÀ CÁC THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CHÍNH	11
1.1. Diện tích và sản lượng	11
1.2. Các sản phẩm xuất khẩu	13
1.3. Quy mô các thị trường	14
1.4. Thực trạng xuất khẩu	15
PHẦN II: QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT (SPS) ĐỐI VỚI NGÀNH HÀNG RAU QUẢ	18
2.1. Quy định về an toàn thực phẩm	20
2.2. Quy định về kiểm dịch thực vật	21
2.3. Quy định về đăng ký mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói	22
2.4. Kiểm soát dư lượng thuốc BVTV, chất ô nhiễm trong thực phẩm có nguồn gốc thực vật	26
2.5. Quy định về truy xuất nguồn gốc	29
2.6. Quy định về ghi nhãn các sản phẩm rau quả	29
2.7. Quy định về sản phẩm thực vật hữu cơ	30
PHẦN III: QUY ĐỊNH CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT (SPS) CỦA MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU RAU QUẢ TRỌNG ĐIỂM CỦA VIỆT NAM	32

3.1. Trung Quốc	32
3.2. Hoa Kỳ	41
3.3. Hàn Quốc	45
3.4. Nhật Bản	55
3.5. Đài Loan (Trung Quốc)	61
3.6. Liên minh châu Âu (EU)	73
3.7. ASEAN	82
PHẦN IV: MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM	89
4.1. Cơ hội và thách thức liên quan SPS đối với xuất khẩu rau quả	89
4.2. Khuyến nghị nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	91
4.3. Bổ sung các chứng nhận cần thiết về SPS đối với rau quả	92
4.4. Địa chỉ tra cứu về SPS đối với rau quả	94
PHẦN V: MỘT SỐ CÂU HỎI THƯỜNG GẶP VỀ CÁC QUY ĐỊNH AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT (SPS) ĐỐI VỚI NGÀNH HÀNG RAU QUẢ	96
PHẦN VI: CẬP NHẬT CÁC THÔNG BÁO DỰ THẢO/CÓ HIỆU LỰC VỀ SPS LIÊN QUAN ĐẾN RAU QUẢ XUẤT KHẨU	100
TÀI LIỆU THAM KHẢO	116

Lời mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, thương mại nông sản, đặc biệt là ngành hàng rau quả đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững và nâng cao vị thế của Việt Nam trên thị trường thế giới. Tuy nhiên, cùng với cơ hội mở rộng thị trường, các doanh nghiệp xuất khẩu rau quả cũng phải đối mặt với nhiều thách thức về việc tuân thủ các quy định kỹ thuật ngày càng khắt khe, đặc biệt là các biện pháp về an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật (Sanitary and Phytosanitary Measures - SPS) theo quy định của các thị trường nhập khẩu.

Các quy định SPS không chỉ là rào cản kỹ thuật trong thương mại mà còn là công cụ quan trọng để đảm bảo chất lượng, an toàn và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản. Việc hiểu đúng, thực thi hiệu quả và cập nhật kịp thời các yêu cầu SPS của từng thị trường xuất khẩu là yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp Việt Nam mở cửa thị trường mới, nâng cao năng lực cạnh tranh, giảm thiểu rủi ro thương mại và đáp ứng xu thế phát triển bền vững.

Nhằm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp trong việc tiếp cận, hiểu rõ và áp dụng đúng các quy định SPS, **“Sổ tay hướng dẫn thực thi, hỏi đáp các quy định về SPS ngành hàng rau quả”** được biên soạn với mục tiêu cung cấp những thông tin hữu ích, cập nhật, và dễ tra cứu. Tài liệu này tổng hợp các quy định, quy trình và yêu cầu của các thị trường nhập khẩu chủ lực như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), thị trường Halal và các nước ASEAN; đồng thời lồng ghép các hướng dẫn, quy định của Việt Nam trong sản xuất, chế biến, bảo quản và xuất khẩu rau quả phù hợp với tiêu chuẩn của quốc tế và các quốc gia nhập khẩu.

Ban Biên tập hi vọng Sổ tay sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích, đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, hợp tác xã, hộ sản xuất và các tổ chức có liên quan trong việc nắm bắt, định hướng và nâng cao năng lực cạnh tranh, giảm thiểu rủi ro khi xuất khẩu để ngành hàng rau quả Việt Nam tiếp tục phát triển bứt phá trong giai đoạn tới.

Nhiều biện pháp SPS của thị trường nhập khẩu thường được thay đổi, cập nhật, vì vậy Văn phòng SPS Việt Nam khuyến cáo doanh nghiệp trước khi xuất khẩu cần cập nhật quy định của thị trường để tuân thủ, tránh rủi ro trong thương mại.

Ban biên tập rất mong tiếp tục nhận được sự đóng góp của độc giả cho nội dung Sổ tay để chúng tôi có thể hoàn thiện trong những lần tái bản tiếp theo./.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ATTP: An toàn thực phẩm

APHIS: Animal and Plant Health Inspection Service – Cục Kiểm dịch động, thực vật Hoa Kỳ

BNNPTNT: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BVTV: Bảo vệ thực vật

BYT: Bộ Y tế

EU: Liên minh Châu Âu

FAO: Food and Agriculture Organization of the United Nations – Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc

FDA: Food and Drug Administration – Cục Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ

FSC: Food Safety Commission – Ủy ban An toàn Thực phẩm Nhật Bản

FSIS: Food Safety and Inspection Service – Cục Kiểm tra và An toàn Thực phẩm Hoa Kỳ

FTA: Free Trade Agreement – Thỏa thuận thương mại tự do

GCC: Gulf Cooperation Council – Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh

GDP: Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm quốc nội

GlobalGAP: Bộ Tiêu chuẩn quốc tế thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu

GMP: Good Manufacturing Practice – Thực hành sản xuất tốt

HACCP: Hazard Analysis and Critical Control Points - Hệ thống Phân tích mối nguy và Điểm kiểm soát tới hạn

IFS: International Food Standard - Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế

IPCC: International Plant Protection Convention Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế

KFDA: Korea Food And Drug Administration - Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc

MRL: Maximum Residue Limit - Giới hạn dư lượng tối đa

NNMT: Nông nghiệp và Môi trường

NNPTNT: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

QCVN: Quy chuẩn Việt Nam

USDA: United States Department of Agriculture - Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ

SPS: Biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật

TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

TFDA: Taiwan Food and Drug Administration Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Đài Loan (Trung Quốc)

TT&BVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

VietGAP: Bộ Tiêu chuẩn quốc tế thực hành nông nghiệp tốt ở Việt Nam

WTO: World Trade Organization - Tổ chức Thương mại Thế giới

PHẦN I

TỔNG QUAN VỀ NGÀNH HÀNG RAU QUẢ VÀ CÁC THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CHÍNH

1.1. Diện tích và sản lượng

Theo Bộ NNMT, năm 2024 tổng diện tích cây ăn quả cả nước đạt hơn 1,3 triệu ha, với các vùng trồng lớn tập trung tại Đồng bằng sông Cửu Long và Trung du, miền núi phía Bắc. Đối với rau, tổng diện tích trồng rau các loại năm 2024 là 1.014,8 nghìn ha, đến tháng 9/2025, tổng diện tích trồng rau các loại đạt 934 nghìn ha, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2024. Các vùng có diện tích trồng rau lớn trên cả nước là Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ và Bắc Trung Bộ.

Về sản lượng, theo Bộ NNMT, ước tính năm 2024, sản lượng rau các loại đạt 19.334 nghìn tấn, tăng 1,3% so với năm 2023. Sản lượng một số cây ăn quả chủ yếu như xoài đạt 1.054 nghìn tấn, tăng gần 5% so với năm 2023; cam đạt 1.889 nghìn tấn, tăng 2,6%; thanh long đạt 1.191 nghìn tấn, giảm 0,7%; sầu riêng đạt 1.503 nghìn tấn, tăng 42%; dứa đạt 2.237 nghìn tấn, tăng 14%. Sang năm 2025, hầu hết sản lượng các loại cây ăn trái đều tăng do diện tích tăng, điều kiện sinh trưởng thuận lợi và kỹ thuật canh tác được cải thiện. Trong 9 tháng đầu năm 2025, sản lượng sầu riêng đạt 1.167,0 nghìn tấn, tăng 17,5% so cùng kỳ năm 2024; mít đạt 887,4 nghìn tấn, tăng 11,2%; xoài đạt 966,5 nghìn tấn, tăng 8,4%; nhãn đạt 556,3 nghìn tấn, tăng 13,5%; vải đạt 392,4 nghìn tấn, tăng 59,0%; chuối đạt 2.287,9 nghìn tấn, tăng 4,8%; chôm chôm đạt 290,7 nghìn tấn, tăng 5,8%; dứa 1.617,1 nghìn tấn, tăng 0,7%

Tổng hợp số liệu tình hình sản xuất rau quả của Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		
				Kế hoạch	Thực hiện	
1	Rau các loại	Diện tích	1000 ha	998,6	1.030,0	1.014,8
		Sản lượng	1000 tấn	19.082,7	19.776,0	19.334,0
2	Xoài	Diện tích	1000 ha	115,0	118,5	118,5
		Sản lượng	1000 tấn	1.021,7	1.100,0	1.054,0
3	Chuối	Diện tích	1000 ha	161,5	162,0	162,0
		Sản lượng	1000 tấn	2.639,4	2.650,0	2.650,0
4	Thanh long	Diện tích	1000 ha	52,7	55,5	55,5
		Sản lượng	1000 tấn	1.191,5	1.350,0	1.191,0
5	Cam	Diện tích	1000 ha	86,1	92,0	92,0
		Sản lượng	1000 tấn	1.823,8	1.750,0	1.889,0
6	Bưởi	Diện tích	1000 ha	108,9	113,0	113,0
		Sản lượng	1000 tấn	1.202,2	1.150,0	1.150,0
7	Dứa	Diện tích	1000 ha	51,2	52,0	52,0
		Sản lượng	1000 tấn	780,6	750,0	750,0
8	Nhãn	Diện tích	1000 ha	81,5	83,0	83,0
		Sản lượng	1000 tấn	660,0	650,0	550,0
9	Vải	Diện tích	1000 ha	56,4	55,0	55,0
		Sản lượng	1000 tấn	385,0	370,0	370,0
10	Chôm chôm	Diện tích	1000 ha	21,4	22,0	22,0
		Sản lượng	1000 tấn	313,2	340,0	340,0
11	Sầu riêng	Diện tích	1000 ha	150,8	130,0	130,0
		Sản lượng	1000 tấn	1.196,3	1.200,0	1.503,0
12	Mít	Diện tích	1000 ha	84,0	82,0	82,0
		Sản lượng	1000 tấn	1.052,8	980,0	980,0

Nguồn: Số liệu thống kê ngành Nông nghiệp năm 2024, Bộ NNMT

Ngành nông nghiệp đã tổ chức sản xuất theo chuỗi các sản phẩm chủ lực quốc gia; phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, các sản phẩm đặc hữu địa phương, chuyển đổi theo hướng khai thác đa tầng, đa giá trị trên một diện tích đất; sử dụng giống chất lượng cao. Cơ giới hóa đồng bộ từ làm đất, gieo, cấy, chăm sóc, thu hoạch, sấy, tiêu thụ sản phẩm... đã phát triển tại nhiều địa phương. Đồng thời, tích cực triển khai các Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang các thị trường trọng điểm đã được phê duyệt từ năm 2023; nâng cao chất lượng, gia tăng số lượng cấp mã số vùng trồng, cơ sở vùng nuôi, cơ sở đóng gói, bao bì: đến hết năm 2024 đã cấp 8.052 mã số vùng trồng, 1.596 mã số cơ sở đóng gói cho các loại quả tươi (thanh long, xoài, vú sữa, chuối, bưởi, chanh leo, chanh không hạt, nhãn, vải, ổi, thạch đen...) được phép xuất khẩu sang các thị trường (Trung Quốc, Hoa Kỳ, Úc, New Zealand, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU...).

1.2. Các sản phẩm xuất khẩu

Các sản phẩm rau quả chủ lực xuất khẩu của Việt Nam gồm sầu riêng, thanh long, chuối, xoài, vải, nhãn, chanh dây, dưa và mít. Trong đó, sầu riêng là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, đặc biệt sang thị trường Trung Quốc, bên cạnh các sản phẩm khác cũng có tiềm năng xuất khẩu mạnh mẽ như chuối, thanh long và dưa.

Các sản phẩm xuất khẩu chủ lực:

- Sầu riêng: Là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, chiếm phần lớn tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam.
- Thanh long: Một trong những loại trái cây xuất khẩu có kim ngạch cao và được xuất khẩu tới nhiều thị trường, bao gồm Trung Quốc và Hoa Kỳ.
- Chuối: Xuất khẩu ổn định sang nhiều quốc gia, có cả ở dạng tươi và chế biến.

- Xoài: Được ưa chuộng tại nhiều thị trường lớn như Hoa Kỳ và EU, bao gồm cả trái tươi và các sản phẩm chế biến.
- Mít: Một mặt hàng xuất khẩu tiềm năng, đặc biệt là tại thị trường Trung Quốc.
- Vải và nhãn: Là những loại trái cây xuất khẩu quan trọng, có thể xuất khẩu dưới dạng tươi hoặc chế biến.
- Chanh dây: Đang cho thấy sự tăng trưởng trong xuất khẩu, đặc biệt là sang Trung Quốc.
- Dừa: Trở thành một điểm sáng trong xuất khẩu rau quả nhờ nhu cầu tăng mạnh trên toàn cầu đối với các sản phẩm từ dừa.
- Bưởi: Đã lọt vào top 10 mặt hàng quả xuất khẩu hàng đầu, mới đây Australia đã hoàn tất các thủ tục cấp phép nhập khẩu chính ngạch cho bưởi tươi của Việt Nam.

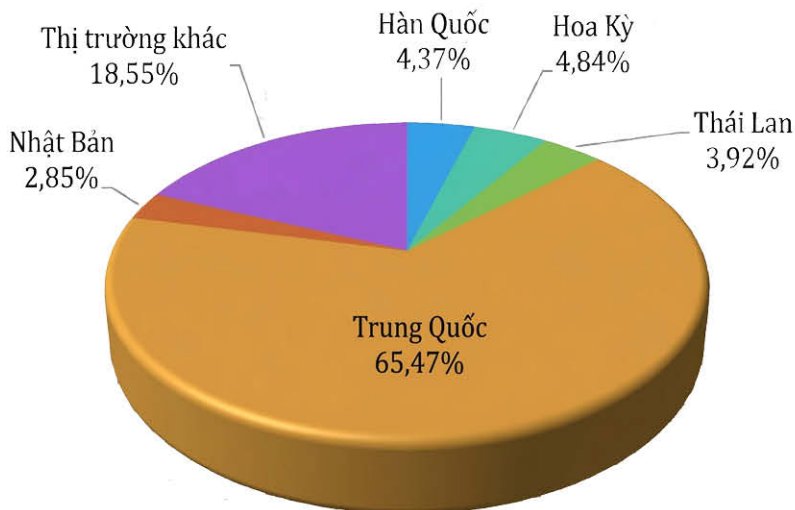
Gần đây nhất, trong tháng 11 năm 2025, Việt Nam và Trung Quốc đã ký Nghị định thư về xuất khẩu mít tươi của Việt Nam sang Trung Quốc, mở ra động lực mới cho thương mại nông sản song phương.

1.3. Quy mô các thị trường

Về thị trường, theo số liệu của Cục Hải quan, trong năm 2024, nhu cầu tiêu thụ rau quả toàn cầu tăng, bất chấp những ảnh hưởng từ lạm phát cao, căng thẳng địa chính trị kéo dài. Việt Nam với nguồn cung rau quả ổn định, chất lượng ngày càng được cải thiện và việc tận dụng tốt cơ hội các FTA mang lại, đã khai thác thành công nhiều thị trường có dung lượng nhập khẩu lớn như Hoa Kỳ, châu Âu, Trung Quốc, Anh, Nhật Bản... Đồng thời, thực hiện vừa cơ cấu lại thị trường xuất khẩu, mở cửa thị trường mới (Trung Đông: Ả-rập Xê-út, ASEAN, châu Phi, châu Âu, châu Mỹ: Braxin...).

Năm 2024, Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất, với kim ngạch hơn 4,6 tỷ USD, tăng 27,3% và chiếm 65,47% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả nước. Xếp sau là Hoa Kỳ với

kim ngạch 360,4 triệu USD, tăng 39,8%. Hàn Quốc đứng thứ ba với 314,9 triệu USD, tăng 39,6%. Xuất khẩu sang Thái Lan ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 73,7%, đạt gần 278,2 triệu USD. Trong khi đó, xuất khẩu sang Nhật Bản đạt 203,3 triệu USD, tăng 15,3%, và Đài Loan (Trung Quốc) đạt 157,1 triệu USD, tăng 10,9% so với năm 2023.



Tỷ trọng cơ cấu thị trường xuất khẩu rau quả theo giá trị

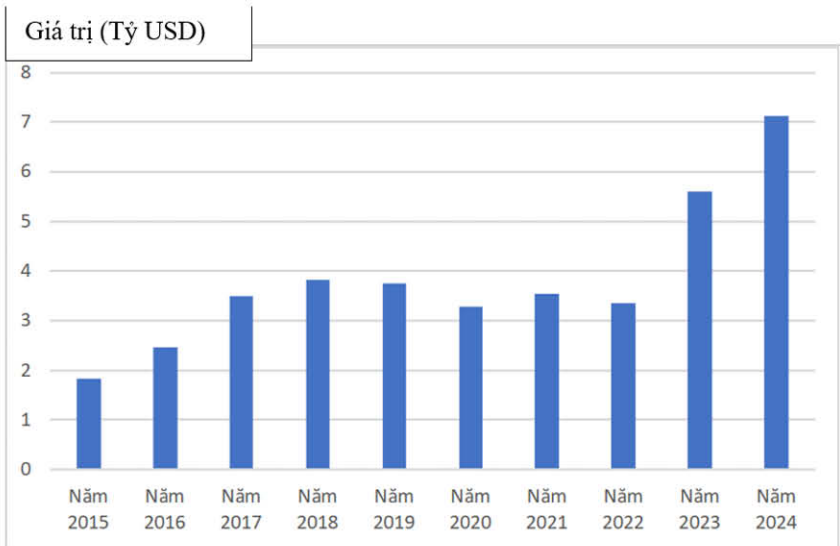
(Nguồn: Số liệu theo Cục Hải quan, 2024)

1.4. Thực trạng xuất khẩu

Theo số liệu từ Cục Hải quan, năm 2024, hoạt động xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam đạt được nhiều thành công cả về thị trường, sản lượng và trị giá xuất khẩu. Xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2024 đạt 7,1 tỷ USD, tăng 27,6% so với năm 2023. So với giá trị xuất khẩu 1,84 tỷ USD vào năm 2015, ngành hàng rau quả Việt Nam đã có bước phát triển nhanh trong một thập kỷ qua.

Năm 2025, theo báo cáo của Bộ NNMT, tính chung 9 tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm và thủy sản đạt 52,31 tỷ USD, tăng 15,5% và đạt 80% (vượt mục tiêu 9 tháng năm

2025 là 48,14 tỷ USD); trong đó nông sản 28,51 tỷ USD, tăng 16,8%. Hầu hết các mặt hàng chủ lực đều tăng khối lượng và giá trị xuất khẩu cao hơn cùng kỳ năm trước, trong đó ngành rau quả đạt 6,22 tỷ USD (+10,3%). Đến hết tháng 9 năm 2025 đã cấp 9.317 mã số vùng trồng và 1.760 mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu cho các loại quả tươi (sầu riêng, thanh long, xoài, vú sữa, chuối, bưởi, chanh leo, chanh không hạt, nhãn, vải, ớt, thạch đen...) được phép xuất khẩu sang các thị trường như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Úc, New Zealand, Hàn Quốc, Nhật Bản.

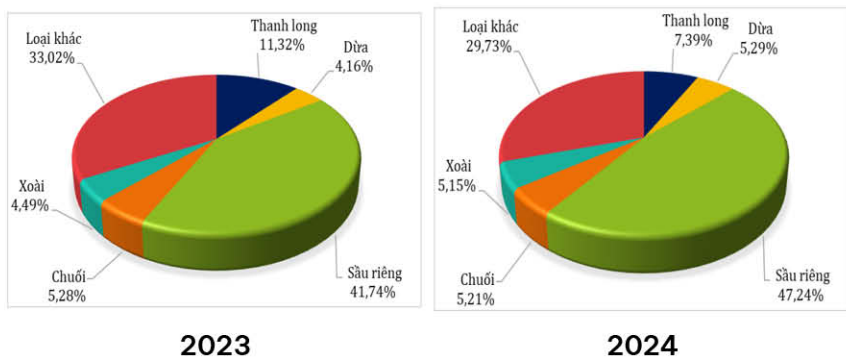


Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam giai đoạn 2015 - 2024

(Nguồn: Số liệu theo Cục Hải quan, 2024)

Xét về cơ cấu mặt hàng xuất khẩu, sầu riêng tiếp tục dẫn đầu, tiếp theo là thanh long, chuối, xoài, mít, dứa và dưa hấu. Đặc biệt, sầu riêng dù chỉ mới được xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc trong hai năm qua nhưng đã nhanh chóng vươn lên, chiếm gần 50% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành rau quả. Sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành rau quả trong năm 2024 được thúc đẩy nhờ sự mở rộng sản lượng các loại trái cây chủ lực, cùng với việc khai thác hiệu quả thị trường Trung Quốc.

Trong năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các loại trái cây, rau củ tăng so với cùng kỳ năm 2023, ngoại trừ thanh long. Đáng chú ý, nhiều chủng loại trái cây (gồm cả tươi, đông lạnh, chế biến) xuất khẩu ghi nhận mức tăng trưởng từ 2 đến 3 con số, gồm: sầu riêng, chuối, mít, xoài, dứa, dưa hấu, nhãn...



Tỷ trọng cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu theo giá trị

(Nguồn: Số liệu theo Cục Hải quan, 2024)

Tuy nhiên, xuất khẩu rau quả cũng đang đối diện với nhiều khó khăn khi các quốc gia tăng cường kiểm tra hàng hoá nhập khẩu. Trong thời gian tới, để tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu, các doanh nghiệp cần xây dựng chuỗi liên kết sản xuất bền vững từ vùng trồng, cơ sở đóng gói, xử lý kiểm dịch thực vật đến xuất khẩu, nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm. Đồng thời, việc nâng cao năng lực tuân thủ quy định của nước nhập khẩu và đầu tư vào công nghệ sau thu hoạch sẽ giúp gia tăng giá trị sản phẩm, giảm rủi ro mùa vụ và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

PHẦN II

QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT (SPS) ĐỐI VỚI NGÀNH HÀNG RAU QUẢ

Quy định của Việt Nam về an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật (SPS) đối với ngành hàng rau quả tập trung về các nội dung: (1) Quy định về an toàn thực phẩm (ATTP); (2) Quy định về kiểm dịch thực vật; (3) Quy định đăng ký mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói; (4) Kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), chất ô nhiễm trong thực phẩm có nguồn gốc thực vật; (5) Quy định về truy xuất nguồn gốc; (6) Quy định về ghi nhãn các sản phẩm rau quả và (7) Quy định về sản phẩm thực vật hữu cơ. Danh sách các quy định liên quan đến các nội dung này được liệt kê dưới đây:

Danh sách quy định về an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật (SPS) đối với ngành hàng rau quả

Nhóm quy định về ATTP và kiểm dịch thực vật	Văn bản quy định	Nội dung quy định
Quy định về an toàn thực phẩm	Luật An toàn thực phẩm năm 2010	Quy định về bảo đảm ATTP, ghi nhãn thực phẩm, kiểm nghiệm thực phẩm, phân tích nguy cơ đối với ATTP,...
	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT	Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ NNPTNT (nay là Bộ NNMT).
	Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT	Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ NNPTNT (nay là Bộ NNMT).

Quy định về an toàn thực phẩm	Luật An toàn thực phẩm năm 2010	Quy định về bảo đảm ATTP, ghi nhãn thực phẩm, kiểm nghiệm thực phẩm, phân tích nguy cơ đối với ATTP,...
	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT	Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ NNPTNT (nay là Bộ NNMT).
	Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT	Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ NNPTNT (nay là Bộ NNMT).
Quy định về kiểm dịch thực vật	Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013	Quy định về hoạt động phòng, chống sinh vật gây hại thực vật; kiểm dịch thực vật; quản lý thuốc bảo vệ thực vật.
	Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT	Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu.
	Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT	Sửa đổi, bổ sung một số điều về kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu.
	Thông tư số 03/2024/TT-BNNPTNT	Sửa đổi, bổ sung một số điều về kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu.
	QCVN 01-141:2013 / BNNPTNT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp lấy mẫu kiểm dịch thực vật.
	Quy định về đăng ký mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói	Luật Trồng trọt năm 2018
Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022		Ban hành tài liệu hướng dẫn tạm thời về cấp, quản lý mã số vùng trồng.
Văn bản số 1776/BNN-BVTV ngày 23/3/2023		Quy định việc cấp và quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu.
TCCS 774:2020/BVTV		Quy trình thiết lập và giám sát vùng trồng.
TCCS 775:2020/BVTV		Quy trình thiết lập và giám sát cơ sở đóng gói.

Kiểm soát dư lượng thuốc BVTV, chất ô nhiễm trong thực phẩm có nguồn gốc thực vật	Thông tư số 50/2016/TT-BYT	Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
	QCVN 8-2:2011/BYT	Quy định giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm.
	QCVN 8-3:2012/BYT	Quy định giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
Quy định về truy xuất nguồn gốc	Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT	Quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ NNPTNT (nay là Bộ NNMT).
Quy định về ghi nhãn các sản phẩm rau quả	Nghị định số 43/2017/NĐ-CP	Quy định về nhãn hàng hóa.
	Nghị định số 111/2021/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP về nội dung, cách ghi về nhãn đối với hàng hóa lưu thông tại Việt Nam, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
Quy định về sản phẩm thực vật hữu cơ	Nghị định số 109/2018/NĐ-CP	Quy định về sản xuất, chứng nhận, ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc, kinh doanh, kiểm tra nhà nước sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.
	Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11041-2:2017	Quy định các yêu cầu và nguyên tắc để sản xuất, chế biến, ghi nhãn các sản phẩm thực vật hữu cơ.

2.1. Quy định về an toàn thực phẩm

Quy định về ATTP của Việt Nam đối với sản phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu tập trung vào các yêu cầu cụ thể như tổng hợp dưới đây. Doanh nghiệp có thể tra cứu nội dung chi tiết tại các văn bản quy định hiện hành.

Yêu cầu quy định	Điều, khoản của văn bản quy định
Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ATTP	Khoản 1, Điều 36, Luật An toàn thực phẩm 2010
Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	Phụ lục III, Thông tư số 17/2024/TT-BNNPT-NT
Mẫu bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh ATTP	Phụ lục IV, Thông tư số 17/2024/TT-BNNPT-NT
Phương thức nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ATTP	Điều 5, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT
Trình tự thẩm định cấp giấy chứng nhận ATTP	Khoản 16, Điều 1, Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT
Tần suất thẩm định đánh giá định kỳ	Điều 9, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018

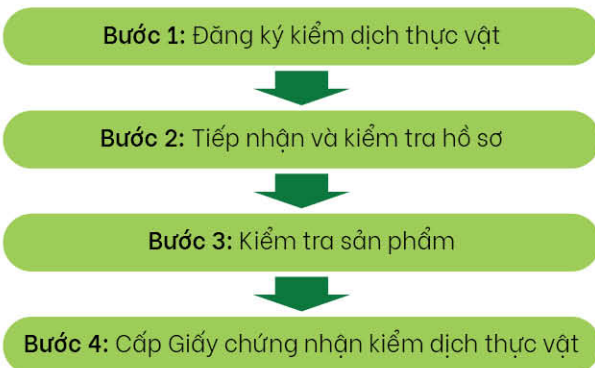


2.2. Quy định về kiểm dịch thực vật

Quy định về kiểm dịch thực vật xuất khẩu của Việt Nam được tổng hợp dưới đây:

Yêu cầu quy định	Điều, khoản của văn bản quy định
Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu	Phụ lục IV, Thông tư số 33/2014/TT-BNNPT-NT
Trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật xuất khẩu	Điều 10, Thông tư số 19/VBHN-BNNPTNT ngày 27/5/2024

Trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật xuất khẩu



2.3. Quy định về đăng ký mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói

Quy định về đăng ký mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói được quy định theo Luật Trồng trọt năm 2018, Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT (nay là Bộ NNMT) ban hành tài liệu hướng dẫn tạm thời về cấp, quản lý mã số vùng trồng, Văn bản số 1776/BNN-BVTV ngày 23/3/2023 của Bộ NNPTNT (nay là Bộ NNMT) về việc cấp và quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu và các văn bản liên quan. Hiện nay, Bộ NNMT đang dự thảo Thông tư hướng dẫn việc quản lý mã số

vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói sản phẩm cây trồng trong phạm vi toàn quốc, dự kiến có hiệu lực trong năm 2026.

Cơ quan thực hiện cấp, quản lý mã số vùng trồng ở địa phương là Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở NNMT cấp tỉnh, thành phố.

Quy trình cấp, quản lý mã số vùng trồng

1. Tổ chức/cá nhân (gọi tắt là cơ sở) gửi giấy đăng ký theo mẫu hướng dẫn đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở NNMT;

2. Cơ quan cấp mã số vùng trồng thực hiện kiểm tra mức độ đáp ứng theo yêu cầu đối với các thông tin đã cung cấp theo mẫu. Các yêu cầu đối với vùng trồng bao gồm:

- Quy mô tối thiểu: Cây trồng lâu năm: 01 ha; Cây hàng năm: 0,1 ha
- Vùng trồng đáp ứng các điều kiện đảm bảo ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12.
- Có đầy đủ thông tin và cập nhật theo vụ/chu kỳ thu hoạch các thông tin về truy xuất nguồn gốc, đối tượng cây trồng, tên giống cây trồng, diện tích, tiêu chuẩn (quy trình) áp dụng, sản lượng dự kiến, thời gian dự kiến thu hoạch, thị trường dự kiến tiêu thụ (vào đầu vụ/chu kỳ thu hoạch) và sản lượng chính thức khi kết thúc thu hoạch, sau khi đã được cấp mã số vùng trồng.

3. Cấp mã số vùng trồng

- Vùng trồng đáp ứng các yêu cầu sẽ được cấp mã số theo mẫu quy định.

Quy trình cấp, quản lý mã số cơ sở đóng gói

1. Đăng ký thông tin kỹ thuật của cơ sở đóng gói

Tổ chức/cá nhân (gọi tắt là cơ sở) gửi tờ khai kỹ thuật đề nghị cấp mã số cơ sở đóng gói và các thông tin cần thiết theo mẫu hướng dẫn đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở NNMT;

2. Kiểm tra thực tế

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp tỉnh có trách nhiệm đi kiểm tra thực tế để xác định mức độ đáp ứng các yêu cầu để làm căn cứ cấp mã số cơ sở đóng gói cho cơ sở đề nghị. Các yêu cầu chung đối với cơ sở đóng gói bao gồm:

- Cơ sở đóng gói cần đáp ứng đủ nguồn nước sạch, nguồn cung cấp điện, có hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải, đảm bảo vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ theo quy định;
- Cơ sở đóng gói bố trí đủ cơ sở vật chất cho việc nhận, phân loại, sơ chế, bảo quản và đóng gói nông sản theo nguyên tắc một chiều, có biện pháp kiểm soát sinh vật gây hại tránh tái nhiễm và lây nhiễm chéo;
- Cơ sở đóng gói phải có đủ trang thiết bị và phải được bảo quản và hiệu chỉnh định kỳ theo quy định của nước nhập khẩu;
- Các loại hóa chất sử dụng phải nằm trong danh mục được phép sử dụng, sử dụng đúng theo quy định của Việt Nam và nước nhập khẩu;
- Bao bì, nguyên liệu dùng trong đóng gói phải sạch sẽ. Kích thước và thông tin trên bao bì đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu;
- Pallet hay các vật liệu đóng gói bằng gỗ phải được xử lý theo tiêu chuẩn quốc tế ISPM 15;

- Có đầy đủ hồ sơ ghi chép, sổ sách đầy đủ đảm bảo truy xuất được nguồn gốc của sản phẩm.



3. Cấp mã số cơ sở đóng gói

Mã số cơ sở đóng gói do cơ quan chuyên môn về bảo vệ và kiểm dịch thực vật tại địa phương (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở NNMT) cấp. Cơ quan chuyên môn địa phương có trách nhiệm cập nhật thông tin của cơ sở đóng gói lên Cơ sở dữ liệu về mã số cơ sở đóng gói.

Cơ quan chuyên môn địa phương thực hiện và chịu trách nhiệm toàn bộ việc thiết lập, kiểm tra thực tế, hoàn thiện hồ sơ, cấp mã số và bảo đảm duy trì các điều kiện kỹ thuật đối với các mã số cơ sở đóng gói đã cấp. Cơ quan chuyên môn địa phương lưu trữ và chịu trách nhiệm về tính chính xác, phù hợp của hồ sơ.

Trường hợp xuất khẩu, các địa phương rà soát các mã số đã cấp, đối chiếu với quy định của nước nhập khẩu và tập hợp danh sách báo cáo về Cục TT&BVTV để gửi nước nhập khẩu để được nước nhập khẩu phê duyệt hoặc cấp mã số. Nước nhập khẩu có thể tiến

hành kiểm tra trực tiếp hoặc trực tuyến trước khi phê duyệt và cấp mã số cho các vùng trồng, cơ sở đóng gói này.

2.4. Kiểm soát dư lượng thuốc BVTV, chất ô nhiễm trong thực phẩm có nguồn gốc thực vật

Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (Maximum Residue Level - viết tắt là MRL) là hàm lượng tối đa của một tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm (đơn vị tính: mg/kg thực phẩm). Tại Việt Nam, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Một số văn bản quy định có liên quan của Việt Nam:

1. Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế ban hành quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Các hóa chất bảo vệ thực vật quy định đối với nhóm rau quả bao gồm: 2,4-D, 2-Phenylphenol, Abamectin; Acephate; Amitraz; Chlomequat; Chlorpyrifos; Dimethoate,... như bảng dưới đây:

Danh sách quy định về an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật (SPS) đối với ngành hàng rau quả

Tên thuốc BVTV (tên hoạt chất)	Thực phẩm	MRL (mg/kg)	Ghi chú
2,4-D	Các loại quả mọng và quả nhỏ khác	0,1	
	Quả có múi thuộc họ cam quýt	1	Po
	Quả dạng táo	0,01	(*)
	Các loại quả có hạt	0,05	(*)
	Các loại quả hạch	0,2	
2-Phenylphenol	Quả có múi thuộc họ cam quýt	10	Po
	Nước cam ép	0,5	PoP
	Lê	20	Po

Abamectin	Hạnh nhân	0,01	(*)
	Táo	0,02	
	Quả có múi thuộc họ cam quýt	0,01	(*)
	Lá rau diếp	0,05	
	Các loại dưa, trừ dưa hấu	0,01	(*)
	Lê	0,02	
	Ớt ta khô	0,2	
	Ớt ngọt (gồm cả ớt ngọt Pimento)	0,02	
	Dưa hấu	0,01	(*)
Acephate	Các loại bắp cải	2	
	Quả nam việt quất	0,5	
	Ớt ta khô	50	
	Các loại gia vị	0,2	(*)
	Cà chua	1	
Acetamiprid	Các loại quả mọng và quả nhỏ khác	2	trừ nho và dâu tây
	Các loại bắp cải	0,7	
	Quả có múi thuộc họ cam quýt	1	
	Hạt cây bông	0,7	
	Quả dạng táo	0,8	
	Mận khô	0,6	
Aldicarb	Cải Brussels	0,1	
	Quả có múi thuộc họ cam quýt	0,2	
	Các loại nho	0,2	
	Các loại gia vị từ quả và quả mọng	0,07	
	Củ cải đường	0,05	(*)
	Khoai lang	0,1	
	Lúa mì	0,02	
Ametoctradin	Các loại rau họ bắp cải, cải bắp, cải bông	9	
	Cần tây	20	
	Dưa chuột	0,4	
	Nho khô (gồm cả quả lý chua khô và nho khô không hạt)	20	

	Các loại rau ăn quả (trừ bầu bí)	1,5	trừ ngô ngọt và nấm
	Rau ăn lá	50	
Acetamidrid	Các loại cam ngọt, cam chua (gồm cả các quả lai giống cam)	0,5	
	Quả đào	0,5	
	Cà chua	0,5	
Amitrole	Các loại nho	0,05	
	Quả dạng táo	0,05	(*)
	Các loại quả có hạt	0,05	(*)

Ghi chú: (*) Tại ngưỡng phát hiện hoặc về ngưỡng phát hiện.

Po: Mức MRL áp dụng cho sản phẩm sau thu hoạch;

PoP: Mức MRL áp dụng cho sản phẩm chế biến thô sau thu hoạch.

2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT quy định giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm, chẳng hạn quy định giới hạn kim loại nặng trong rau quả, ngũ cốc:

- Hàm lượng Asen (As): 1,0 mg/kg (rau khô, quả khô);
- Hàm lượng Cadmi (Cd): 0,1 mg/kg (ngũ cốc, rau ăn củ); 0,2 mg/kg (rau ăn lá);
- Hàm lượng Chì (Pb): 0,2 mg/kg (ngũ cốc), 2,0 mg/kg (rau khô, quả khô), 1,0 mg/kg (rau, quả đóng hộp).;
- Hàm lượng thiếc (Sn) trong sản phẩm đóng hộp: 250 mg/kg (rau, quả đóng hộp).



Thông tư số. 02/2011/TT-BYT
BỘ Y TẾ

QCVN 8-2:2011/BYT

QCVN

8-3:2012/BYT

3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-3:2012/BYT về giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, quy định giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong rau, quả và sản phẩm rau, quả bao gồm các chỉ tiêu bắt buộc phải kiểm nghiệm khi tiến hành đánh giá hợp quy, cụ thể:

- Salmonella: Rau mầm (ăn ngay không qua xử lý nhiệt), rau ăn sống, quả ăn ngay: đều quy định “Không phát hiện”;
- E. coli: quy định đối với rau ăn sống, quả ăn ngay là 102 CFU/g.

2.5. Quy định về truy xuất nguồn gốc

Truy xuất nguồn gốc là khả năng nhận diện, theo dõi một đơn vị sản phẩm thông qua tất cả các giai đoạn sản phẩm đó trải qua trong chuỗi cung ứng, từ nguồn nguyên liệu, sản xuất, chế biến, vận chuyển và phân phối ra thị trường. Tại Việt Nam, quy định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản được ban hành theo Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ NNMT).

Ở các thị trường nhập khẩu, các hàng hóa, đặc biệt là tất cả thực phẩm, thâm nhập vào thị trường phải chứng minh nguồn gốc bằng chứng từ, tài liệu của những người đã mua thực phẩm và người cung cấp. Để thực hiện nghĩa vụ của mình, các nhà nhập khẩu yêu cầu các tài liệu chứng minh truy xuất nguồn gốc từ các nhà cung cấp. Điều này cho thấy tầm quan trọng của một hệ thống lưu trữ hồ sơ tại chỗ để cung cấp thông tin theo yêu cầu của nhà nhập khẩu. Truy xuất nguồn gốc hàng hóa có nguồn gốc thực vật được nêu tại quy định cụ thể của từng thị trường nhập khẩu.

2.6. Quy định về ghi nhãn các sản phẩm rau quả

Ngày 09/12/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa. Theo đó, nhãn của hàng hóa xuất khẩu trong đó có thực phẩm thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật nước nhập khẩu. Các quy định của thị trường nhập khẩu về ghi nhãn rất rõ ràng. Nhãn sản phẩm gồm các thông tin chính sau đây. Tham khảo chi tiết tại

Website của Văn phòng TBT Việt Nam (theo đường link: <https://tbt.gov.vn/tra-cuu-tai-lieu/?category=hoi-dap-ve-tbt>):

- Tên của sản phẩm, bao gồm tên thương mại và tên khoa học;
- Danh sách các thành phần;
- Phương pháp sản xuất;
- Khối lượng tịnh: khối lượng tịnh phải được đề cập trên các sản phẩm đóng gói sẵn;
- Nơi sản xuất (vùng/quốc gia); ngày sản xuất và thời hạn sử dụng;
- Tên, số đăng ký, địa chỉ của tất cả các doanh nghiệp sản xuất, chế biến có liên quan (bao gồm cơ sở chế biến, vận chuyển, kho lạnh);
- Tên hoặc mã số vùng trồng, tên hoặc mã số cơ sở đóng gói;
- Người bán ở nước nhập khẩu - tên hoặc tên doanh nghiệp và địa chỉ của nhà sản xuất, đóng gói hoặc người bán được thành lập;
- Bao bì phải có số phê duyệt của nước nhập khẩu; Bao bì cũng phải có “số lô”, là số được cấp cho các sản phẩm thuộc cùng một lô từ cùng một nhà xuất khẩu;
- Dinh dưỡng - thành phần và giá trị dinh dưỡng phải được đề cập đến.

2.7. Quy định về sản phẩm thực vật hữu cơ



Theo quy định tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm thực vật hữu cơ là thực phẩm có nguồn gốc thực vật được sản xuất, chứng nhận và ghi nhãn phù hợp theo quy định từ quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, vận chuyển, bảo quản phù hợp với tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ. Đối với các sản phẩm hữu cơ xuất khẩu phải được chứng nhận bởi tổ chức, quốc gia ban hành tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn

khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài thừa nhận bằng văn bản. Việt Nam đã ban hành Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11041-2:2017 về Trồng trọt hữu cơ với các quy định cụ thể có liên quan đến sản phẩm thực vật hữu cơ.

TIÊU CHUẨN VÀ QUY ĐỊNH CHO CÂY TRỒNG HỮU CƠ CỦA USDA

USDA đặt ra 1 vài tiêu chuẩn và quy định cho cây trồng hữu cơ muốn xuất khẩu sang thị trường Mỹ.



-  Tiêu chuẩn đất trồng hữu cơ
-  Yêu cầu về giống cây trồng và phương pháp canh tác
-  Không sử dụng phân bón hoá học cũng như thuốc trừ sâu

03 nhóm tiêu chuẩn trong trồng trọt hữu cơ theo quy định của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA)

Để xuất khẩu sản phẩm hữu cơ, nhà sản xuất phải được chấp thuận cho sản xuất hữu cơ. Thủ tục phê duyệt tùy thuộc vào việc nước xuất khẩu có được thị trường nhập khẩu công nhận tương đương cấp tương đương hay không. Công nhận tương đương được cấp sau khi thị trường nhập khẩu đánh giá cơ quan quốc gia và chứng nhận quốc gia đối với các trang trại hữu cơ. Tất cả các loại thực phẩm hữu cơ phải được thông báo trước khi đến biên giới của nước nhập khẩu và chịu sự kiểm soát tại biên giới trước khi được phép nhập khẩu vào thị trường đó.

PHẦN III

QUY ĐỊNH CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT (SPS) CỦA MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU RAU QUẢ TRỌNG ĐIỂM CỦA VIỆT NAM

3.1. Trung Quốc

3.1.1. Quy định chung

- Các doanh nghiệp xuất khẩu phải được cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc thẩm định hồ sơ và cấp phép xuất khẩu.
- Lô hàng xuất khẩu phải kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp và chứng nhận phải bảo đảm an toàn dịch bệnh, đồng thời phải gửi ngay cho cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc.
- Thực phẩm nhập khẩu phải tuân thủ luật pháp và quy định của Trung Quốc và các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm, các yêu cầu đặc thù của điều ước và thỏa thuận quốc tế mà Trung Quốc đã ký kết hoặc tham gia và cũng phải phù hợp các yêu cầu của các hiệp định, điều ước quốc tế.
- Trường hợp nhập khẩu thực phẩm chưa có tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm, cần tuân theo các yêu cầu của tiêu chuẩn có liên quan sử dụng tạm thời do Ủy ban quản lý Y tế Quốc vụ viện ban hành.
- Thực phẩm được sản xuất bằng nguyên liệu thực phẩm mới phải có giấy phép quản lý y tế về nguyên liệu thực phẩm mới của Ủy Ban quản lý Y tế Quốc vụ viện theo quy định tại Điều 37 của Luật An toàn thực phẩm của Trung Quốc.

Ngày 14/10/2025, Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) ban hành Nghị định số 280 quy định về đăng ký cơ sở sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài, thay thế Lệnh số 248, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

3.1.2. Đăng ký doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

Từ ngày 01/01/2022, doanh nghiệp khi xuất khẩu nông sản thực phẩm sang thị trường Trung Quốc tuân thủ theo: Biện pháp quản lý thực phẩm xuất nhập khẩu (Lệnh số 249) và Quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước ngoài nhập khẩu thực phẩm vào Trung Quốc (Lệnh số 248) và các thỏa thuận đã ký giữa hai bên. Cụ thể:

- Doanh nghiệp sản xuất/chế biến thực phẩm xuất khẩu vào Trung Quốc phải đăng ký và được GACC cấp mã số sản phẩm/nhà máy;
- Doanh nghiệp có nhiều nhà máy phải đăng ký nhiều mã (tương ứng với mỗi nhà máy);
- Thời hạn hiệu lực mỗi mã là 05 năm;
- Quy định này không áp dụng cho doanh nghiệp thương mại.

Theo Lệnh số 248, phân loại danh nghiệp theo mức độ rủi ro như sau:

- **Nhóm I:** gồm các doanh nghiệp sản xuất 18 loại thực phẩm xuất khẩu: thịt và các sản phẩm từ thịt; ruột động vật; sản phẩm thủy sản; sản phẩm từ sữa; yến sào và sản phẩm từ tổ yến; sản phẩm từ ong; trứng và các sản phẩm từ trứng; chất béo và dầu thực phẩm; các loại bánh có nhân; ngũ cốc ăn liền; **sản phẩm bột ngũ cốc và mạch nha; rau tươi, khô và đậu khô; gia vị; các loại quả hạnh và hạt; trái cây sấy khô;** hạt cà phê và hạt ca cao chưa rang; thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt; thực phẩm chức năng do Cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu đề nghị đăng ký với GACC;

- **Nhóm II:** các doanh nghiệp sản xuất các loại thực phẩm không nằm trong 18 loại thực phẩm nêu trên tự nộp hồ sơ đăng ký hoặc ủy quyền đơn vị trung gian thực hiện đăng ký với GACC.

Đến tháng 10 năm 2025, GACC đã phê duyệt 3.938 mã (10 tháng đầu năm 2025: 250 mã) sản phẩm nông sản và thực phẩm các doanh nghiệp của Việt Nam được phép nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc (theo số liệu công bố trên hệ thống CIFER của GACC).

Tuy nhiên, sau khi Nghị định số 280 thay thế Lệnh số 248 về đăng ký doanh nghiệp xuất khẩu nông sản và thực phẩm vào thị trường Trung Quốc có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2026, quy định cũ với 18 loại thực phẩm xuất khẩu ở trên sẽ không còn hiệu lực. GACC sẽ công bố danh sách sản phẩm bắt buộc phải thông qua thư giới thiệu của cơ quan thẩm quyền của Việt Nam.

3.1.3. Quy định đăng ký mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói

Mã số vùng trồng là điều kiện cần thiết và bắt buộc đối với xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và là một trong những yếu tố phục vụ cho việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Khoản 1 Điều 64 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 quy định mã số vùng trồng là mã số định danh cho một vùng trồng trọt nhằm theo dõi và kiểm soát tình hình sản xuất; kiểm soát chất lượng sản phẩm; truy xuất nguồn gốc sản phẩm cây trồng. Mã số vùng trồng là một trong những tiêu chí đầu tiên để nông sản đủ tiêu chuẩn xuất khẩu. Việc cấp mã số vùng trồng không những giúp truy xuất nguồn gốc mà còn gắn chặt sản xuất theo quy trình nhất định để đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu, giúp nông dân ý thức được vấn đề sản xuất liên quan chặt chẽ đến chất lượng và giá thành sản phẩm.

Trái cây khi nhập khẩu vào Trung Quốc bắt buộc phải có thông tin truy xuất nguồn gốc và thông tin mã vùng trồng. Theo quy định của Trung Quốc, trái cây tươi nhập khẩu vào nước này bắt buộc phải có thông tin truy xuất nguồn gốc và yêu cầu cơ quan thẩm quyền

của nước xuất khẩu phải cung cấp thông tin mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trái cây tươi cho cơ quan thẩm quyền của phía Trung Quốc. Để đảm bảo xuất khẩu trái cây tươi thuận lợi, đáp ứng quy định của nước nhập khẩu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị thuộc Bộ triển khai thực hiện cấp thông tin vùng trồng và cơ sở đóng gói trái cây tươi xuất khẩu. Cục TT&BVTV đã cấp mã số cho các vùng trồng và các cơ sở đóng gói của từng loại trái cây theo từng tỉnh.

3.1.4. Quy định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật

Tại thị trường Trung Quốc, các quy định về mức dư lượng tối đa cho phép (MRL) đối với thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm. Một số quy định chính bao gồm:

- Tiêu chuẩn GB 2763-2021 Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm Quốc gia - Giới hạn dư lượng tối đa đối với thuốc trừ sâu trong thực phẩm. Tiêu chuẩn này quy định 10.092 mức giới hạn dư lượng tối đa đối với 564 loại thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục 376 thực phẩm;
- Tiêu chuẩn GB 23200.116-2019 Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm Quốc gia - Xác định 90 thuốc trừ sâu và các chất chuyển hóa hữu cơ tồn dư trong thực phẩm có nguồn gốc thực vật;
- Tiêu chuẩn GB 2760-2024 Tiêu chuẩn về sử dụng phụ gia thực phẩm quy định cụ thể các loại và tên gọi của phụ gia thực phẩm được phép sử dụng tại Trung Quốc, cũng như phạm vi và liều lượng sử dụng của từng loại;
- Tiêu chuẩn GB2762-2022 Tiêu chuẩn quốc gia quy định mức dư lượng tối đa chất gây ô nhiễm trong thực phẩm. Tiêu chuẩn này quy định các giới hạn tối đa đối với nhiều chất gây ô nhiễm trong thực phẩm, bao gồm kim loại nặng (chì, cadmi, thủy ngân, asen), nitrit, nitrat, ben[a]pyrene, N-dimethylnitrosamine, PCBs, và 3-MCPD.

3.1.5. Kiểm dịch thực vật xuất khẩu

Mỗi lô hàng trước khi được vận chuyển đến cửa khẩu để xuất khẩu thì phải được kiểm dịch, đây là yêu cầu bắt buộc các nhà sản xuất xuất khẩu phải thực hiện và được kiểm soát bởi cơ quan chức năng có thẩm quyền của Việt Nam.

- Lô hàng phải được nhà xuất khẩu khai báo và trình cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam để tiến hành kiểm nghiệm sản phẩm;
- Quy định trình tự, thủ tục tuân thủ theo hướng dẫn tại Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ NNMT) về kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
- Cơ quan cấp phép kiểm dịch thực vật là Cục TT&BVTV, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Đơn vị xin phép là nhà sản xuất/xuất khẩu.
- Kết quả của kiểm dịch là Chứng thư kiểm dịch và sẽ là căn cứ kiểm tra tại cửa khẩu nhập khẩu của Trung Quốc.

3.1.6. Nội dung và hình thức đánh giá rủi ro

Dựa trên quy định liên quan về quản lý rủi ro và quy định hành chính về kiểm tra hàng hóa nhập khẩu, Hải quan Trung Quốc thực hiện đánh giá sự phù hợp đối với thực phẩm nhập khẩu. Hoạt động đánh giá sự phù hợp của thực phẩm nhập khẩu bao gồm:

- Đánh giá, rà soát hệ thống quản lý ATTP của các nước (khu vực) xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc;
- Đăng ký doanh nghiệp sản xuất nước ngoài;
- Bảo đảm hợp quy và hồ sơ nhà xuất nhập khẩu;
- Phê duyệt kiểm dịch thực vật nhập cảnh;
- Kiểm tra các chứng chỉ năng lực kèm theo, xem xét tài liệu;

- Kiểm tra tại chỗ, giám sát và kiểm tra ngẫu nhiên;
- Kiểm tra hồ sơ nhật ký nhập khẩu và bán hàng;
- Và kết hợp nhiều hạng mục khác nhau.

GACC có thể tổ chức cho các chuyên gia thực hiện đánh giá, thẩm tra thông qua các hình thức, kết hợp giữa thẩm tra:

- Tài liệu;
- Kiểm tra video;
- Kiểm tra tại chỗ.

3.1.7. Xử lý kết quả đánh giá rủi ro

Thực phẩm nhập khẩu nếu đã được cơ quan hải quan đánh giá hợp quy thì được phép nhập khẩu.

Nếu thực phẩm nhập khẩu được cơ quan hải quan đánh giá là không hợp quy thì hải quan cấp giấy xác nhận không hợp quy; nếu không đủ điều kiện về an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường thì hải quan thông báo bằng văn bản cho nhà nhập khẩu thực phẩm để có trách nhiệm tiêu hủy hoặc trả lại; nếu là các hạng mục khác không đủ tiêu chuẩn, thông qua xử lý kỹ thuật đáp ứng yêu cầu đánh giá sự phù hợp mới được nhập khẩu. Trường hợp các hạng mục liên quan của thực phẩm nhập khẩu không được xử lý kỹ thuật trong thời gian quy định hoặc sau khi xử lý kỹ thuật vẫn không đạt chất lượng thì hải quan ra lệnh tiêu hủy hoặc trả lại đơn vị nhập khẩu thực phẩm.

3.1.8. Kiểm dịch và phê duyệt kiểm dịch tại cửa khẩu

Theo nhu cầu của quản lý rủi ro, Hải quan có thể triển khai chỉ định các cảng/cửa khẩu nhập khẩu thực phẩm và chỉ định các địa điểm kiểm tra, giám sát. GACC công bố danh sách các cảng/cửa khẩu và địa điểm giám sát được chỉ định.

Hải quan thực hiện kiểm dịch và kiểm tra, phê duyệt kiểm dịch đối với thực phẩm nhập khẩu phải kiểm tra, phê duyệt kiểm dịch thực vật nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

Căn cứ nhu cầu giám sát và quản lý, hải quan sẽ tiến hành kiểm tra tại chỗ đối với thực phẩm nhập khẩu, kiểm tra tại chỗ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:

(1) Phương tiện vận chuyển và nơi bảo quản có đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh hay không;

(2) Số container, số niêm phong, nội dung ghi nhãn trên bao bì bên trong và bên ngoài, tình trạng thực tế của hàng hóa có phù hợp với thông tin khai báo và các chứng từ kèm theo hay không;

(3) Thực phẩm nguồn gốc thực vật, bao bì trong quy định tại Điều 22 của “Quy định thi hành Luật Kiểm dịch động thực vật xuất nhập cảnh” hay không;

(4) Bao bì bên trong và bên ngoài có đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm hay không và có bị nhiễm bẩn, hư hỏng, ẩm ướt hoặc thối thấu hay không;

(5) Nhãn, biểu tượng và hướng dẫn trên bao bì bên trong và bên ngoài có đáp ứng các yêu cầu của pháp luật, quy phạm hành chính, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia và quy định của GACC hay không;

(6) Các đặc tính cảm quan của thực phẩm có đáp ứng các đặc tính nên có của thực phẩm hay không;

(7) Độ tươi của thực phẩm đông lạnh và làm lạnh, nhiệt độ lõi có đáp ứng yêu cầu không, có biến đổi bệnh lý không, nhiệt độ của môi trường làm lạnh và đông lạnh có đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn liên quan hay không, thiết bị và phương tiện kiểm soát nhiệt độ dây chuyền lạnh hoạt động bình thường hay không, ghi chép nhiệt độ có đáp ứng các yêu cầu hay không và có thể được thực hiện nếu cần thử nghiệm nấu.

3.1.9. Quy định ghi nhãn và đóng gói thực phẩm

Việc đóng gói, ghi nhãn và nhận dạng thực phẩm nhập khẩu phải tuân theo luật, quy định và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc; nếu theo quy định cần có hướng dẫn thì phải có hướng dẫn bằng tiếng Trung Quốc.



Việc ghi nhãn sản phẩm thực phẩm chủ yếu được quy định bởi Luật An toàn Thực phẩm Trung Quốc, các biện pháp giám sát và quản lý ghi nhãn thực phẩm và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia có liên quan.

Các cơ quan kiểm tra nhập khẩu xác định việc ghi nhãn là một trong những lý do chính dẫn đến việc không tuân thủ và là trọng tâm của một lượng lớn khiếu nại của người tiêu dùng.

Theo Luật An toàn Thực phẩm Trung Quốc, thực phẩm đóng gói sẵn phải được ghi nhãn thể hiện bằng tiếng Trung/tiếng Anh hoặc tiếng Trung/tiếng Việt với các thông tin sau:

1. Tên hàng hóa và tên khoa học;
2. Quy cách sản phẩm;
3. Ngày sản xuất, số lô, hạn sử dụng và điều kiện bảo quản;
4. Phương thức sản xuất;
5. Khu vực sản xuất (vùng/quốc gia);
6. Tên, số đăng ký, địa chỉ của tất cả các doanh nghiệp sản xuất, chế biến có liên quan (bao gồm cơ sở chế biến, vận chuyển, kho lạnh);
7. Điểm đến phải ghi là Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Ngày 16/3/2025, Trung Quốc đã công bố GB 7718-2025 – Tiêu chuẩn chung về ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn (General Standard for the Labelling of Prepackaged Foods). Đây là tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng cho tất cả các sản phẩm thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu và lưu thông tại thị trường Trung Quốc.

Tiêu chuẩn mới sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 16/3/2027, thay thế cho phiên bản hiện hành GB 7718-2011. Doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm vào Trung Quốc, trong đó có Việt Nam, cần đặc biệt quan tâm và chuẩn bị sớm để bảo đảm tuân thủ.

Các yêu cầu nổi bật của GB 7718-2025:

1. Ghi nhãn chất gây dị ứng (Allergen labelling):

Lần đầu tiên, quy định bắt buộc ghi rõ các thành phần gây dị ứng phổ biến (như sữa, trứng, đậu nành, gluten, hạt cứng...).

Đây là điểm mới nhằm bảo vệ người tiêu dùng, đặc biệt nhóm nhạy cảm.

2. Yêu cầu về nhãn số hóa (Digital label):

Nhãn thực phẩm được hiển thị trên bao bì thực phẩm bằng công nghệ thông tin như mã QR.

3. Quy định về ngày sản xuất và hạn sử dụng:

Bắt buộc ghi theo thứ tự năm – tháng – ngày (YYYY-MM-DD).

Cấm sử dụng các cách viết mơ hồ, gây hiểu nhầm.

4. Hạn chế cách diễn đạt gây hiểu nhầm:

Không cho phép sử dụng cụm từ như “không thêm”, “không chứa” khi chưa có căn cứ khoa học rõ ràng.

Yêu cầu minh bạch, chính xác, tránh quảng cáo sai lệch.

5. Tăng cường minh bạch và chuẩn hóa thông tin:

Nội dung nhãn phải thống nhất, rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp cho việc kiểm tra của cơ quan quản lý và nhận diện của người tiêu dùng.

3.2. Hoa Kỳ

3.2.1. Quy định chung

- Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ tổ chức đánh giá hệ thống quản lý sản phẩm có nguồn gốc thực vật của nước xuất khẩu thông qua đánh giá tài liệu, thanh tra thực tế, kiểm tra sản phẩm khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Hệ thống quản lý sản phẩm thực vật của nước xuất khẩu phải đạt các yêu cầu tương đương với hệ thống kiểm soát dịch bệnh và các yêu cầu về vệ sinh ATTP của Hoa Kỳ.
- Áp dụng đánh giá ban đầu và định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm soát dịch bệnh, các yêu cầu về vệ sinh ATTP đối với sản phẩm có nguồn gốc thực vật của nước xuất khẩu.



Trách nhiệm liên quan đến kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm của Hoa Kỳ thuộc sự quản lý của hai cơ quan Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) và Bộ Y tế và Dịch vụ dân sinh (HHS). Hai cơ quan

thuộc USDA quản lý an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật bao gồm Cục Kiểm tra và An toàn Thực phẩm (FSIS) và Cục Kiểm dịch động, thực vật (APHIS). Cơ quan thuộc HHS quản lý về thực phẩm và dược phẩm là Cục Quản lý thực phẩm và dược phẩm (FDA).

3.2.2. Quy định nhập khẩu rau quả vào Hoa Kỳ

Cục Kiểm dịch động, thực vật (APHIS) quản lý việc nhập khẩu rau quả vào Hoa Kỳ nhằm bảo vệ sức khỏe và giá trị của nền nông nghiệp Hoa Kỳ (tham khảo tại đường link: <https://www.aphis.usda.gov/plant-imports>). Yêu cầu nhập khẩu rau quả vào Hoa Kỳ tùy thuộc vào từng mặt hàng cụ thể và quốc gia xuất xứ. Doanh nghiệp có thể tìm thấy thông tin này trong hệ thống cơ sở dữ liệu Yêu cầu nhập khẩu hàng hóa nông sản (ACIR) của Hoa Kỳ.

Tất cả trái cây và rau quả được phép nhập khẩu vào Hoa Kỳ phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

- *Không có các bộ phận thực vật trái phép:* tất cả trái cây và rau quả nhập khẩu phải không có rác thải thực vật hoặc mảnh vụn và không có bất kỳ bộ phận thực vật nào bị cấm;
- *Đối với giấy phép:* tất cả trái cây và rau quả nhập khẩu vào Hoa Kỳ phải được nhập khẩu theo giấy phép do APHIS cấp, phải được nhập khẩu theo các điều kiện được quy định trong giấy phép và phải được nhập khẩu theo tất cả các quy định hiện hành;
- *Về cửa khẩu nhập cảnh:* trái cây và rau quả phải được nhập khẩu vào các cảng cụ thể. Nếu giấy phép được cấp cho việc nhập khẩu trái cây hoặc rau quả có ghi rõ cảng cụ thể nơi trái cây hoặc rau quả phải được nhập khẩu, thì trái cây và rau quả chỉ được phép nhập khẩu vào cảng được ghi rõ trong giấy phép. Nếu giấy phép được cấp cho việc nhập khẩu trái cây hoặc rau quả không ghi rõ cảng cụ thể nơi trái cây hoặc rau quả phải được nhập khẩu, thì trái cây và rau quả có thể được nhập khẩu vào bất kỳ cảng nào;

- *Kiểm tra, xử lý và các yêu cầu khác:* tất cả trái cây hoặc rau quả nhập khẩu đều phải được kiểm tra, khử trùng tại cảng đến đầu tiên theo yêu cầu của thanh tra viên, và phải được kiểm tra lại tại các địa điểm khác theo lựa chọn của thanh tra viên. Nếu thanh tra viên phát hiện sâu bệnh hại thực vật trên hoặc trong bất kỳ loại rau quả nào hoặc bao bì của chúng, chủ sở hữu hoặc đại lý của chủ sở hữu rau quả đó phải làm sạch hoặc xử lý rau quả đó và bao bì của chúng theo yêu cầu của thanh tra viên, và rau quả đó cũng phải được thanh tra viên kiểm tra lại, làm sạch và xử lý bất cứ lúc nào và tại địa điểm nào cho đến khi tất cả các yêu cầu được đáp ứng.

(1) Doanh nghiệp nhập khẩu rau quả vào Hoa Kỳ phải cung cấp các sản phẩm đó để kiểm tra và nhập cảnh tại cảng đến đầu tiên hoặc tại bất kỳ địa điểm nào khác do thanh tra viên chỉ định. Tất cả rau quả phải được khai báo chính xác và sẵn sàng cho thanh tra viên kiểm tra. Chủ sở hữu hoặc đại lý phải cung cấp cho thanh tra viên tên và địa chỉ của người nhận hàng và phải khai báo đầy đủ về chủng loại, số lượng, quốc gia và địa phương xuất xứ của tất cả các loại rau quả trong lô hàng trên hóa đơn hoặc chứng từ tương tự đối với các lô hàng thương mại.

(2) Từ chối nhập cảnh: nếu thanh tra viên phát hiện một loại rau quả nhập khẩu bị cấm, hoặc không kèm theo giấy tờ bắt buộc, hoặc bị nhiễm sâu bệnh thực vật và theo đánh giá của thanh tra viên, không thể làm sạch hoặc xử lý, toàn bộ lô hàng có thể bị từ chối nhập cảnh vào Hoa Kỳ.

Chủ sở hữu rau quả nhập khẩu chịu trách nhiệm về tất cả các chi phí bổ sung cho việc kiểm tra, xử lý, vận chuyển, lưu trữ, tiêu hủy hoặc các biện pháp khác do thanh tra viên yêu cầu.

3.2.3. Quy trình phê duyệt nhập khẩu rau quả

Nếu doanh nghiệp đang muốn nhập khẩu trái cây, rau củ, thực vật hoặc sản phẩm thực vật vào Hoa Kỳ, hãy kiểm tra xem mặt hàng thực vật đó có được phép nhập khẩu hay không. Nếu không,

doanh nghiệp sẽ cần gửi yêu cầu nhập khẩu hàng hóa, như được nêu dưới đây:

1. Xác minh xem mặt hàng đó có được Hoa Kỳ cho phép hay không.

Tìm kiếm trong Sổ tay Thương mại Hàng hóa Sức khỏe Thực vật và Cơ sở dữ liệu Yêu cầu Nhập khẩu Hàng hóa Nông nghiệp (ACIR).

2. Nếu mặt hàng chưa được cấp phép hoặc hiện chưa được phân tích rủi ro dịch hại, cần liên hệ với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (Cục TT&BVTV) để được hướng dẫn.

Tính đến nay, Hoa Kỳ đã chính thức cấp phép xuất khẩu chính ngạch cho 08 loại trái cây tươi chủ lực từ Việt Nam gồm: **thanh long, xoài, vải, nhãn, chôm chôm, vú sữa, bưởi xanh và dứa.**

3.2.4. Minh họa quy định nhập khẩu quả vải của Việt Nam vào Hoa Kỳ

Yêu cầu nhập khẩu

- Hàng hóa này phải được kiểm tra tại cảng nhập cảnh và tuân thủ tất cả các yêu cầu chung tại mục 3.3.2 ở trên.
- Mỗi lô hàng phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do Cục TT&BVTV cấp kèm theo các tuyên bố bổ sung nêu rõ lô hàng được sản xuất và chuẩn bị để xuất khẩu theo các yêu cầu trong kế hoạch hoạt động song phương; và lô hàng đã được kiểm tra và không có *Phytophthora litchii*.
- Cần có Giấy phép nhập khẩu. Để xin giấy phép, hãy truy cập trang: <https://efile.aphis.usda.gov/s/>.
- Hàng hóa phải được đóng gói trong thùng carton hoặc hộp được đánh dấu và đóng dấu bằng các từ "Đã xử lý bằng chiếu xạ"; Mã đơn vị sản xuất (PUC); Mã cơ sở xử lý (TFC); Mã cơ sở đóng gói (PHC); ngày đóng gói; và số lô.

Yêu cầu bổ sung

Quả vải (*Litchi chinensis* Sonn.) chỉ được phép nhập khẩu vào lục địa Hoa Kỳ từ Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện sau:

Điều kiện trồng trọt

Quả vải phải được trồng tại các vườn cây ăn quả đã đăng ký và được Cục TT&BVTV giám sát để đảm bảo quả không bị nhiễm bệnh do nấm *Phytophthora litchii* gây ra.

Xử lý

Quả vải phải được xử lý bằng phương pháp chiếu xạ để diệt trừ sâu bệnh thuộc lớp Côn trùng (Insecta), ngoại trừ nhộng và trưởng thành thuộc bộ Cánh vẩy (Lepidoptera).

3.3. Hàn Quốc

3.3.1. Quy định chung

Liên quan đến nhập khẩu rau quả, các thủ tục nhập khẩu của Hàn Quốc dựa trên các luật sau:

- Luật Vệ sinh Thực phẩm: nhằm mục đích ngăn ngừa nguy cơ từ các mối nguy vệ sinh đối với sản phẩm thực phẩm. Một mục tiêu khác của luật này là cải thiện sức khỏe quốc gia thông qua những tiến bộ về chất lượng thực phẩm và dinh dưỡng.
- Luật Kiểm dịch Thực vật: nhằm mục đích ngăn chặn sự phát triển và xâm nhập của côn trùng gây hại và góp phần vào sự an toàn và sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp.
- Luật Ngoại thương: nhằm mục đích thúc đẩy thương mại nước ngoài và phát triển nền kinh tế quốc gia thông qua tăng cường thương mại và giao thương.
- Luật liên quan đến ghi nhãn thực phẩm: các quy định cho phép người tiêu dùng lựa chọn sản phẩm một cách hợp lý dựa trên thông tin bằng cách hiển thị thông tin liên quan đến thực phẩm trên bao bì hoặc hộp đựng.

- Các luật khác liên quan đến nhập khẩu.

Quy trình cho các hoạt động trước khi nhập khẩu

Các doanh nghiệp có ý định nhập khẩu rau quả có thể yêu cầu dịch vụ tư vấn về thủ tục nhập khẩu từ các chuyên gia kiểm tra và kiểm dịch ngay từ giai đoạn trước khi nhập khẩu. Việc tư vấn trước khi nhập khẩu có thể do Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc (KFDA) hoặc các chuyên gia tư vấn riêng lẻ thực hiện. Việc tư vấn trước khi nhập khẩu sẽ ngăn ngừa việc không tuân thủ và đảm bảo không có sai sót trong việc chuẩn bị các tài liệu theo yêu cầu của Luật Vệ sinh Thực phẩm.

Tư vấn trước khi nhập khẩu về kiểm tra và kiểm dịch tại Hàn Quốc là một giai đoạn hoạt động khác biệt so với thông báo nhập khẩu chính thức với KFDA. Việc tư vấn trước khi nhập khẩu nên được thực hiện trước, với các công ty tư vấn mà doanh nghiệp lựa chọn và có năng lực về kiểm tra và kiểm dịch, thuế hải quan và các yêu cầu khác.



Tư vấn trước sẽ ngăn ngừa sai sót và tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuẩn bị các tài liệu cần thiết, rà soát tài liệu và các giấy tờ nhập khẩu khác.

Hồ sơ thông báo nhập khẩu thực phẩm

Bất kỳ doanh nghiệp muốn nhập khẩu thực phẩm đều phải tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh, sau khi đáp ứng một số yêu cầu nhất định (ví dụ: tiêu chuẩn vệ sinh cho việc sử dụng kho lưu trữ thực phẩm). Hồ sơ tuân thủ cho việc bán hàng phải được nộp cho cơ quan thuộc

KFDA có thẩm quyền tại địa phương. Những doanh nghiệp không có giấy chứng nhận thông báo bán hàng được khuyến cáo không nên tiếp tục nhập khẩu.

Các tài liệu cần thiết cho việc thông báo nhập khẩu thực phẩm bao gồm:

- Giấy chứng nhận vệ sinh do cơ quan chính phủ tại quốc gia xuất xứ cấp cho hàng xuất khẩu;
- Danh mục nguyên vật liệu;
- Chi tiết sản xuất và chế biến.

Tài liệu yêu cầu từ nhà nhập khẩu

Các doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm phải điền đầy đủ các ô cần thiết trong mẫu đơn. Mẫu đơn Thông báo Nhập khẩu Thực phẩm phải ghi rõ tên công ty, địa chỉ, tên mặt hàng, tiêu chuẩn, số lượng, trọng lượng, quốc gia xuất khẩu, tên nhà sản xuất, cảng vận chuyển, danh sách nguyên vật liệu, quy trình sản xuất và các thông tin khác.

Mẫu khai báo nhập khẩu thực phẩm được viết bằng tiếng Hàn. Để tránh sai sót khi điền mẫu, doanh nghiệp xuất khẩu phải cung cấp cho nhà nhập khẩu thông tin chính xác về tên sản phẩm, nhà sản xuất, địa chỉ, quy trình sản xuất và danh mục nguyên vật liệu.

Đối với thịt và các sản phẩm thịt chế biến sẽ yêu cầu cung cấp Giấy chứng nhận vệ sinh do chính phủ nước xuất khẩu cấp.

Tài liệu yêu cầu từ người xuất khẩu

- Giấy chứng nhận kiểm tra (rau củ, trái cây, nấm và các loại khác);
- Giấy chứng nhận xuất khẩu (đối với trái cây đông lạnh, giấy chứng nhận xác nhận trái cây đã được đông lạnh dưới $-17,8$ oC);
- Nhà xuất khẩu phải chuẩn bị các giấy tờ cần thiết cho việc kiểm tra và kiểm dịch theo loại thực phẩm và quốc gia xuất khẩu, chẳng hạn như giấy chứng nhận vệ sinh, giấy chứng nhận kiểm tra hoặc báo cáo kiểm tra.

Giấy chứng nhận kiểm định hoặc kết quả kiểm định

Nếu cần thiết, doanh nghiệp xuất khẩu cần chuẩn bị giấy chứng nhận kiểm tra hoặc báo cáo kiểm tra do các tổ chức kiểm tra được ủy quyền trong nước hoặc nước ngoài cấp.

Nhà nhập khẩu thực phẩm phải loại bỏ, trả lại hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng hàng hóa nhập khẩu khi mặt hàng được xác định là không phù hợp sau khi kiểm tra và kiểm dịch. Trong trường hợp này, nhà nhập khẩu có thể bị tổn thất do chi phí và thời gian loại bỏ hoặc trả lại mặt hàng thực phẩm.

Khuyến nghị các doanh nghiệp nên tham khảo Luật Vệ sinh Thực phẩm để lấy mẫu kiểm tra dư lượng thuốc trừ sâu, việc sử dụng phụ gia thực phẩm và sự hiện diện của các vật liệu độc hại hoặc gây hại.

Giấy chứng nhận kiểm tra khác với thông báo nhập khẩu đối với thực phẩm. Nếu sau khi kiểm tra, mặt hàng thực phẩm nhập khẩu tuân thủ Luật Vệ sinh Thực phẩm của Hàn Quốc, nhà nhập khẩu có thể tiến hành nhập khẩu mặt hàng đó. Trong trường hợp người nộp đơn nhập khẩu nộp giấy chứng nhận kiểm tra hoặc báo cáo kiểm tra do các tổ chức kiểm tra trong nước hoặc nước ngoài được KFDA công nhận, việc kiểm tra các mặt hàng thực phẩm có thể được điều chỉnh.

KFDA có thể bỏ qua một phần hoặc toàn bộ quy trình kiểm tra trong các trường hợp sau:

- Khi mặt hàng thực phẩm không nằm trong danh mục thực phẩm nguy hiểm theo quy định của Luật Vệ sinh Thực phẩm. Mặt hàng phải nằm trong danh mục được phép của KFDA. KFDA phải xác nhận mặt hàng không vi phạm Luật Vệ sinh Thực phẩm. Thực vật có giấy phép của chính phủ nước xuất khẩu có thể được đưa vào danh sách.
- Khi kết quả kiểm tra hoặc giấy chứng nhận kiểm tra được nộp bởi các tổ chức kiểm tra trong nước hoặc quốc tế được KFDA công nhận và ghi nhận.

- Khi mặt hàng được nhập khẩu bởi một nhà nhập khẩu đã đăng ký có thành tích xuất sắc.

Kiểm tra thực phẩm nhập khẩu

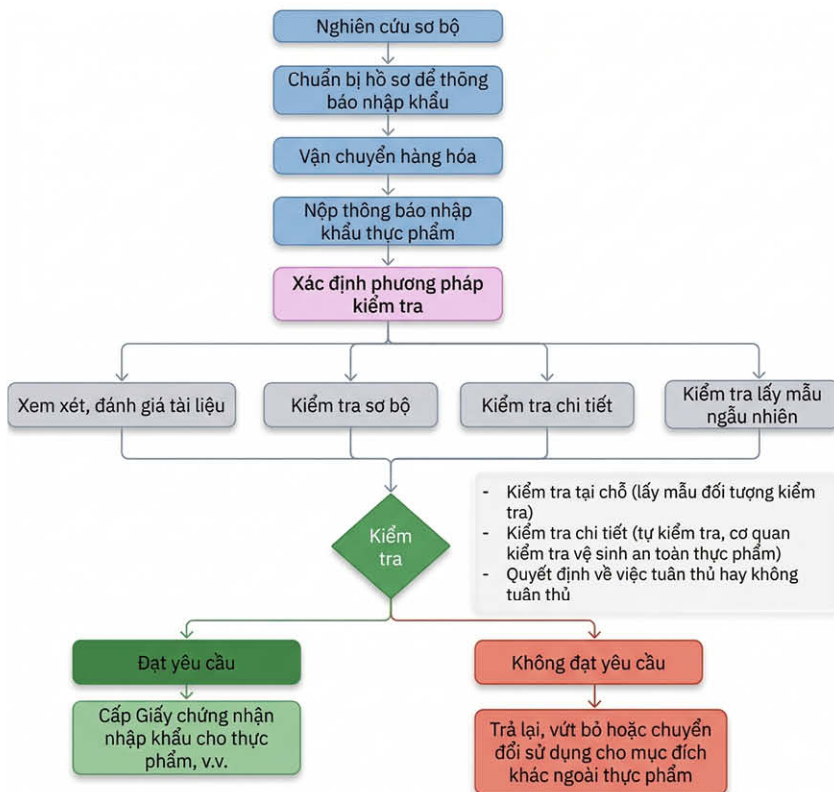
Tất cả thực phẩm nhập khẩu phải được kiểm tra trước khi thông quan và phải đạt tiêu chuẩn và các thông số kỹ thuật tương tự như các mặt hàng thực phẩm sản xuất tại Hàn Quốc. Thanh tra thực phẩm sẽ kiểm tra các giấy tờ thông báo nhập khẩu và hàng hóa để đảm bảo tuân thủ Luật Vệ sinh Thực phẩm. Khi kết quả kiểm tra cho thấy tuân thủ Luật Vệ sinh Thực phẩm, Giấy chứng nhận thông báo nhập khẩu cho thực phẩm sẽ được cấp cho nhà nhập khẩu, và Cơ quan Hải quan sẽ được thông báo. Khi kết quả kiểm tra cho thấy không tuân thủ, việc nhập khẩu mặt hàng thực phẩm vào Hàn Quốc sẽ bị cấm. Các mặt hàng thực phẩm nhập khẩu phải bị loại bỏ hoặc trả lại nơi xuất xứ. Cũng có thể thay đổi mục đích sử dụng đã chỉ định của mặt hàng thực phẩm. Do đó, điều quan trọng là nhà nhập khẩu phải xem xét kỹ lưỡng xem hàng hóa có tuân thủ Luật Vệ sinh Thực phẩm hay không và thu thập đầy đủ tài liệu làm bằng chứng.

Những điểm chính trong quá trình kiểm tra:

- Phương pháp và tiêu chuẩn sản xuất có tuân thủ các yêu cầu của Luật Vệ sinh Thực phẩm không;
- Các chất phụ gia được sử dụng có nằm trong phạm vi cho phép không;
- Có bất kỳ chất độc hại hoặc nguy hiểm nào không;
- Có tiền sử vi phạm nào của nhà máy sản xuất hoặc nhà sản xuất không.

3.3.2. Quy trình kiểm dịch thực vật rau quả

Quy trình phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh thực vật được tóm tắt trong sơ đồ sau theo quy định của Luật Kiểm dịch Thực vật Hàn Quốc.



Quy trình thủ tục nhập khẩu thực phẩm của Hàn Quốc

1. Nghiên cứu sơ bộ

Các doanh nghiệp nhập khẩu rau quả phải vượt qua quy định kiểm dịch theo Luật Kiểm dịch Thực vật Hàn Quốc trước khi nhập khẩu.

Doanh nghiệp nhập khẩu phải nộp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do chính phủ nước xuất khẩu cấp, trong đó nêu rõ kết quả kiểm tra của chính phủ không phát hiện bất kỳ lo ngại nào về sự lây lan của mầm bệnh dịch bệnh.

Giấy chứng nhận kiểm dịch phải cung cấp thông tin về các điều kiện hiện hành như kiểm dịch và vệ sinh của các nước xuất khẩu khi cần thiết để phòng ngừa dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe và an toàn

cộng đồng. Các nhà nhập khẩu không tuân thủ các điều kiện kiểm dịch bắt buộc sẽ không được phép nhập khẩu.

Nhà nhập khẩu phải kiểm tra xem sản phẩm có thuộc khu vực kiểm dịch hoặc mặt hàng được chỉ định hay không. Quan trọng nhất, nhà nhập khẩu phải kiểm tra xem giấy chứng nhận kiểm dịch có tuân thủ các điều kiện vệ sinh do nước xuất khẩu cấp hay không. Các mặt hàng được chỉ định kiểm dịch phải được nhập khẩu qua các cảng và sân bay được chỉ định. Nhà nhập khẩu phải chú ý lựa chọn kỹ lưỡng cửa khẩu nhập khẩu cho các mặt hàng nhập khẩu.

2. Chuẩn bị hồ sơ

Tài liệu cần thiết để kiểm dịch nhập khẩu

Nhà nhập khẩu rau quả phải nộp giấy chứng nhận kiểm dịch do chính phủ nước xuất khẩu cấp.

Đơn đăng ký kiểm dịch phải được viết bằng tiếng Hàn. Nhà nhập khẩu phải điền đầy đủ thông tin chính xác hoặc đúng sự thật vào đơn, theo tài liệu do nhà xuất khẩu cung cấp. Đơn đăng ký phải được điền điện tử và gửi đến cơ quan kiểm dịch thực vật Hàn Quốc. Nhà xuất khẩu phải cung cấp thông tin chính xác về giấy chứng nhận kiểm dịch, bao gồm tên nhà sản xuất, quy trình sản xuất và các thông tin khác.

Tài liệu yêu cầu từ nhà xuất khẩu:

1. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu cấp
2. Nhà xuất khẩu phải chuẩn bị vận đơn hoặc vận đơn hàng không, hóa đơn, danh sách đóng gói, sơ đồ sản xuất và chế biến, danh mục nguyên vật liệu và các tài liệu cần thiết khác.

Khi nhập khẩu các đối tượng kiểm dịch được chỉ định, nhà nhập khẩu phải nộp đơn xin kiểm dịch bằng cách nộp giấy chứng nhận kiểm dịch do chính phủ nước xuất khẩu cấp. Các tài liệu liên quan đến thương mại (vận đơn, hóa đơn, danh sách đóng gói và các tài

liệu khác) cũng phải được nộp cơ quan kiểm dịch thực vật Hàn Quốc. Đơn xin có thể được nộp trực tuyến cho cơ quan kiểm dịch hoặc qua kênh thông quan đơn giản của Cục Hải quan (UNI-PASS).

3. Kiểm tra và kiểm dịch

Cơ quan kiểm dịch thực vật Hàn Quốc phải xác nhận các mặt hàng rau quả nhập khẩu đã báo cáo nếu các sản phẩm này thuộc đối tượng kiểm dịch được chỉ định. Cơ quan kiểm dịch cũng tiến hành kiểm tra vệ sinh cùng với kiểm dịch.

Các yêu cầu kiểm tra chính

1. Các tài liệu kèm theo như giấy chứng nhận kiểm dịch: có tuân thủ quy định không?
2. Đối tượng kiểm dịch được chỉ định: các sản phẩm này có nằm trong danh mục cấm hay đến từ các khu vực cấm nhập khẩu không?
3. Mức độ vi sinh vật (số lượng vi khuẩn, Salmonella và các loại khác): có nằm trong tiêu chuẩn phù hợp không?



Ruồi đục quả (Bactrocera kandiensis) là đối tượng kiểm dịch chặt chẽ của Hàn Quốc

Dựa trên kết quả kiểm tra, cơ quan Hải quan sẽ thông báo điện tử cho doanh nghiệp nhập khẩu không đạt tiêu chuẩn nhập khẩu. Sản phẩm phải được tiêu hủy hoặc trả lại.

3.3.3. Quy định về thuốc trừ sâu và chất gây ô nhiễm

Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc (MFDS) chịu trách nhiệm quản lý dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm, theo mức dư lượng tối đa (MRL) được quy định trong Bộ luật Thực phẩm. Tính đến tháng 3 năm 2024, MFDS đã quy định MRL cho 447 loại thuốc trừ sâu trong các sản phẩm nông sản.

3.3.4. Thủ tục nhập khẩu

Thủ tục hải quan Hàn Quốc

Rau quả nhập khẩu vào Hàn Quốc phải được thông quan bởi nhiều cơ quan khác nhau và có khả năng bị chậm trễ tại cảng cao hơn so với các mặt hàng nhập khẩu khác. Tổng cục Hải quan Hàn Quốc (KCS), Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc (MFDS), Cục Kiểm dịch Quốc gia (đối với các cảng không có văn phòng khu vực MFDS) và Cơ quan Kiểm dịch Động thực vật (APQA) là các cơ quan tham gia vào quy trình thông quan nhập khẩu. KCS có trách nhiệm kiểm tra tất cả các giấy tờ cần thiết trước khi sản phẩm được thông quan. Các cơ quan kiểm dịch có thẩm quyền phải thông quan các sản phẩm thuộc diện kiểm dịch thực vật trước khi KCS cho phép dỡ hàng. Đơn xin kiểm tra nhập khẩu phải được điền bằng tiếng Hàn và nộp cho cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài việc kiểm tra dư lượng của MFDS đối với hóa chất nông nghiệp, aflatoxin và các chất gây ô nhiễm khác, các sản phẩm thực vật, bao gồm rau củ, trái cây và ngũ cốc tươi, cũng phải trải qua kiểm dịch. Kết quả kiểm tra đạt yêu cầu từ APQA và MFDS là bắt buộc để thông quan. Việc kiểm tra APQA và MFDS có thể diễn ra đồng thời. Trừ khi phải kiểm tra thêm, việc kiểm tra phòng thí nghiệm của APQA thường mất 10 ngày để hoàn tất. Quy trình kiểm tra kiểm dịch của APQA và các chi tiết bổ sung có thể được tìm thấy trên trang web của APQA (tiếng Anh), mục Plant Quarantine.

3.3.5. Quy định ghi nhãn thực phẩm của Hàn Quốc

Các mặt hàng thực phẩm nhập khẩu vào Hàn Quốc phải dán nhãn theo Luật Vệ sinh Thực phẩm. Nhãn chung cho thực phẩm nhập khẩu khác nhau tùy theo loại thực phẩm, thông tin trên nhãn bao gồm các mục sau:

1. Tên sản phẩm
2. Loại sản phẩm thực phẩm
3. Tên và địa chỉ công ty
4. Ngày sản xuất
5. Thời gian lưu thông
6. Trọng lượng
7. Tên nguyên liệu thô và nội dung (chỉ khi sử dụng nguyên liệu thô làm một phần của tên sản phẩm hoặc tên sản phẩm)
8. Thành phần và nội dung (chỉ khi sử dụng thực phẩm và các thành phần được hiển thị dưới dạng một phần của tên sản phẩm hoặc tên sản phẩm hoặc tên sản phẩm)
9. Các thành phần dinh dưỡng (giới hạn ở các sản phẩm được chỉ định riêng)
10. Các thông tin khác được quy định trong các tiêu chuẩn ghi nhãn chi tiết đối với thực phẩm và các sản phẩm liên quan khác.

Nhãn phải được viết bằng tiếng Hàn (Hangeul) bằng mực, khắc hoặc niêm phong không thể tẩy xóa. Nhãn phải được dán trên bao bì hoặc thùng chứa được bán cho người tiêu dùng.

Các mặt hàng thực phẩm lưu thông tại các nước xuất khẩu phải mang nhãn của nước đó. Có thể sử dụng nhãn dán in bằng tiếng Hàn nhưng không được tháo rời. Nhãn không được che khuất các thông tin quan trọng như tên sản phẩm, tên nguyên liệu thô được sử dụng, thời gian lưu hành, ngày sản xuất và các thông tin khác, những thông tin này phải được hiển thị trong bao bì hoặc thùng chứa ban đầu.

Tên quốc gia xuất khẩu và nhà sản xuất có thể được hiển thị bằng ngôn ngữ của quốc gia đó trên nhãn dán tiếng Hàn.

Đối với các mặt hàng thực phẩm được sản xuất hoặc chế biến thành các sản phẩm riêng biệt, chỉ cần ghi tên sản phẩm, nhà sản xuất, ngày sản xuất, thời gian lưu hành hoặc ngày bảo trì chất lượng. Có thể bỏ qua nhãn tiếng Hàn khi nhãn được hiển thị bằng tiếng Anh hoặc ngôn ngữ của quốc gia xuất khẩu. Có thể bỏ qua nhãn tiếng Hàn đối với các sản phẩm nông nghiệp và hải sản tự nhiên không được bảo quản trong bao bì hoặc thùng chứa, và thực phẩm nhập khẩu để sử dụng ở nước ngoài.

3.4. Nhật Bản

3.4.1. Quy định chung

Dựa trên Luật Bảo vệ Thực vật, Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) kiểm tra thực vật nhập khẩu để ngăn chặn sự xâm nhập của sâu bệnh (kiểm dịch thực vật nhập khẩu) nhằm đảm bảo an toàn và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. MAFF cũng tiến hành điều tra xâm nhập và kiểm soát các loài gây hại đặc biệt quan ngại đối với Nhật Bản (kiểm dịch thực vật nội địa). Các biện pháp kiểm dịch thực vật được thực hiện dựa trên bằng chứng khoa học và các tiêu chuẩn quốc tế theo Hiệp định WTO/SPS (Hiệp định về Áp dụng các Biện pháp Vệ sinh và Kiểm dịch Thực vật) và Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế (IPPC), cùng các hiệp định khác.

Tất cả thực vật nhập khẩu qua đường hàng hóa, hành lý cá nhân hoặc bưu điện, bất kể số lượng, mục đích sử dụng thương mại hay cá nhân, đều phải chịu sự kiểm dịch nhập khẩu (tham khảo tại đường link: <https://www.maff.go.jp/j/syouan/syokubo/keneki/index.html#kokunai>).

3.4.2. Quy định kiểm dịch an toàn vệ sinh thực phẩm

Theo Luật Kiểm dịch An toàn vệ sinh Thực phẩm của Nhật Bản, nhà nhập khẩu thực phẩm phải nộp đầy đủ giấy tờ cần thiết có liên quan kèm theo đơn xin kiểm dịch cho các cơ quan kiểm soát thực

phẩm nhập khẩu thuộc các trạm kiểm dịch của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản.

Việc kiểm dịch được thực hiện khi các cơ quan kiểm dịch quyết định cần phải kiểm tra các tiêu chuẩn hoặc vấn đề an toàn thực phẩm ngay ở bước kiểm tra ban đầu. Nếu theo kết quả kiểm tra và kiểm dịch ban đầu, không phát hiện ra vấn đề gì đối với thực phẩm nhập khẩu theo quy định của Luật, nhà nhập khẩu sẽ được nhận chứng nhận đăng ký. Nhà nhập khẩu sẽ nộp giấy chứng nhận này cho cơ quan hải quan cùng với các giấy tờ hải quan và đơn xin cấp phép nhập khẩu. Trong trường hợp phát hiện sản phẩm không phù hợp để nhập khẩu, các biện pháp như huỷ hàng hoặc trả lại hàng cho công ty vận chuyển sẽ được thực hiện.

Việc dán nhãn phụ gia thực phẩm bao gồm thuốc diệt nấm sau thu hoạch do Hội Bảo vệ Người tiêu dùng Nhật Bản quản lý.

3.4.3. Thủ tục nhập khẩu

Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản (MHLW) là cơ quan chủ trì đảm bảo thực phẩm nhập khẩu tuân thủ Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm. Các công ty muốn nhập khẩu thực phẩm vào Nhật Bản phải nộp Mẫu Thông báo Nhập khẩu Thực phẩm (tại đường link <https://www.mhlw.go.jp/english/topics/importedfoods/dl/1-3.pdf>) cho Bộ phận Kiểm tra Vệ sinh Thực phẩm thuộc các trạm kiểm dịch của MHLW.

Các sản phẩm được chọn để giám sát ngẫu nhiên theo kế hoạch giám sát của MHLW sẽ được kiểm tra tại chỗ tại một kho ngoại quan được chỉ định. Nhân viên cảng sẽ thu thập mẫu để phân tích trong phòng thí nghiệm từ một phần lô hàng. Nếu sản phẩm nhập khẩu đang trong lệnh kiểm tra, trạm kiểm dịch sẽ cho phép nhập cảnh vào Nhật Bản sau khi kiểm tra sản phẩm và xác nhận sản phẩm tuân thủ các quy định về thực phẩm của Nhật Bản. Trừ khi sản phẩm nhập khẩu đang trong lệnh kiểm tra, thông thường chúng sẽ được phép làm thủ tục hải quan trong khi quá trình kiểm tra trong phòng thí nghiệm đang diễn ra. Nhân viên kiểm dịch sẽ đóng dấu chấp thuận vào Mẫu Thông báo trước khi nhập cảnh.

Hồ sơ nhập khẩu yêu cầu

Các hồ sơ nhập khẩu bằng tiếng Nhật sau đây là bắt buộc để nhập cảnh vào Nhật Bản:

1. Thông báo nhập khẩu - hai bản sao của Mẫu thông báo nhập khẩu thực phẩm (ở trên);
2. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (nếu cần);
3. Tài liệu thể hiện thành phần, phụ gia và quy trình sản xuất (ví dụ: chứng nhận của nhà sản xuất) (nếu cần);
4. Kết quả kiểm tra để xác minh việc tuân thủ các Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn Thực phẩm và Phụ gia Thực phẩm (nếu cần).

Các công ty nhập khẩu cần hướng dẫn nhà xuất khẩu thực hiện các bước cần thiết và cung cấp mức độ chi tiết phù hợp cho các tài liệu này. Hàng hóa bị phát hiện vi phạm Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm phải được tái xuất, tiêu hủy, chuyển hướng sang mục đích sử dụng không phải thực phẩm (nếu có), hoặc bị loại bỏ. Ngoài các cuộc thanh tra MHLW, việc nhập khẩu thực vật, sản phẩm thực vật phải chịu sự kiểm tra an toàn sinh học. Nhật Bản không có hệ thống cấp phép nhập khẩu nhưng yêu cầu hàng nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu về kiểm dịch thực vật. Nhà nhập khẩu phải nộp thông báo nhập khẩu và giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật cho các Trạm bảo vệ thực vật của MAFF trước khi kiểm tra an toàn sinh học.

3.4.4. Quy định về dư lượng hóa chất nông nghiệp

Nhật Bản thực hiện các quy định mới về dư lượng hóa chất nông nghiệp, phụ gia trong thực phẩm (sau đây gọi tắt là hóa chất nông nghiệp). Trước khi thực hiện các quy định này, MHLW đã công bố mức dư lượng hóa chất tối đa (MRLs) tạm thời cho loại hóa chất nông nghiệp trong MRLs chính thức hiện nay. Những MRLs này vẫn còn tạm thời cho đến khi chúng được xem xét và trong khi nhiều loại đã hoàn tất quá trình, việc đánh giá các MRLs khác sẽ tiếp tục cho đến khi hoàn thành dự án. Sau khi hoàn thành việc đánh giá rủi ro,

một MRL chính thức có thể được xác định. Các MRLs hiện có cùng với các MRLs tạm thời tạo ra danh sách xác nhận các MRLs.

Thực phẩm bị phát hiện vượt quá mức MRLs trong danh sách xác nhận được coi là vi phạm Luật Vệ sinh Thực phẩm và bị từ chối tại cảng. Một hành vi vi phạm có thể dẫn đến việc tăng cường giám sát (khoảng 30%) tất cả các hoạt động nhập khẩu của cùng loại hàng hóa từ quốc gia đó. Sau hai lần vi phạm vượt mức MRLs cụ thể, sản phẩm đó có thể phải theo lệnh yêu cầu giám định rất tốn kém, bị giữ lại và bị kiểm tra, do đó sẽ bị trì hoãn dài tại cảng. Để trở về tình trạng giám sát bình thường sau một hành vi vi phạm, MHLW yêu cầu phải có hồ sơ 60 lần kiểm tra đạt kết quả sạch hoặc một năm không có hành vi vi phạm. Sau nhiều lần vi phạm, MHLW yêu cầu phải có hồ sơ kiểm tra sạch và năm không có hành vi vi phạm trước khi được loại bỏ lệnh yêu cầu giám định (bị giữ lại và kiểm tra).



Mặc dù việc chiếu xạ được sử dụng như một công cụ để loại bỏ các tác nhân gây bệnh từ thực phẩm và ngăn ngừa ngộ độc thực phẩm ở nhiều nước, nhưng biện pháp chiếu xạ lại không được cho phép ở Nhật Bản, ngoại trừ trường hợp khoai tây có thể được chiếu xạ nhưng phải dán nhãn ghi rõ chiếu xạ.

3.4.5. Quy định về nhãn mác hàng hóa

Khi nhập khẩu và bán các sản phẩm thực phẩm tươi sống, nhà nhập khẩu phải cung cấp các thông tin sau đây trên nhãn mác sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn về nhãn mác đối với thực phẩm tươi sống theo Luật Tiêu chuẩn hoá và Nhãn mác nông lâm sản: 1) tên sản phẩm, 2) nước xuất xứ, 3) hàm lượng và 4) tên và địa chỉ nhà nhập khẩu.

Khi nhập khẩu và bán các sản phẩm chế biến, nhà nhập khẩu phải cung cấp các thông tin sau đây phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hoá và Nhãn mác nông lâm sản, và các quy định tương tự đối với thực phẩm chế biến được đóng gói trong container theo Luật Vệ sinh Thực phẩm: 1) tên sản phẩm, 2) thành phần, 3) hàm lượng, 4) ngày hết hạn sử dụng, 5) cách thức bảo quản, 6) nước xuất xứ và 7) tên và địa chỉ nhà nhập khẩu.

Tên sản phẩm

Tên của sản phẩm phải được in trên nhãn phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hoá và Nhãn mác nông lâm sản và Luật Vệ sinh Thực phẩm.

Thành phần thực phẩm

Các thành phần của sản phẩm phải được liệt kê theo thứ tự giảm dần từ thành phần có hàm lượng cao nhất đến thấp nhất trên nhãn phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hoá và Nhãn mác nông lâm sản và Luật Vệ sinh Thực phẩm.

Phụ gia thực phẩm

Tên của các chất phụ gia được sử dụng phải được liệt kê theo thứ tự giảm dần từ chất có hàm lượng cao nhất đến thấp nhất trên nhãn phù hợp với Luật Vệ sinh Thực phẩm. Tên và cách sử dụng chất phụ gia sau cần được ghi rõ trên nhãn bột ngọt, chất chống oxy hóa, phẩm nhuộm nhân tạo, chất tạo màu, chất bảo quản, chất làm trắng, chất làm dày ổn định chất làm đông các chất cô đặc, các chất trị nấm và chất chống mối mọt.

Ngộ độc thực phẩm

Để tránh các rủi ro nguy hại tới sức khỏe người tiêu dùng liên quan đến vấn đề ngộ độc thực phẩm, luật của Nhật Bản quy định một số thành phần cụ thể cần được thể hiện trên nhãn sản phẩm phù hợp với Luật Vệ sinh Thực phẩm.

Trọng lượng thành phần thực phẩm

Khi nhập khẩu và bán các loại thực phẩm, nhà nhập khẩu cần ghi rõ trọng lượng của sản phẩm phù hợp với Luật Đo lường và chỉ rõ trọng lượng tính theo gam trên nhãn mác. Sản phẩm cần được ghi rõ trọng lượng, sự khác biệt giữa trọng lượng thực của sản phẩm và con số ghi trên nhãn chỉ trong giới hạn cho phép.

Hạn sử dụng

Hạn sử dụng của sản phẩm theo từng cách thức bảo quản sản phẩm cần được ghi rõ trên nhãn phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hóa và Dán nhãn các sản phẩm nông lâm sản và Luật Vệ sinh Thực phẩm. Nhãn hạn sử dụng cần có chứa các thông tin: ngày hết hạn sử dụng và hạn sử dụng tốt nhất (best by).

Cách thức bảo quản sản phẩm

Cách thức bảo quản sản phẩm đảm bảo giữ nguyên hương vị của thực phẩm cho đến hạn sử dụng tốt nhất phải được chỉ rõ trên nhãn phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hóa và Dán nhãn các sản phẩm nông lâm sản và Luật Vệ sinh Thực phẩm.

Nước xuất xứ

Các tiêu chuẩn dán nhãn chất lượng đối với thực phẩm, được quy định bởi Luật Tiêu chuẩn hóa và Dán nhãn các sản phẩm nông lâm sản, yêu cầu có thông tin về nước xuất xứ trên nhãn thực phẩm nhập khẩu.

Nhà nhập khẩu

Tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu cũng phải được ghi rõ trên nhãn phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hóa và Dán nhãn các sản phẩm nông lâm

sản và Luật Vệ sinh Thực phẩm. Đối với các sản phẩm được chế biến tại Nhật Bản sử dụng các thành phần nhập khẩu, tên và địa chỉ của nhà sản xuất hoặc nhà kinh doanh cũng cần được ghi rõ trên nhãn.

Mô tả sản phẩm

Mô tả sản phẩm sai hoặc dễ gây hiểu lầm bị cấm bởi Luật Bảo vệ Sức khỏe, Luật Chống lại việc đánh giá cao, sai sự thật và mô tả gây hiểu lầm và các luật và quy định liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (ví dụ, Luật chống cạnh tranh không lành mạnh, Luật Thương hiệu). Các luật này được áp dụng cho tất cả các sản phẩm, không giới hạn với các sản phẩm thực phẩm.

3.5. Đài Loan (Trung Quốc)

3.5.1. Quy định chung

Theo quy định của Đài Loan (Trung Quốc), thực vật và sản phẩm thực vật xuất khẩu đều phải đi kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền cấp. Các quy định quan trọng bao gồm việc phải khai báo kiểm dịch khi nhập cảnh, tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, và các hàng hóa không đáp ứng yêu cầu có thể bị tiêu hủy.



Hàng hóa là thực vật và sản phẩm từ thực vật phải đi kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Phytosanitary Certificate) do Cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam cấp.

3.5.2. Các biện pháp thực hiện kiểm tra có hệ thống đối với thực phẩm nhập khẩu

Quy định này được xây dựng theo quy định tại Điều 35, Khoản 2 Luật Quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm của Đài Loan (Trung Quốc).

1. Kiểm tra hệ thống: là kiểm tra hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm và các biện pháp giám sát của chính phủ tại quốc gia (nơi) xuất khẩu.
2. Cơ quan kiểm tra: Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (TFDA) thuộc Bộ Y tế và Phúc lợi Đài Loan (Trung Quốc).
3. Đánh giá hồ sơ: là việc xem xét thông tin do các cơ quan chính phủ của nước (khu vực) xuất khẩu cung cấp liên quan đến hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm và các biện pháp giám sát của cơ quan chính phủ.
4. Kiểm tra tại chỗ: là việc cơ quan kiểm tra cử cán bộ đến quốc gia (khu vực) xuất khẩu để tiến hành kiểm tra hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm một cách có hệ thống.

Kiểm tra có hệ thống sẽ được thực hiện bởi cơ quan chính phủ của quốc gia (khu vực) xuất khẩu bằng cách gửi đơn đăng ký bằng văn bản tới TFDA, sau đó TFDA sẽ tiến hành xem xét bằng văn bản và nếu cần thiết, sẽ tiến hành kiểm tra tại chỗ sau khi xem xét bằng văn bản để đánh giá tính tương đương của hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm và các biện pháp giám sát của cơ quan chính phủ của quốc gia xuất khẩu so với Đài Loan (Trung Quốc).

Dựa trên kết quả đánh giá ở giai đoạn trước, TFDA có thể đưa ra các quyết định sau:

1. Phê duyệt việc nhập khẩu sản phẩm do cơ sở sản xuất được chỉ định sản xuất tại quốc gia (khu vực) xuất khẩu.

2. Đồng ý cho nhập khẩu sản phẩm do cơ sở sản xuất được chỉ định tại quốc gia (khu vực) xuất khẩu sản xuất đã được TFDA kiểm tra và phê duyệt.
3. Không đồng ý với thông tin đầu vào.

Khi tiến hành đánh giá bằng văn bản nêu trên, tùy theo nhu cầu đánh giá, TFDA có thể yêu cầu cơ quan chính phủ của quốc gia (hoặc địa điểm) xuất khẩu cung cấp các tài liệu bắt buộc trong thời hạn quy định.

Trong trường hợp quốc gia (nơi) xuất khẩu đã hoàn thành kiểm tra hệ thống hoặc được miễn kiểm toán hệ thống và thuộc một trong các trường hợp sau đây, TFDA có thể yêu cầu xem xét bằng văn bản hoặc kiểm toán tại chỗ để xác nhận hệ thống quản lý của quốc gia (nơi) xuất khẩu tương đương với hệ thống quản lý của Đài Loan (Trung Quốc):

1. Có những thay đổi lớn về hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm hoặc các biện pháp giám sát của chính phủ tại quốc gia (khu vực) xuất khẩu.
2. Xảy ra sự cố vệ sinh an toàn thực phẩm nghiêm trọng tại quốc gia (khu vực) xuất khẩu.
3. Thực phẩm và các sản phẩm liên quan nhập khẩu từ nước (khu vực) xuất khẩu vào Đài Loan hoặc các nước khác khi kiểm tra nhập khẩu phát hiện có vi phạm nghiêm trọng.
4. Trường hợp công ty được miễn kiểm tra có hệ thống hoặc không tiến hành kiểm tra tại chỗ trong hơn ba năm và cơ quan kiểm tra xác định cần phải xem xét hoặc kiểm tra.
5. Các tình huống khác mà thực phẩm và các sản phẩm liên quan từ quốc gia (khu vực) xuất khẩu được coi là có nguy cơ gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm.

Nếu kết quả kiểm tra tại chỗ không phù hợp với quy định, quốc gia (khu vực) xuất khẩu có thể được yêu cầu nộp báo cáo cải tiến

bổ sung cho TFDA để xem xét trong thời hạn quy định. Nếu cần thiết, có thể tiến hành kiểm tra tại chỗ để xem xét tình hình cải tiến.

Chi phí kiểm tra tại chỗ sẽ do quốc gia (nơi) xuất khẩu chịu trong bất kỳ trường hợp nào sau đây:

1. Xem lại giai đoạn trước.
2. Xem xét đơn xin thành lập cơ sở sản xuất mới sau khi TFDA đã chấp thuận.
3. Nộp lại hồ sơ sau khi TFDA đã ra quyết định không chấp thuận theo quy định.

Trong những trường hợp khác ngoài những trường hợp quy định ở trên, khi cần thiết, cơ quan kiểm tra có thể yêu cầu nước (khu vực) xuất khẩu chịu chi phí kiểm tra tại chỗ.

3.5.3. Quy định về kiểm tra thực phẩm nhập khẩu

Quy định này được thiết lập theo Khoản 1 Điều 27 của Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm Đài Loan (Trung Quốc). Đối với các thực phẩm nhập khẩu, nhà nhập khẩu phải nộp các tài liệu sau cho cơ quan thực thi kiểm tra hoặc cơ quan (tổ chức) được chỉ định để thực hiện kiểm tra gồm:

1. Đơn đăng ký kiểm tra.
2. Tờ khai thông tin cơ bản của thực phẩm nhập khẩu.
3. Bản sao đơn đăng ký khai báo nhập khẩu.
4. Giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm cần thiết do cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

(Đơn đăng ký có thể được nộp trực tuyến).

Hình thức kiểm tra sản phẩm

Ngoài việc xem xét hồ sơ và kiểm tra, đối chiếu các mặt hàng, bao bì, hình thức bên ngoài và nhãn mác của sản phẩm tại chỗ, cơ quan kiểm tra có thể thực hiện kiểm định sản phẩm bằng các biện pháp sau:

1. Kiểm tra từng lô: Việc kiểm tra được thực hiện đối với từng lô sản phẩm đã nộp.

2. Kiểm tra lô ngẫu nhiên:

(1) Kiểm tra lô ngẫu nhiên định kỳ: Việc kiểm tra được thực hiện dựa trên tỷ lệ kiểm tra từ 2-5%.

2) Kiểm tra lô ngẫu nhiên tăng cường: Việc kiểm tra được thực hiện dựa trên tỷ lệ kiểm tra từ 20-50%.

3. Kiểm định từng lô: Việc kiểm tra tại chỗ đối với các sản phẩm không được chọn trong đợt kiểm tra từng lô và đợt kiểm tra lô ngẫu nhiên.

4. Đăng ký chứng nhận sản phẩm: Đối với sản phẩm đã được sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm được chứng nhận theo thỏa thuận song phương và đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, sản phẩm đó có thể được nhập khẩu nếu kết quả thẩm định hồ sơ đáp ứng quy định.

Đối với các hoạt động kiểm tra, xác minh và chứng nhận nêu trên, nếu cần thiết, cơ quan kiểm tra sẽ lấy mẫu với số lượng phù hợp để tiến hành kiểm tra cảm quan, hóa học, sinh học hoặc vật lý trong phòng thí nghiệm.

Cơ quan kiểm tra sẽ ban hành thông báo cho phép nhập khẩu thực phẩm và các sản phẩm liên quan đối với các sản phẩm đạt yêu cầu.

Đối với rau quả nhập khẩu, khi sản phẩm tươi sống dễ hỏng được chọn để kiểm tra, nhà nhập khẩu có thể nộp đơn lên TFDA để xin miễn trừ tạm thời giải phóng hàng hóa về kho của họ. Hàng hóa không được



phép lưu thông thương mại cho đến khi vượt qua tất cả các bài kiểm tra bắt buộc. Việc không tuân thủ các tiêu chuẩn thuốc trừ sâu của Đài Loan sẽ dẫn đến việc từ chối tại cảng nhập cảnh.

Quy trình kiểm tra thực phẩm nhập khẩu:

1. Trước khi nhập khẩu 15 ngày, nhà nhập khẩu nộp đơn đăng ký kiểm tra tại cơ quan kiểm tra tại cảng nơi sản phẩm dự kiến nhập khẩu. Các doanh nghiệp đại diện có thể xin giấy ủy quyền và đăng ký tại cơ quan kiểm tra.

2. Cơ quan kiểm tra sẽ lấy mẫu miễn phí từ nhà nhập khẩu thực phẩm. Sau khi lấy mẫu, cơ quan kiểm tra sẽ cấp biên lai lấy mẫu cho công chức hải quan và người nộp đơn xin kiểm tra bắt buộc.

- Thanh tra sẽ tiến hành lấy mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra và người nộp đơn xin kiểm tra bắt buộc không được can thiệp vào quá trình này. Số lượng mẫu tối đa sẽ được giới hạn ở mức cần thiết cho mục đích kiểm tra trong phòng thí nghiệm và lưu giữ mẫu.
- Nếu mẫu thực phẩm nhập khẩu khó lấy tại cảng, cơ quan kiểm tra sẽ chỉ định một địa điểm lấy mẫu thay thế.
- Khi lấy mẫu, cơ quan kiểm tra phải phối hợp với công chức hải quan đối với sản phẩm phải kiểm tra hải quan. Cơ quan kiểm tra phải thông báo cho cán bộ hải quan tại chỗ trước khi lấy mẫu từ các container được miễn kiểm tra hải quan.
- Việc kiểm tra được tiến hành theo trình tự lấy mẫu. Tuy nhiên, phòng kiểm tra sẽ kiểm tra trước các sản phẩm đã đăng ký kiểm tra lại theo quy định này.

3. Sau khi lấy mẫu sản phẩm đăng ký kiểm tra, nếu do cần thiết phải kiểm tra tại phòng kiểm tra từ năm ngày trở lên, hoặc việc lấy mẫu sản phẩm tại bãi container gặp khó khăn, hoặc sản phẩm dễ hỏng, cơ quan kiểm tra có thể ban hành Thông báo cho phép nhập khẩu trước để làm thủ tục hải quan.

- Tuy nhiên, đối với sản phẩm được chỉ định kiểm tra theo từng lô, sẽ được lưu giữ tại biên giới cho đến khi hoàn tất việc kiểm tra.
- Người đăng ký kiểm tra bắt buộc phải chịu trách nhiệm về an toàn và bảo quản sản phẩm nhập khẩu đã được cho phép nhập khẩu trước. Nếu địa điểm lưu trữ đã được xác nhận không phù hợp với địa điểm lưu trữ thực tế, hoặc sản phẩm đã được đưa vào sử dụng trước khi nhận được giấy phép nhập khẩu, cơ quan kiểm tra có thể tạm thời đình chỉ việc tiếp nhận đơn đăng ký cho phép nhập khẩu trước của người đăng ký kiểm tra bắt buộc trong thời hạn sáu tháng.

4. Sau khi sản phẩm đăng ký kiểm tra đạt yêu cầu, người nộp đơn đăng ký kiểm tra bắt buộc có thể nộp đơn lên cơ quan kiểm tra để xin thông báo về việc nhập khẩu thực phẩm và các sản phẩm liên quan.

- Người nộp đơn đăng ký kiểm tra bắt buộc có thể yêu cầu lấy mẫu còn lại bằng cách xuất trình biên lai lấy mẫu trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả kiểm tra. Tuy nhiên, đối với các mẫu có thời hạn sử dụng ngắn, cơ quan kiểm tra sẽ trực tiếp xử lý mẫu.

5. Sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được ban hành thông báo không đạt yêu cầu đối với thực phẩm và các sản phẩm liên quan nhập khẩu, và người nộp đơn đăng ký kiểm tra bắt buộc có thể nộp đơn xin kiểm tra lại lên cơ quan kiểm tra ban đầu trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả. Việc đăng ký kiểm tra lại chỉ được giới hạn một lần và do phòng kiểm nghiệm ban đầu thực hiện bằng cách sử dụng các mẫu còn lại để kiểm tra lại.

Các mẫu sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ bị tiêu hủy sau khi kết thúc thời hạn đăng ký kiểm tra lại.

6. Sản phẩm nhập khẩu không đạt quy định khi kiểm tra sẽ bị xử lý theo một trong các cách sau:

- Bị trả lại hoặc tiêu hủy bởi người nộp đơn kiểm tra bắt buộc.

- Đối với sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để tái chế theo quy định của pháp luật liên quan, người nộp đơn kiểm tra bắt buộc phải giữ lại đơn đăng ký ban đầu để xin phép xuất xưởng trước. Những sản phẩm này không được phép bán trừ khi sản phẩm được cơ quan vệ sinh địa phương kiểm tra lại sau khi tái chế và được xác định là phù hợp với quy định.
- Đối với sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm tra phê duyệt để dán nhãn lại theo quy định của pháp luật liên quan, người nộp đơn kiểm tra bắt buộc phải giữ lại đơn đăng ký ban đầu để xin phép xuất xưởng trước. Những sản phẩm này không được phép bán cho đến khi nhãn hiệu đã được sửa đổi của chúng được phê duyệt.
- Nếu sản phẩm nhập khẩu đã được thông quan thông qua thông báo trước không tuân thủ các quy định nêu tại khoản trước, cơ quan có thẩm quyền sẽ yêu cầu người nộp đơn kiểm tra bắt buộc thu hồi và trả lại, tiêu hủy hoặc tái chế sản phẩm theo quy định của pháp luật liên quan.

3.5.4. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật

Cơ quan kiểm dịch Đài Loan (Trung Quốc) chỉ chấp nhận giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp. Giấy chứng nhận do nhà nước và doanh nghiệp tư nhân cấp không được chấp nhận. Trái cây, rau củ, thực vật và sản phẩm thực vật xuất khẩu từ Việt Nam sang Đài Loan (Trung Quốc) phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của Cục TT&BVTV cấp. Ngoài ra, Đài Loan (Trung Quốc) chỉ chấp nhận giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (bản gốc) có chữ ký số hoặc chữ ký tươi trên giấy thường. Định dạng bản gốc chỉ xuất hiện trên bản in đầu tiên, được Đài Loan (Trung Quốc) công nhận và chấp nhận là giấy chứng nhận gốc. Nhà xuất khẩu có trách nhiệm gửi tài liệu gốc này cho nhà nhập khẩu Đài Loan (Trung Quốc) càng sớm càng tốt để thông quan hàng hóa tại cảng nhập cảnh. Bản sao PDF được quét của tài liệu bản gốc hoặc "Bản sao có chứng thực" của giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật sẽ không được chấp nhận.

3.5.5. Minh họa yêu cầu kiểm dịch nhập khẩu thanh long tươi (*Hylocereus undatus*) vào Đài Loan (Trung Quốc)

Việc nhập khẩu thanh long tươi (*Hylocereus undatus*) từ Việt Nam sang Đài Loan (Trung Quốc) phải tuân thủ “Yêu cầu Kiểm dịch đối với việc Nhập khẩu Thực vật hoặc Sản phẩm Thực vật vào Trung Hoa Dân Quốc” cũng như các yêu cầu kiểm dịch khác.

Yêu cầu đối với vườn cây ăn quả

Thanh long phải được sản xuất từ các vườn cây ăn quả đã được Cục TT&BVTV, Bộ NNMT đăng ký và các biện pháp phòng trừ dịch hại được Cục TT&BVTV giám sát.

Cục TT&BVTV phải đảm bảo các vườn cây ăn quả đã đăng ký phải thực hiện và lưu giữ hồ sơ về biện pháp kiểm soát dịch hại hoặc nhật ký làm việc. Cục TT&BVTV cũng phải lưu giữ sổ đăng ký vườn cây, tên và địa chỉ của các nhà sản xuất để phục vụ việc kiểm tra. Hồ sơ phải được cung cấp cho Cơ quan Kiểm tra Sức khỏe Động vật và Thực vật Đài Loan (Trung Quốc) (APHIA) khi được yêu cầu, và APHIA có thể tiến hành xác minh tại chỗ.

Yêu cầu đối với cơ sở đóng gói, bảo quản

Thanh long phải được xử lý bằng phương pháp xử lý nhiệt hơi nước (VHT) được Cục TT&BVTV và APHIA phê duyệt trước khi xuất khẩu. VHT bắt đầu khi nhiệt độ lõi thịt quả đạt 46,8°C trở lên trong ít nhất 40 phút, với độ ẩm tương đối từ 90% trở lên. Sau khi xử lý, quả sẽ được làm mát bằng nước lạnh trong 10 phút, sau đó làm mát bằng không khí cưỡng bức để đưa nhiệt độ quả trở lại nhiệt độ phòng.

Cơ sở đóng gói, kho lạnh cần đáp ứng yêu cầu:

- Cơ sở phải được duy trì vệ sinh và được khử trùng thường xuyên.
- Lối vào, lối ra hoặc cửa ra vào phải được trang bị thiết bị chống côn trùng như màn chắn khí hướng xuống, rèm nhựa hoặc thiết bị chống côn trùng. Cửa sổ và lỗ thông gió tại cơ sở phải được che chắn bằng lưới và có kích thước lỗ không lớn hơn 1,6 mm.

- Lối vào khu vực đóng gói phải được bao quanh bởi lớp tối màu và có nhiều cửa (ít nhất ba cửa).
- Buồng VHT phải được trang bị máy ghi dữ liệu tự động bên ngoài buồng để theo dõi độ ẩm và nhiệt độ của trái cây trong buồng. Máy ghi dữ liệu phải có khả năng in dữ liệu ra.
- Các cơ sở đóng gói phải được lắp đặt bảng bám côn trùng bên trong, bẫy kích thích ánh sáng hoặc các loại bẫy pheromone không phải giới tính để phát hiện bất kỳ loài gây hại nào.

Cục TT&BTVT phải lưu giữ hồ sơ về tên, số đăng ký và địa chỉ của các cơ sở VHT đã được phê duyệt. Danh sách đăng ký phải được cung cấp cho APHIA khi Cục TT&BTVT mời APHIA đến kiểm tra thực địa.

Yêu cầu đối với thanh long sau khi hoàn thành xử lý nhiệt hơi nước (VHT)

- Trái cây được đóng gói bằng bao bì kín hoặc đóng gói trong thùng carton kín. Nếu thùng carton có lỗ thông hơi, các lỗ này phải được che phủ bằng lưới lọc với kích thước lỗ không lớn hơn 1,6 mm.
- Miệng thùng carton kín phải được dán kín bằng băng keo kiểm dịch đã được phê duyệt, có dán nhãn số sê-ri. Băng keo kiểm dịch này không được sử dụng lại. Cục TT&BTVT sẽ cung cấp mẫu băng keo kiểm dịch cho APHIA trước.
- Mỗi thùng carton hoặc pallet đóng gói phải được ghi rõ tên cơ sở VHT được phê duyệt hoặc số đăng ký cùng với dòng chữ “Đến Đài Loan”.
- Sau khi hoàn tất việc đóng gói, thanh long sẽ được bảo quản trong kho kín trước khi được xếp lên container. Không được bảo quản thanh long chung với các loại thanh long khác để tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu sang các nước khác, hoặc với các loại này để xuất khẩu sang Đài Loan (Trung Quốc).

Yêu cầu kiểm tra xuất khẩu

Việc kiểm tra phải được thực hiện trong các cơ sở chống côn trùng, có đủ ánh sáng và được trang bị thiết bị kiểm tra và bàn kiểm tra.

Việc kiểm tra phải được thực hiện trên cùng một lô thanh long đã được xử lý tại cùng một cơ sở xử lý nhiệt hơi nước để đảm bảo hiệu quả khử trùng.

Ít nhất 5% mẫu ngẫu nhiên của các thùng carton đã đóng gói trong một lô hàng nhất định sẽ được kiểm tra. Đối với mỗi thùng carton lấy mẫu, ba quả sẽ được cắt và kiểm tra.

Thanh long đã đạt yêu cầu kiểm dịch xuất khẩu nhưng không được xuất khẩu trong vòng 7 ngày phải được kiểm tra lại theo các yêu cầu này và được cấp lại giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật trước khi xuất khẩu.

Thanh long đạt yêu cầu kiểm tra xuất khẩu phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do Cục TT&BVTV cấp kèm theo các thông tin bổ sung sau đây, và được xác nhận bởi thanh tra viên APHIA:

- Tên hoặc số đăng ký của cơ sở xử lý nhiệt hơi nước, số sê-ri của băng kiểm dịch, số container và số niêm phong.
- Ngày xử lý nhiệt hơi nước, nhiệt độ xử lý và thời gian xử lý.
- Ghi rõ thanh long đã được kiểm tra và không có ruồi đục quả ổi (*Bactrocera correcta*) và các loài gây hại kiểm dịch khác của Đài Loan (Trung Quốc).

Kiểm tra nhập khẩu

- Quy trình, phương pháp và phương pháp lấy mẫu để kiểm tra nhập khẩu phải tuân thủ “Quy định thực thi Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật” của Đài Loan (Trung Quốc) và các quy định kiểm dịch khác.

- Thanh long không đáp ứng các yêu cầu kiểm dịch này sẽ bị từ chối nhập khẩu, và sẽ bị tái xuất hoặc tiêu hủy.
- Nếu phát hiện ấu trùng hoặc trứng ruồi giấm trong quá trình kiểm tra nhập khẩu, phải quan sát ấu trùng hoặc trứng trong môi trường nhiệt độ phòng trong 3 giờ và 48 giờ tương ứng để xác định xem ấu trùng hoặc trứng còn sống hay không. APHIA phải thông báo ngay cho Cục TT&BVTV về việc phát hiện ấu trùng hoặc trứng. Cơ sở VHT đã thực hiện xử lý phải tạm dừng mọi hoạt động trong thời gian quan sát.
- Nếu phát hiện ruồi giấm sống trong quá trình kiểm tra nhập khẩu, lô hàng bị phát hiện sẽ bị từ chối nhập khẩu và sẽ bị tái xuất hoặc tiêu hủy. APHIA cần thông báo ngay cho Cục TT&BVTV để tạm dừng xuất khẩu thanh long sang Đài Loan (Trung Quốc). Việc xuất khẩu sẽ chỉ được tiếp tục sau khi nguyên nhân gây nhiễm được làm rõ, và APHIA phê duyệt và xác minh các biện pháp cải thiện đã được thực hiện.
- Thanh long tươi từ các địa điểm sản xuất bị đình chỉ (các tỉnh) đã vượt qua kiểm tra xuất khẩu và được cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật trước ngày đình chỉ sẽ được nhập khẩu vào Đài Loan (Trung Quốc) trong vòng 3 ngày và trải qua cuộc kiểm tra nhập khẩu nghiêm ngặt hơn.
- Trong quá trình kiểm tra nhập khẩu, nếu phát hiện các loại sâu bệnh khác ngoài ruồi giấm, các biện pháp kiểm dịch sẽ được thực hiện theo các quy định kiểm dịch có liên quan.

Yêu cầu kiểm tra, thanh tra tại chỗ ở Việt Nam

Hai tháng trước mỗi mùa xuất khẩu thanh long, Cục TT&BVTV cần cung cấp thông tin chi tiết về số lượng thanh tra viên cần thiết, thời gian kiểm tra, số lượng thanh long dự kiến xuất khẩu sang Đài Loan (Trung Quốc), danh sách các vườn cây ăn quả và cơ sở đăng ký xử lý nhiệt hơi nước, địa điểm, kèm theo thư mời chính thức gửi APHIA để cử thanh tra viên.

APHIA sẽ cử thanh tra viên sang Việt Nam dựa trên các chi tiết nêu trên để phối hợp với các cán bộ Cục TT&BVTV tiến hành xác minh cơ sở xử lý nhiệt hơi nước và kiểm tra xuất khẩu. Nếu chương trình thanh tra kéo dài hơn một tháng, APHIA có thể luân phiên cử thanh tra viên.

Mọi chi phí bao gồm hậu cần, công tác phí, phí làm thêm giờ, chi phí phát sinh, bảo hiểm, phiên dịch và phí thị thực liên quan đến việc APHIA thực hiện chuyến thăm xác minh tại chỗ sẽ do Việt Nam chi trả.

3.6. Liên minh châu Âu (EU)

3.6.1. Quy định chung

- Hàng hoá phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp.
- Hàng hoá phải được làm các thủ tục hải quan và kiểm dịch tại cửa khẩu đến đầu tiên của EU.
- Hàng hoá phải được nhập khẩu bởi một nhà nhập khẩu đã đăng ký chính thức tại một nước thành viên EU.
- Hàng hoá phải được thông báo trước cho cơ quan hải quan tại cửa khẩu đến đầu tiên của EU.



Ngoài hồ sơ hải quan nhập khẩu và xuất khẩu, tất cả các lô hàng có nguồn gốc thực vật, bao gồm cả rau quả, khi xuất từ Việt Nam sang EU phải đáp ứng các yêu cầu luật pháp tối thiểu về sức khỏe thực vật và an toàn thực phẩm sau đây:

- Sản phẩm nhập khẩu không được nằm trong danh mục thực vật, sản phẩm thực vật bị cấm hoặc tạm dừng nhập khẩu vào các nước EU;
- Không mang theo đối tượng thuộc diện kiểm dịch thực vật

của EU và hầu như không bị nhiễm các loài dịch hại khác;

- Mỗi lô hàng phải đi kèm với một Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (PC) do Cục TT&BTVT cấp. Để được cấp PC, một số sản phẩm cần được áp dụng biện pháp xử lý kiểm dịch đặc biệt, công tác xử lý này do đơn vị xử lý kiểm dịch đã được công nhận thực hiện theo yêu cầu của EU và hướng dẫn của Cục TT&BTVT;
- Mức độ nhiễm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và chất nhiễm bẩn hóa chất (không phải là thuốc bảo vệ thực vật) không được vượt giới hạn tối đa cho phép của luật pháp EU;
- Nhiễm vi sinh ở rau quả đã cắt sẵn hoặc đã qua chế biến không được vượt giới hạn tối đa cho phép của luật pháp EU;
- Quy cách đóng gói và ghi nhãn phải tuân thủ quy tắc của EU;

3.6.2. Quy định về an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật

Bên cạnh yêu cầu phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đi kèm các lô hàng, các doanh nghiệp xuất khẩu cũng cần quan tâm đến ô nhiễm vi sinh: sự hiện diện của vi khuẩn salmonella là lý do chính để cấm tiêu vào thị trường châu Âu, sự nhiễm khuẩn salmonella đặc biệt thường xảy ra với hạt tiêu và ớt. Để kiểm soát sự ô nhiễm do vi sinh vật, virus, vi khuẩn hoặc côn trùng gây ra, người ta cho phép sử dụng phương pháp chiếu xạ đối với các loại gia vị và thảo mộc khô. Tổng liều bức xạ hấp thụ trung bình tối đa là 10 kGy. Xin lưu ý rằng chiếu xạ ít làm hỏng hương vị của các loại gia vị và thảo mộc hơn so với phương pháp khử trùng bằng hơi nước. Tuy nhiên, người tiêu dùng ở EU nói chung thích các sản phẩm không chiếu xạ. Vì vậy, phương pháp này không được sử dụng rộng rãi.

Bên cạnh phương pháp khử trùng bằng bức xạ (irradiation), phương pháp khử trùng bằng hơi nước (water steam) tỏ ra hữu hiệu, để chống ô nhiễm vi sinh và ngày càng được các nhà nhập khẩu trên thế giới yêu cầu. Khử trùng bằng hơi nước nóng chỉ có hiệu quả nếu quá trình sấy, bảo quản, chế biến (ví dụ như sàng, trộn, xay/nghiền),

đóng gói và vận chuyển được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn. Mẫu sản phẩm phải không bị nhiễm vi sinh sau khi khử trùng. Độc tố mycotoxins và các vi sinh khác rất phải được kiểm soát trong tất cả khâu của chuỗi sản xuất. Bởi vì đó thường là tác nhân gây ung thư (ví dụ aflatoxin).

Luật Thuốc bảo vệ thực vật phần lớn được hài hòa trong toàn EU, tuy nhiên các giới hạn khác nhau đối với một lượng nhỏ thuốc bảo vệ thực vật vẫn có thể tồn tại giữa các nước EU.

Quy định về chỉ dẫn địa lý: PGI (Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ) được sử dụng để mô tả sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm xuất phát từ một khu vực địa điểm được đăng ký với những đặc trưng sản phẩm gắn với liên kết địa lý ít nhất một trong các khâu: chuẩn bị, sản xuất và chế biến; và TSG (Đặc sản truyền thống được bảo đảm) không đề cập đến nguồn gốc, nhưng làm nổi bật đặc điểm truyền thống, trong cấu thành sản phẩm hoặc phương tiện sản xuất. Theo cam kết Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam (EVFTA), EU cam kết bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam. Đây là lợi thế cạnh tranh rất lớn với các đối thủ tại thị trường EU.

3.6.3. Quy trình nhập khẩu nông sản vào EU

Hệ thống các quy trình nhập khẩu nông sản vào EU là thống nhất đối với các sản phẩm nông sản đến từ các quốc gia nằm ngoài EU, bao gồm các bước sau:

Bước 1: Nhà xuất khẩu nộp đơn xin được xuất khẩu (yêu cầu hàng phải có chứng thư vệ sinh cùng một số giấy tờ khác và thuộc danh sách các công ty, các sản phẩm nông sản được EU cho phép xuất khẩu). Nhà xuất khẩu cần liên hệ với Cục TT&BVTV để tìm hiểu về việc đáp ứng yêu cầu đưa vào danh sách các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất được phép theo các cam kết SPS trong Hiệp định EVFTA.



Bước 2: Cơ quan quản lý của nước xuất khẩu ngoài EU cấp giấy chứng nhận xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu. Ở đây cơ quan quản lý là Cục TT&BVTV, Bộ NN&MT.



Bước 3: Nhà xuất khẩu gửi trước bản sao tài liệu xuất khẩu, tái xuất khẩu tới nhà nhập khẩu EU



Bước 4: Nhà nhập khẩu nộp đơn xin phép nhập khẩu có bản sao tài liệu xuất khẩu, tái xuất khẩu gửi kèm



Bước 5: Cơ quan quản lý thuộc EU cấp giấy phép nhập khẩu



Bước 6: Nhà nhập khẩu gửi bản cấp phép nhập khẩu gốc tới nhà xuất khẩu ngoài EU



Bước 7: Nhà xuất khẩu gửi 2 loại tài liệu xuất khẩu và nhập khẩu cùng với hàng hoá



Bước 8: Nhà xuất khẩu xuất trình 2 loại tài liệu xuất khẩu và nhập khẩu tới cơ quan hải quan tại mỗi điểm kiểm soát biên giới trước khi hàng được đưa vào lãnh thổ EU

3.6.4. Kiểm soát kiểm dịch tại cửa khẩu

Tại EU, kiểm soát kiểm dịch hàng nhập khẩu được thực hiện tại các Trạm kiểm soát cửa khẩu (BCP). Trong điều kiện cụ thể cũng có thể di chuyển vị trí kiểm tra thực tế đến một điểm kiểm tra đã được phê duyệt.

Theo quy định, lô hàng chỉ có thể được nhập khẩu sau khi đã hoàn tất kiểm tra kiểm dịch và đạt kết quả phù hợp. Điều này có nghĩa là lô hàng vẫn chịu giám sát của hải quan cho tới khi biết kết quả kiểm tra kiểm dịch thực vật.

Kiểm dịch thực vật

Nhà nhập khẩu đối với lô hàng phải thông báo trước cho cơ quan có thẩm quyền của BCP bằng cách hoàn thiện và nộp Giấy tờ về sức khỏe chung để thực vật và sản phẩm thực vật nhập cảnh trên Hệ thống quản lý thông tin để kiểm soát chính thức IMSOC (Traces). Việc này cần làm trước khi lô hàng đến EU (Quy định 2017/625).



Theo Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/1103, đối tượng chịu trách nhiệm đối với lô hàng phải thông báo trước cho cơ quan có thẩm quyền của BCP mà lô hàng sẽ tới đầu tiên, ít nhất 01 ngày trước khi lô hàng dự kiến sẽ tới. Trong thực tế, nếu Giấy tờ về sức khỏe chung để thực vật và sản phẩm thực vật nhập cảnh càng được khai sớm thì quá trình nhập khẩu sẽ càng thuận lợi, vì cán bộ kiểm tra sẽ có thể tiến hành kiểm tra lô hàng nhập khẩu được ngay.

Kiểm dịch thực vật đối với hàng nhập khẩu bao gồm kiểm tra hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và kiểm tra thực tế. Nguyên tắc chi tiết về thực hiện kiểm tra hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và kiểm tra thực tế tại BCP được nêu trong Quy định (EU) 2019/2130.

Kiểm tra hồ sơ

Mỗi lô hàng đều phải được kiểm tra hồ sơ. Đối với lô hàng sản phẩm thực vật, có thể tiến hành kiểm tra hồ sơ cách xa các Trạm kiểm soát cửa khẩu (Chương 2 của Quy định 2019/2123). Trong quá trình kiểm tra hồ sơ, cơ quan thẩm quyền kiểm tra chứng nhận (kiểm dịch thực vật) chính thức, chứng thực chính thức và các loại giấy tờ khác đi theo lô hàng. Cơ quan kiểm dịch xác minh, trong số nhiều loại giấy tờ khác, liệu Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (PC) có phải do cơ quan thẩm quyền của nước thứ ba cấp hay không, liệu chứng nhận đó có đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật (ISPM) và ghi đúng khai báo bổ sung (AD) hay không.

Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trong quá trình kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ sẽ xác minh nội dung của lô hàng có tương ứng với thông tin ghi trên PC và các giấy tờ chứng thực chính thức khác không, chẳng hạn như khối lượng và giống, dấu phù hợp, nhận dạng phương tiện vận chuyển.

Kiểm tra thực tế

Trong quá trình kiểm tra thực tế sẽ xác minh, căn cứ vào kiểm tra bằng mắt thường và trong một số trường hợp cả phân tích mẫu, liệu

thực vật hoặc sản phẩm thực vật có đúng là không nhiễm dịch hại không và liệu có đáp ứng yêu cầu cụ thể của Quy định 2019/2072 hay không.

Kiểm tra thực tế hàng thực vật, sản phẩm thực vật và vật thể khác được thực hiện theo yêu cầu nêu trong Phụ lục III của Quy định 2019/2123.

Để đảm bảo thực hiện hiệu quả việc kiểm soát chính thức và kiểm soát phù hợp nguy cơ, cơ quan thẩm quyền của BCP có thể tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và kiểm tra thực tế đối với lô hàng thực vật, sản phẩm thực vật và vật thể khác tại điểm kiểm soát thay vì tại BCP, với điều kiện nhất định như nêu trong Chương 1 của Quy định (EU) 2019/2123.

Quyết định thông quan

Nếu kết quả kiểm tra (hồ sơ, tính hợp lệ của hồ sơ, thực tế) đạt yêu cầu, lô hàng sẽ được thông quan. Cơ quan có thẩm quyền của BCP sẽ hoàn thiện thủ tục trên Hệ thống quản lý thông tin để kiểm soát chính thức. Hồ sơ của lô hàng có thể được trình cho hải quan làm bằng chứng đã kiểm tra sức khỏe thực vật đạt yêu cầu và được thông quan.

Lô hàng không được thông quan vì các lý do sau:

- Có dịch hại;
- Thiếu PC gốc;
- PC không đáp ứng yêu cầu;
- Đặc điểm lô hàng không phù hợp với PC (thành phần của lô hàng, giống và số lượng không giống như mô tả trên PC).

Nếu phát hiện dịch hại hoặc triệu chứng của dịch hại, sẽ tiến hành lấy mẫu và gửi mẫu đến phòng thí nghiệm. Phòng thí nghiệm sẽ giám định dịch hại, nếu có. Khi đó cơ quan thẩm quyền của BCP sẽ quyết định biện pháp cần thực hiện.

Người nhận hàng được cơ quan thẩm quyền của BCP thông báo chính thức về lý do từ chối và biện pháp cần thực hiện.

Các biện pháp có thể được thực hiện gồm: tiêu hủy hoặc vận chuyển ra ngoài biên giới EU. Trong trường hợp thứ hai, lô hàng có thể được vận chuyển sang nước khác có yêu cầu khác với EU. Lô hàng phải đáp ứng điều kiện của nước đó. Cơ quan có thẩm quyền cũng có thể bắt buộc áp dụng biện pháp xử lý đặc biệt.

3.6.5. Ghi nhãn và đóng gói

Cách ghi nhãn thực phẩm nói chung và thông tin tối thiểu cần in trên bao bì đều được quy định thống nhất toàn EU, căn cứ vào Quy định (EU) 1169/2011.

Bao bì và thùng giấy dùng trong thương mại FFV phải có các thông tin sau:

- Tên và địa chỉ của cơ sở đóng gói hoặc người gửi;
- Tên và giống của sản phẩm (nếu sản phẩm không nhìn thấy được từ bên ngoài bao bì);
- Nước xuất xứ;
- Loại và kích cỡ (tham chiếu tiêu chuẩn marketing);
- Số lô để truy xuất hoặc GGN nếu được chứng nhận GlobalGap (khuyến cáo);
- Dấu kiểm soát chính thức để thay cho tên và địa chỉ của cơ sở đóng gói (tùy chọn);
- Xử lý sau thu hoạch: ví dụ như chất chống mốc được dùng trong xử lý cam quýt sau thu hoạch, cần phải được ghi trên bao bì thương mại;
- Chứng nhận hữu cơ, bao gồm cả tên của cơ quan kiểm tra và số chứng nhận (nếu có).

Rau quả khi được chế biến hoặc trực tiếp đóng gói để tiêu dùng cần ghi nhãn phù hợp cho người tiêu dùng:

- Tên thông thường của sản phẩm;
- Tên đầy đủ của nước xuất xứ;
- Tên và địa chỉ của nhà sản xuất, đóng gói, nhập khẩu, chủ sở hữu thương hiệu hoặc người bán (bán lẻ) tại EU, là những người đưa sản phẩm ra thị trường;
- Khối lượng tịnh;
- Thời gian bảo quản tối thiểu – sử dụng tốt nhất trước ngày (trên tất cả rau quả chế biến, chẳng hạn như rau quả tươi cắt sẵn);
- Thông tin nhận dạng nhà sản xuất hoặc số lô;
- Danh sách thành phần (nếu có), bao gồm cả chất phụ gia và xử lý sau thu hoạch;
- Thông tin về gây dị ứng (nếu có);
- Giá trị dinh dưỡng (khi trộn với thực phẩm khác);
- Được đóng gói trong môi trường được bảo vệ, nếu có;
- Thông tin bổ sung về loại chất lượng, kích cỡ, giống hoặc loại dùng cho thương mại và xử lý sau thu hoạch ghi trên nhãn sản phẩm hoặc ngay sát (trên giá) sản phẩm có tiêu chuẩn marketing cụ thể.

Thông tin trên nhãn phải được ghi bằng một trong những ngôn ngữ chính thức của một nước thành viên EU và phải dễ cho người tiêu dùng dễ hiểu.

Bao bì lưu thông trên thị trường Châu Âu phải đáp ứng các yêu cầu chung, các yêu cầu này nhằm mục đích bảo vệ môi trường, cũng như tuân thủ các điều khoản cụ thể để ngăn ngừa mọi nguy cơ đối với sức khỏe của người tiêu dùng. Bao bì phải bảo vệ sản phẩm không bị ô nhiễm, rò rỉ và mất nước. Sản phẩm và bao bì phải đồng bộ.

Chỉ thị (EU) 2019/904 về giảm tác hại của sản phẩm nhựa cụ thể đến môi trường đòi hỏi phải giảm đồ nhựa dùng một lần. Ngày càng có nhiều khách hàng EU yêu cầu bao bì thay thế và thân thiện với môi trường.

3.7. ASEAN

Mặc dù là các nước láng giềng trong cùng khối ASEAN, mỗi quốc gia vẫn áp dụng hệ thống tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS) riêng, tập trung vào an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật.

3.7.1. Quy định của Thái Lan

Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã Thái Lan (MOAC) giám sát việc nhập khẩu các sản phẩm thực phẩm chưa qua chế biến, bao gồm trái cây và rau củ. Bộ Y tế và Phúc lợi Thái Lan (MOPH) yêu cầu các nhà nhập khẩu phải xin giấy phép nhập khẩu trước, thông thường có yêu cầu về giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.

Quy định về dư lượng thuốc BVTV

Thông tin chi tiết về dư lượng thuốc BVTV tại Thái Lan chủ yếu có trong Thông báo Bộ trưởng MOAC số 387 B.E. 2560 (2017) 4 và Thông báo Bộ trưởng số 414 B.E. 2560 và MRL trong Thông báo Bộ trưởng số 419 B.E. 2562 (2020) với mục tiêu bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng bằng cách áp dụng MRL đối với hóa chất nông nghiệp trong thực phẩm theo định nghĩa trong Luật Thực phẩm B.E. 2522, bao gồm cả thực vật được sử dụng làm thực phẩm theo Tiêu chuẩn Nông nghiệp Thái Lan TAS 9045-2016 về: Phân loại Hàng hóa Nông nghiệp: Cây trồng (chỉ bằng tiếng Thái).

Kiểm dịch thực vật nhập khẩu

Đạo luật Kiểm dịch Thực vật (Số 3) B.E. 2551 của Thái Lan có hiệu lực từ ngày 28 tháng 8 năm 2008. Đạo luật này kết hợp các Thông báo Bộ trưởng trước đây từ năm 2007 yêu cầu Đánh giá Rủi ro Dịch hại (PRA) đối với vật liệu thực vật nhập khẩu, cũng như thiết lập các quyền hạn rộng hơn cho Ủy ban Kiểm dịch Thực vật.

Theo quy định, việc nhập khẩu thực vật và sản phẩm thực vật được phân loại thành 3 nhóm: vật liệu bị cấm, bị hạn chế và không bị cấm dựa trên tầm quan trọng về kinh tế và mức độ phổ biến của chúng đối với sâu bệnh hại thực vật tại nơi xuất xứ.

Vật liệu thực vật bị cấm:

là vật liệu không được phép nhập khẩu, ngoại lệ chỉ được phép đối với các trường hợp được MOAC phê duyệt trước chỉ nhằm mục đích thử nghiệm hoặc nghiên cứu.

Yêu cầu nhập khẩu các vật liệu bị cấm được quy định như sau:

(1) Chúng phải được nhập khẩu qua 3 trạm kiểm dịch thực vật là: Sân bay Quốc tế Bangkok, Cảng Hàng hải Bangkok và Trạm Kiểm dịch Thực vật Bưu điện Bangkok.

(2) Chúng phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp.

(3) Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật phải được xác nhận là lô hàng không có sâu bệnh kiểm dịch thực vật theo quy định.

Vật liệu thực vật hạn chế

Yêu cầu đối với vật liệu hạn chế nhập khẩu được quy định như sau:

(1) Vật liệu phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp.

(2) Vật liệu phải được xử lý theo các điều kiện do cán bộ kiểm dịch thực vật quy định.

(3) Ngoài ra, việc nhập khẩu vật liệu hạn chế, đặc biệt là cây trồng dùng để nhân giống, phải được kiểm tra kỹ lưỡng.

Vật liệu thực vật không bị cấm

Vật liệu thực vật không thuộc danh mục vật liệu bị cấm và hạn chế nhập khẩu là vật liệu không bị cấm. Vật liệu không bị cấm nhập khẩu phải được thông báo để kiểm tra tại cửa khẩu nhập. Tất cả vật

liệu đều phải được kiểm tra và xử lý kiểm dịch hoặc tiêu hủy nếu phát hiện sâu bệnh khi kiểm dịch thực vật.

Kể từ ngày 01/08/2022, Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia Thái Lan sử dụng mẫu giấy kiểm dịch thực vật mới. Mẫu giấy mới được cấp qua hệ thống điện tử và in trên phiôi giấy có các dòng chữ "Department of Agriculture Thailand".

Theo hướng dẫn mới nhất của Bộ Y tế và Phúc lợi Thái Lan (MOPH) quy định Quy trình Sản xuất, Thiết bị và Dụng cụ sản xuất và Bảo quản một số loại Trái cây và Rau quả Tươi và Nhãn mác, người vận chuyển và người nhập khẩu được yêu cầu xuất trình bản sao có công chứng của giấy chứng nhận sản xuất tại thời điểm vận chuyển, đảm bảo quy trình phân loại và đóng gói của trái cây và rau quả tươi nhập khẩu an toàn cho người tiêu dùng. Bản sao có công chứng có thể được lưu giữ và xuất trình để thông quan cho lô hàng tiếp theo cho đến khi hết hạn hiệu lực. Danh sách các giấy chứng nhận sản xuất được Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (TFDA) chấp nhận như sau:

- (1) Kiểm toán Thực hành Nông nghiệp Tốt (GAP) và Thực hành Xử lý Tốt của USDA;
- (2) Chương trình Đảm bảo Nông trại Tích hợp của GLOBALGAP cho Trái cây và Rau quả;
- (3) Primus GFS Phiên bản 2.1-2e hoặc Phiên bản 3;
- (4) Bộ Quy tắc Đảm bảo Nhà cung cấp dựa trên HACCP của Viện Thực phẩm Chất lượng An toàn (SQF) dành cho ngành công nghiệp thực phẩm;
- (5) Tiêu chuẩn Toàn cầu BRC về An toàn Thực phẩm;
- (6) GAP Plus+ được USDA Hòa;
- (7) GLOBAL GAP - Quy định Chung về Đảm bảo Xử lý Sản phẩm.

3.7.2. Quy định của Malaysia

Luật Thực phẩm năm 1983 và Quy định Thực phẩm năm 1985 của Malaysia quản lý an toàn thực phẩm và kiểm soát chất lượng, bao gồm tiêu chuẩn thực phẩm, vệ sinh thực phẩm, nhập khẩu/xuất khẩu thực phẩm. Phòng An toàn và Chất lượng Thực phẩm (FSQD) thuộc Bộ Y tế Malaysia triển khai một chương trình an toàn thực phẩm tích cực, bao gồm việc tuân thủ thường xuyên, lấy mẫu, kiểm tra cơ sở thực phẩm, hoạt động kiểm soát nhập khẩu thực phẩm và cấp phép cho các chất thực phẩm cụ thể. FSQD cũng giám sát các chất gây ô nhiễm thực phẩm cụ thể và phê duyệt nhãn thực phẩm.

Bên cạnh đó, tất cả thực phẩm nhập khẩu vào Malaysia đều phải được Cục Kiểm dịch và Kiểm định (MAQIS) kiểm tra và lấy mẫu ngẫu nhiên tại 28 cửa khẩu trên toàn quốc để đảm bảo tất cả các sản phẩm đều tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định quốc gia đã được quy định.

Dư lượng thuốc BVTV

Malaysia thiết lập giới hạn dư lượng thuốc BVTV tối đa (MRL) trong Phụ lục 16 của Quy định Thực phẩm năm 1985. Đối với các dư lượng không được quy định trong quy định riêng, Malaysia công nhận MRL được khuyến nghị trong Codex Alimentarius. Nếu giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu cho một loại thực phẩm cụ thể không được quy định trong Phụ lục thứ 16 hoặc Codex Alimentarius, thì dư lượng thuốc trừ sâu không được chứa quá 0,01 miligam trên một kilôgam trong thực phẩm.

Tất cả các lô hàng thực phẩm đều phải được kiểm tra và lấy mẫu ngẫu nhiên tại 28 cửa khẩu trên khắp Malaysia để đảm bảo các mặt hàng thực phẩm nhập khẩu vào nước này an toàn và tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định đã được quy định. Thực phẩm sẽ bị tiêu hủy nếu bị phát hiện không phù hợp để sử dụng cho người. Các lô hàng rau quả nhập khẩu vào Malaysia phải được kiểm tra bởi các nhân viên được ủy quyền của MAQIS tại cửa khẩu khi đến Malaysia. Các mẫu ngẫu nhiên sau đó sẽ được thu thập để xét nghiệm trong phòng

thí nghiệm và MAQIS có quyền từ chối, tiêu hủy hoặc tiếp tục giữ lại bất kỳ lô hàng nào khi thấy cần thiết.

Kiểm dịch thực vật, sản phẩm thực vật

Việc nhập khẩu thực vật và các sản phẩm thực vật vào Malaysia được quản lý bởi Quy định (Nhập khẩu/Xuất khẩu) năm 1981 về Sâu bệnh Nông nghiệp và Thực vật Độc hại. Mục đích của quy định kiểm dịch thực vật là kiểm soát sự xâm nhập của sâu bệnh từ hàng nhập khẩu nước ngoài.

Giấy phép nhập khẩu do MAQIS cấp. Tất cả các điều kiện nhập khẩu thực vật đều được quy định trong giấy phép này. Vì hầu hết các điều kiện cần đáp ứng cần phải được thực hiện tại quốc gia xuất xứ của thực vật, nên điều quan trọng là nhà nhập khẩu phải thông báo cho nhà cung cấp về các yêu cầu trước khi vận chuyển. Các mặt hàng rau quả nhập khẩu cần có giấy phép nhập khẩu, giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (PC) và quy trình xử lý trước khi vận chuyển.

3.7.3. Quy định của Singapore

Singapore được coi là thị trường có tiêu chuẩn chất lượng cao nhất trong ASEAN, chủ yếu do đây là một trung tâm trung chuyển và có yêu cầu nghiêm ngặt về an ninh lương thực. Cơ quan Thực phẩm Singapore (SFA) thuộc Bộ Môi trường và Tài nguyên Nước chịu trách nhiệm về tất cả các quy định liên quan đến thực phẩm trong nước. Được thành lập vào ngày 01/4/2019, SFA giám sát các vấn đề về an toàn thực phẩm và an ninh lương thực tại Singapore.

Quy định về thực phẩm theo Đạo luật bán Thực phẩm sẽ cung cấp thông tin chi tiết về các hướng dẫn của Singapore đối với thực phẩm và nông sản nhập khẩu. Tất cả thực phẩm và nông sản ăn được nhập khẩu (bao gồm cả nguyên liệu thực phẩm) đều phải tuân thủ các yêu cầu hiện hành trong các luật này. Để tăng cường hơn nữa an ninh lương thực và đảm bảo thương mại thực phẩm và nông sản được hợp lý hóa, SFA đã sửa đổi nhiều quy định vào năm 2025, bao gồm Quy định (Sửa đổi) về Thực phẩm năm 2025.

Dư lượng thuốc trừ sâu và chất gây ô nhiễm

Theo Luật Thực phẩm số 29 của Singapore, thực phẩm chứa chất gây ô nhiễm (thành phần ngẫu nhiên), tức là bất kỳ chất lạ, chất độc hại, thuốc trừ sâu, kim loại nặng, kháng sinh, estrogen hoặc độc tố nấm mốc nào được cho vào hoặc trên thực phẩm đều không được phép. Các loại thực phẩm chứa các chất sau đây không được phép nhập khẩu và bán tại Singapore:

- Thực phẩm chứa asen và chì với hàm lượng vượt quá quy định không được phép nhập khẩu vào Singapore;
- Bất kỳ sản phẩm nào chứa thiếc vượt quá 250 ppm đều không được phép;
- Nấm khô chứa cadmium vượt quá 1 ppm, hoặc bất kỳ loại ca cao, sản phẩm ca cao chứa cadmium vượt quá 0,5 ppm, hoặc bất kỳ loại thực phẩm nào khác chứa cadmium vượt quá 0,2 ppm đều không được phép;
- Thực phẩm chứa antimon vượt quá 1 ppm không được phép;
- Chất kháng khuẩn hoặc bất kỳ một hàng thực phẩm nào có chứa bất kỳ dư lượng nào có thể phát hiện được hoặc sản phẩm phân hủy của chất kháng khuẩn. Bản thân chất kháng khuẩn đề cập đến “bất kỳ chất nào có nguồn gốc tự nhiên, bán tổng hợp hoặc tổng hợp khi được sử dụng cho một sinh vật sống, tiêu diệt hoặc ức chế sự phát triển của vi khuẩn, nấm, vi-rút và các vi sinh vật khác;
- Mycotoxin: Thực phẩm chứa aflatoxin B1 hoặc tổng aflatoxin (B1, B2, G1 và G2) vượt quá 5 phần tỷ là không được phép. Patulin vượt quá 50 phần tỷ đối với trái cây hoặc thực phẩm có thành phần là nước ép trái cây là không được phép;
- Không được phép sử dụng 3-monochloropropane-1,2-diol (3-MCPD) vượt quá 20 phần tỷ, tính theo hàm lượng chất khô 40%, trong bất kỳ loại nước tương hoặc nước sốt hào nào (quy định số 34A).

Kiểm dịch thực vật nhập khẩu

Theo Đạo luật Kiểm soát Thực vật của Singapore, trái cây và rau quả tươi nhập khẩu không được chứa bất kỳ loại thuốc trừ sâu bị cấm nào, hoặc mức dư lượng thuốc trừ sâu hoặc dư lượng hóa chất độc hại vượt quá mức quy định tại Phụ lục thứ Chín của Luật Thực phẩm. Singapore kiểm soát về dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm (trái cây hoặc rau quả tươi) bằng cách kiểm tra lô hàng trước khi bán, cung cấp hoặc phân phối.

Dư lượng thuốc trừ sâu có trong bất kỳ thực phẩm nào không được vượt quá giới hạn tối đa được quy định trong mức quy định (MRL ppm) của danh mục thuốc trừ sâu dương tính trong Phụ lục thứ chín của Luật Thực phẩm. Trừ khi có quy định khác trong Luật Thực phẩm, dư lượng thuốc trừ sâu có trong bất kỳ thực phẩm nào không được vượt quá giới hạn tối đa được quy định về dư lượng do Bộ luật chung FAO/WHO thông qua.

Từ đầu tháng 5/2025, Cơ quan Thực phẩm Singapore (SFA) bắt đầu triển khai nền tảng Dịch vụ điện tử (e-Service) phục vụ việc công bố và tra cứu kết quả kiểm tra phòng thí nghiệm đối với trái cây và rau quả tươi/làm mát nhập khẩu. Nền tảng Dịch vụ điện tử này nhằm phục vụ đối tượng là tất cả các nhà nhập khẩu của Singapore có nhu cầu tra cứu kết quả kiểm tra phòng thí nghiệm của Hải quan Singapore đối với các lô hàng trái cây và rau quả tươi/làm mát nhập khẩu vào Singapore.

PHẦN IV

MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM

4.1. Cơ hội và thách thức liên quan SPS đối với xuất khẩu rau quả

Cơ hội

Xuất khẩu rau quả Việt Nam đang có xu hướng tăng trưởng mạnh, sẵn sàng hướng tới mục tiêu vượt mốc 8 tỷ USD trong năm 2025, nhờ vào sự đóng góp chủ lực của sầu riêng và các mặt hàng khác như chuối, mít, thanh long. Các xu hướng chính bao gồm chuyển dịch từ xuất khẩu thô sang chế biến, nâng cao giá trị gia tăng, và khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA) để thâm nhập các thị trường khó tính:

- Các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP, VIFTA, CEPA đã giúp giảm thuế quan, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường quốc tế và tăng năng lực cạnh tranh.
- Xu hướng tiêu dùng toàn cầu tăng nhu cầu đối với thực phẩm tươi, bổ dưỡng và an toàn, đặc biệt là trái cây nhiệt đới vốn là thế mạnh của Việt Nam.
- Chất lượng sản phẩm: Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hai con số trong năm 2025 cho thấy chất lượng rau quả Việt Nam ngày càng được cải thiện và đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế.

Dự kiến xuất khẩu rau quả Việt Nam sang các thị trường còn rất lớn. Các FTA sẽ là cơ hội để rau quả Việt Nam gia tăng giá trị xuất khẩu và mở rộng thị phần; đồng thời cũng tạo sức ép để ngành rau quả nâng cao năng lực sản xuất nội tại, sức cạnh tranh, chinh phục thành công các thị trường cao cấp.

Các Bộ ngành đang tiếp tục tích cực thực hiện vừa cơ cấu lại thị trường xuất khẩu, mở cửa thị trường mới (Trung Đông, ASEAN, châu Phi, châu Âu, châu Mỹ), vừa chủ động, tích cực trực tiếp đàm phán ứng phó linh hoạt, hiệu quả với chính sách “Thuế đối ứng của Hoa Kỳ”, nhờ đó giá trị xuất khẩu sang nhiều châu lục và thị trường tăng khá, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc và EU tiếp tục là 05 thị trường xuất khẩu lớn nhất.

Cơ cấu xuất khẩu rau quả Việt Nam sẽ tiếp tục dẫn đầu bởi các mặt hàng chủ lực như sầu riêng, chiếm tỷ trọng lớn nhất, cùng với đó là mít, dứa, chanh leo và xoài. Xuất khẩu sẽ dịch chuyển mạnh mẽ hơn sang sản phẩm chế biến sâu, đóng gói đạt chuẩn và bảo quản lạnh. Sự tăng trưởng đa dạng này giúp ngành giảm sự phụ thuộc vào một mặt hàng và duy trì đà xuất khẩu bền vững, đồng thời tiếp tục khai thác tốt các thị trường truyền thống và tiềm năng mới.

Thách thức

- Hiện nay, sản lượng rau quả tươi được chế biến vẫn còn ít trong khi sản lượng thu hoạch hàng năm rất lớn. Đây được cho là một trong những nguyên nhân chính khiến kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam vẫn chiếm tỷ trọng thấp tại các thị trường, khu vực thị trường có nhu cầu lớn về sản phẩm chế biến như châu Âu, Hoa Kỳ, Hàn Quốc...
- Các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật của các thị trường xuất khẩu ngày càng nghiêm ngặt, thay đổi, đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam phải cập nhật và đáp ứng kịp thời các yêu cầu mới.
- Kim ngạch xuất khẩu có biến động theo từng thời kỳ, có lúc tăng trưởng mạnh nhưng cũng có giai đoạn chững lại. Các thách thức hiện nay bao gồm việc đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng khắt khe của thị trường quốc tế và cần chuyển đổi từ tư duy “bán trái cây” sang “bán sản phẩm có thương hiệu” để đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế.

4.2. Khuyến nghị nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

Nâng cao chất lượng, đảm bảo sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm, không dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và có các chứng nhận quốc tế như GlobalGAP, HACCP, BRC...;

Kiểm soát chất lượng, tăng cường kiểm tra, giám sát quy trình sản xuất từ khâu trồng trọt, thu hoạch đến đóng gói để đảm bảo chất lượng đồng đều và đáp ứng yêu cầu của thị trường nhập khẩu;

Đa dạng hóa thị trường, không phụ thuộc vào một vài thị trường lớn, mà cần mở rộng sang các thị trường tiềm năng khác như thị trường Halal, Trung Đông, Ấn Độ, châu Phi, Mỹ latin... Đa dạng hóa các sản phẩm có giá trị gia tăng cao như trái cây sấy khô, đông lạnh, nước ép, các sản phẩm chế biến sẵn để tăng sức cạnh tranh và lợi nhuận;

Xây dựng thương hiệu, đầu tư vào việc xây dựng thương hiệu mạnh cho các sản phẩm rau quả, bao gồm cả bao bì, nhãn mác. Tận dụng các nền tảng thương mại điện tử xuyên biên giới để tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng và tối ưu hóa kênh phân phối;

Tìm hiểu để nắm rõ các quy định về thông tin bắt buộc trong các quy định về ATTP, kiểm dịch thực vật đối với rau quả của các thị trường nhập khẩu, đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và tự xây dựng hệ thống quản lý ATTP, kiểm dịch thực vật cho doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của Việt Nam, các thị trường nhập khẩu và của khách hàng;

Chủ động đào tạo, nâng cao nhận thức cho đội ngũ nhân viên của doanh nghiệp và của các đối tác liên quan trong chuỗi sản xuất của mình về mục đích, tầm quan trọng, các luật của Việt Nam và thị trường cũng như các kỹ năng thực thi trong đảm bảo ATTP, kiểm dịch thực vật, có chính sách khuyến khích và kiểm soát việc ghi chép điện tử nhật ký sản xuất trên hệ thống quản lý ATTP của doanh nghiệp;

Tăng cường trao đổi thông tin với các nhà nhập khẩu để nắm bắt diễn biến thị trường, những yêu cầu và thủ tục của thị trường để chia sẻ, trao đổi tìm giải pháp ứng phó kịp thời;

Tổ chức các hoạt động hỗ trợ tín dụng cho các hợp tác xã/ trang trại trong chuỗi cung ứng để cải tiến, nâng cấp các cơ sở để đáp ứng các yêu cầu của các quy chuẩn, văn bản pháp quy của Việt Nam về ATTP và kiểm dịch thực vật cũng như tuân thủ đúng các quy định về truy xuất nguồn gốc;

Chủ động tham gia vào các hiệp hội, hội ngành hàng để có thể nhận được sự hỗ trợ về thông tin và các chương trình ATTP, kiểm dịch thực vật cũng như các vấn đề khác liên quan đến kỹ thuật và các yêu cầu mới của thị trường.

4.3. Bổ sung các chứng nhận cần thiết về SPS đối với rau quả

Ngoài việc tuân thủ các quy định và quy chuẩn bắt buộc của thị trường xuất khẩu (như Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc,...), doanh nghiệp cần phải đáp ứng các yêu cầu riêng của các nhà nhập khẩu, cùng những tiêu chuẩn, chứng nhận quốc tế cần thiết.

Yêu cầu bổ sung về an toàn thực phẩm

An toàn thực phẩm là ưu tiên hàng đầu trong tất cả các lĩnh vực thực phẩm, nên hầu hết người mua tại nước nhập khẩu đều yêu cầu các hình thức chứng nhận bảo đảm. Các tiêu chuẩn, chứng nhận phổ biến thường được yêu cầu như:

- Tiêu chuẩn GlobalGAP: Đây là tiêu chuẩn phổ biến nhất và trở thành giấy thông hành thuận lợi khi tiếp cận thị trường EU. Tiêu chuẩn này bao hàm toàn bộ quá trình sản xuất ra sản phẩm, từ đầu vào trang trại như nguồn đất và nước, giống, sử dụng thuốc BVTV, phân bón, quản lý dịch hại và các hoạt động trồng trọt cho đến khi thành phẩm và rời khỏi trang trại đến tay người tiêu dùng. Mục tiêu cơ bản của tiêu chuẩn GlobalGAP là an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, đồng thời bảo đảm các vấn đề khác như: an toàn sức khỏe, phúc lợi cho người lao động và bảo vệ môi trường.

- Tiêu chuẩn VietGAP: gồm tiêu chuẩn quy định về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho các sản phẩm nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản) ở Việt Nam, bao gồm những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, thu hoạch, sơ chế đảm bảo sản phẩm an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
- Việc thực hiện Hệ thống Quản lý chất lượng (QMS) cũng cần được quan tâm. Hệ thống này dựa trên Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn.
- Ngoài ra, một số hệ thống quản lý an toàn thực phẩm khác cũng có thể được yêu cầu như Tiêu chuẩn toàn cầu (BRC), Tiêu chuẩn thực phẩm (IFS), Chương trình thực phẩm chất lượng an toàn (SQF), FSSC 22000 hoặc các tiêu chuẩn ngành khác.

Yêu cầu bổ sung về bền vững

Chứng nhận Rainforest Alliance của Hoa Kỳ, thường được viết tắt là RFA hoặc RA, được gọi là Chứng nhận Tiêu chuẩn nông nghiệp bền vững. Là chứng nhận quốc tế cho các sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm có nguồn gốc từ rừng, đòi hỏi tuân thủ các tiêu chuẩn khắt khe về bảo vệ môi trường, công bằng xã hội và kinh doanh bền vững. RFA chứng nhận các sản phẩm nông nghiệp bao gồm cà phê, ca cao, trà, chuối, cam, dưa, quả phỉ, dầu dừa, quả hạch.

Tiêu chuẩn Đánh giá bền vững nông trại (FSA- Farm Sustainability Assessment) bao gồm các hoạt động xã hội, môi trường và quản lý trang trại nói chung, được áp dụng cho cây trồng, rau, trái cây và hoa màu.

Chứng nhận tuân thủ xã hội

Cũng giống như chứng nhận an toàn thực phẩm, chứng nhận tuân thủ xã hội chủ yếu liên quan đến các cơ sở chế biến. Các chứng chỉ này liên quan đến quyền, sức khỏe và thu nhập của những người làm việc trong cơ sở sản xuất và cả trong chuỗi cung ứng rộng lớn hơn.

Chẳng hạn, ở châu Âu, các chương trình công nhận tuân thủ xã hội của bên thứ ba được chấp nhận rộng rãi nhất là Tiêu chuẩn SA8000 về Trách nhiệm xã hội (SAI) và Sáng kiến Tuân thủ xã hội của doanh nghiệp (BSCI).

4.4. Địa chỉ tra cứu về các biện pháp SPS đối với rau quả

Tại Việt Nam, Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về Vệ sinh dịch tễ và Kiểm dịch động thực vật Việt Nam (gọi tắt là Văn phòng SPS Việt Nam) đã được thành lập hơn 20 năm theo Quyết định số 99/2005/QĐ-TTg ngày 09/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Văn phòng SPS Việt Nam là đầu mối thực hiện các nghĩa vụ minh bạch hóa theo yêu cầu của Hiệp định SPS của WTO, thực hiện chức năng là kênh thông tin chính thức giữa Việt Nam và các thành viên WTO về các vấn đề SPS. Văn phòng này có nhiệm vụ thông báo và hỏi đáp các nội dung và quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật; yêu cầu các nước thành viên của WTO cung cấp thông tin về các biện pháp, thủ tục đánh giá rủi ro về thanh tra, kiểm tra và các vấn đề liên quan khác về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật. Văn phòng SPS Việt Nam là đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đặt trụ sở tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Các thông báo về SPS có thể được cập nhật thường xuyên tại các địa chỉ sau:

- **Trang tra cứu thông báo và dự thảo quy định SPS của các nước thành viên WTO của Văn phòng SPS Việt Nam:**

<http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien>

- **Trang tra cứu các biện pháp SPS của WTO, cung cấp nhiều thông tin về Hiệp định và hoạt động liên quan đến SPS trên toàn thế giới:**

http://www.wto.org/english/tratop_e/sps_e/sps_e.htm

- **Thông tin về các hoạt động của Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế (IPPC):**

<https://www.ippc.int/fr/>

- **Địa chỉ trang web của các Tiêu chuẩn Codex:**

<http://www.codexalimentarius.net>

- **Tổng cục Hải quan (GACC) của Trung Quốc:**

<http://english.customs.gov.cn/service/guide?c=5997041e-0163-4388-88a5-f090dd97adb6&k=55>

- **Cục Kiểm dịch Động vật và Thực vật (APHIS) của Hoa Kỳ**

<https://www.aphis.usda.gov/plant-protection-quarantine>

- **Cục Quản lý thực phẩm và dược phẩm (FDA) của Hoa Kỳ**

<https://www.fda.gov/>

- **Tổng cục Y tế và An toàn Thực phẩm (DG SANTE) của Ủy ban châu Âu**

https://commission.europa.eu/about/departments-and-executive-agencies/health-and-food-safety_en

- **Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (MAFF) của Nhật Bản**

<https://www.maff.go.jp/j/syouan/syokubo/keneki/index.html#kokunai>

- **Cơ quan Kiểm dịch Động Thực vật (APQA) của Hàn Quốc**

https://www.qia.go.kr/english/html/Plant/Plant_003.jsp

- **Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (TFDA) của Đài Loan (Trung Quốc)**

<https://www.fda.gov.tw/TC/siteContent.aspx?sid=2405>

PHẦN V

MỘT SỐ CÂU HỎI THƯỜNG GẶP VỀ CÁC QUY ĐỊNH AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT (SPS) ĐỐI VỚI NGÀNH HÀNG RAU QUẢ

Câu hỏi 1: Tôi muốn xuất khẩu xoài và chanh leo sang Trung Quốc, vậy hai loại này đã được phép nhập khẩu chính ngạch chưa?

Trả lời:

Hiện 14 loại nông sản Việt đã được xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Trung Quốc. Trong đó, 6 mặt hàng hai bên đã ký Nghị định thư xuất khẩu (dưa hấu, măng cụt, thạch đen, sầu riêng, chuối tươi và khoai lang) và 6 mặt hàng truyền thống chưa được chuẩn hóa bằng Nghị định thư xuất khẩu (thanh long, chôm chôm, xoài, vải, nhãn, mít). Riêng mặt hàng chanh leo, ớt đang được xuất khẩu thí điểm.

Danh mục nông sản được phép nhập khẩu được Tổng cục Hải quan Trung Quốc công bố rộng rãi và cập nhật trên website: <http://www.customs.gov.cn/>

Câu hỏi 2: Tôi muốn xuất khẩu Xoài sang Hoa Kỳ, vậy tôi phải kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật như thế nào?

Trả lời:

Để xuất khẩu xoài sang Hoa Kỳ, bạn phải kiểm soát dư lượng thuốc BVTV (MRL) bằng cách:

1. Chỉ dùng thuốc được phép trên cây xoài (theo danh mục Cục BVTV và EPA Mỹ).
2. Tuân thủ thời gian cách ly (PHI) trước khi thu hoạch.
3. Ghi nhật ký sản xuất đầy đủ để truy xuất nguồn gốc.

4. Kiểm nghiệm dư lượng thuốc tại phòng thí nghiệm đạt chuẩn (như NAFIQAD, NIFC).

5. Áp dụng VietGAP hoặc GlobalGAP để đảm bảo an toàn thực phẩm.

Mọi hướng dẫn chi tiết, bạn liên hệ Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để được hỗ trợ.

Câu hỏi 3: Tôi muốn xuất khẩu thanh long sang Mỹ, vậy sản phẩm của tôi cần đáp ứng các tiêu chuẩn gì?

Trả lời:

Xuất khẩu trái cây sang Mỹ phải đáp ứng được 3 tiêu chuẩn chính gồm: Vùng trồng đạt tiêu chuẩn và được phía Mỹ ủy quyền cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) giao Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp mã số vùng trồng; Nhà máy đóng gói phải được chuyên gia phía Mỹ cấp mã số; Sản phẩm phải được chiếu xạ tại nhà máy được cấp mã số đạt chuẩn.

Câu hỏi 4: Những loại rau quả nào của Việt Nam hiện đang được xuất khẩu sang Nhật Bản với sản lượng lớn?

Trả lời:

Hiện nay, nhiều loại rau củ quả của Việt Nam đã thâm nhập sâu vào thị trường Nhật Bản và đạt sản lượng xuất khẩu đáng kể. Trong đó, các loại trái cây nhiệt đới như xoài, thanh long và vải là những mặt hàng chủ lực, thường xuyên được xuất khẩu dưới dạng tươi hoặc cấp đông. Bên cạnh đó, trong năm 2023, Việt Nam đã xuất khẩu 6,97 triệu kg rau củ đông lạnh (IQF) sang thị trường Nhật Bản, chiếm hơn 40 % tổng xuất khẩu IQF của cả nước. Với tốc độ tăng trưởng toàn ngành đạt 27% trong năm 2024 và dự báo tiếp tục đạt tăng trưởng 12 – 15 % trong năm 2025, khối lượng IQF xuất khẩu sang Nhật dự kiến tăng lên 8,86 triệu kg năm 2024 và 10,19 triệu kg năm 2025, tương ứng thị phần tại Nhật có thể tăng lên 42 – 46%. Ngoài ra, một số sản phẩm đặc thù của Việt Nam như đậu bắp mini trồng tại An Giang, khoai lang cắt sợi, hỗn hợp ớt chuông và cà tím nướng đóng gói tại Lâm Đồng đã được xuất khẩu với sản lượng hàng trăm

tấn mỗi năm. Việc đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm rau quả chế biến và đông lạnh đang được xem là hướng đi bền vững, phù hợp với nhu cầu và thói quen tiêu dùng của người dân Nhật Bản.

Nhìn chung, cho đến nay đã có nhiều rau quả được phép xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản như:

- Hàng rau củ quả tươi: vải thiều, xoài, sầu riêng, dứa, chuối, thanh long, sả, riềng, củ đậu (củ sắn), các loại rau, lá dong, lá chuối, hành tím.
- Hàng rau củ đông lạnh: sầu riêng, mít, nhãn, sấu, chanh dây, măng cầu.

Câu hỏi 5: Loại trái cây nào được nhập khẩu chính ngạch vào Đài Loan?

Trả lời:

Theo danh mục do BAPHIQ – Bộ Nông nghiệp Đài Loan công bố, hiện nay Việt Nam được phép xuất khẩu một số loại trái cây tươi sau: Thanh Long – được phép xuất khẩu chính ngạch; Xoài – phải xử lý hơi nước nóng; Vải thiều – Yêu cầu vùng trồng & cơ sở đóng gói được công nhận; Nhãn – phải xử lý hơi nước nóng; chôm chôm; măng cầu xiêm (na).

Câu hỏi 6: Các yêu cầu bắt buộc và hậu quả nếu không tuân thủ khi xuất khẩu trái cây tươi sang thị trường Trung Quốc là gì?

Trả lời:

Để đưa trái cây tươi vào thị trường Trung Quốc, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Các lô hàng xuất khẩu từ vùng trồng hoặc cơ sở đóng gói chưa được đăng ký mã số với Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam và chưa được Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) phê duyệt sẽ không được phép nhập khẩu.

Nếu phát hiện sinh vật gây hại thuộc danh mục kiểm dịch của Trung Quốc, lô hàng có thể bị từ chối nhập khẩu, buộc tiêu hủy hoặc áp dụng biện pháp xử lý kiểm dịch thích hợp. Trong những trường

hợp này, GACC sẽ thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam và có thể tạm dừng nhập khẩu từ vùng trồng hoặc doanh nghiệp liên quan, thậm chí dừng nhập khẩu toàn bộ mặt hàng đó từ Việt Nam tùy mức độ vi phạm. Tương tự, nếu kết quả kiểm tra cho thấy dư lượng thuốc bảo vệ thực vật hoặc các chất độc hại vượt ngưỡng cho phép theo quy định của Trung Quốc, lô hàng sẽ bị từ chối hoặc tiêu hủy, và các biện pháp tạm dừng nhập khẩu cũng có thể được áp dụng.

Câu hỏi 7: Những quy định nào phải tuân thủ khi xuất khẩu quả thanh long vào thị trường Đài Loan (Trung Quốc)?

Trả lời:

Các quy định cần phải tuân thủ khi xuất khẩu thanh long vào thị trường Đài Loan (Trung Quốc):

- Thanh Long phải là giống trắng (white-flesh) của loài *Hylocereus undatus*.
- Thanh long trước khi xuất khẩu sang Đài Loan phải được xử lý hơi nước nóng (VHT – Vapor Heat Treatment) để loại trừ sâu bệnh – yêu cầu xử lý ở khoảng 46,8 °C trong 40 phút (hoặc theo thỏa thuận giữa hai bên) đối với thanh long từ Việt Nam.
- Sau xử lý VHT, việc đóng gói, vận chuyển phải tuân thủ các điều kiện như: phải được đóng gói riêng cho lô xuất khẩu sang Đài Loan, không trộn với hàng xuất khẩu sang nơi khác, không trộn với các loại quả khác.
- Hàng tới Đài Loan sẽ bị kiểm tra nhập khẩu bởi BAPHIQ – nếu phát hiện trứng hoặc ấu trùng sâu bệnh nào liên quan tới kiểm dịch (ví dụ như fruit flies) thì lô hàng có thể bị bác bỏ hoặc tái xuất.
- Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Phytosanitary Certificate) phải ghi rõ các thông tin bổ sung như: tên hoặc số đăng ký của cơ sở xử lý VHT, số seri của băng niêm phong kiểm dịch, số container và số niêm phong nếu có.

PHẦN VI

CẬP NHẬT CÁC THÔNG BÁO

DỰ THẢO/CÓ HIỆU LỰC VỀ SPS LIÊN QUAN ĐẾN RAU QUẢ XUẤT KHẨU

Tổng hợp một số thông báo dự thảo/có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật (SPS) của các đối tác thương mại chính thuộc Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) liên quan đến rau quả xuất khẩu của Việt Nam được trình bày trong phần dưới đây. Các doanh nghiệp có thể truy cập trang Web của Văn phòng SPS Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại đường link: <http://www.spsvietnam.gov.vn/> để tra cứu thông tin từ các thị trường liên tục được cập nhật.

Trung Quốc

1. Tại Thông báo số G/SPS/N/CHN/1323 ngày 07/01/2025 về Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với phân bón nhập khẩu có nguồn gốc thực vật. Nội dung chính như sau:

Biện pháp này quy định:

- a. Các loại phân bón có nguồn gốc thực vật được phép xuất khẩu sang Trung Quốc;
- b. Các yêu cầu và thủ tục đăng ký tại Trung Quốc đối với các nhà sản xuất phân bón có nguồn gốc từ thực vật và thời hạn hiệu lực của đăng ký;
- c. Yêu cầu về kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với phân bón có nguồn gốc thực vật xuất khẩu sang Trung Quốc, bao gồm không có sâu bệnh và các sinh vật gây hại khác, các loài ngoại lai gây hại nghiêm trọng đến sản xuất nông lâm nghiệp và môi trường, không có hạt giống cây trồng, đất, xác động vật, phân động vật, lông gia cầm và các thành phần có nguồn gốc động vật khác và

các vật liệu gây nguy cơ mất an toàn sinh học khác;

d. Yêu cầu về đóng gói, lưu trữ, vận chuyển phân bón có nguồn gốc thực vật xuất khẩu sang Trung Quốc và yêu cầu về kiểm tra, chứng nhận chính thức trước khi xuất khẩu;

e. Thủ tục kiểm tra phân bón có nguồn gốc thực vật xuất khẩu sang Trung Quốc tại cửa khẩu và các yêu cầu xử lý khi không tuân thủ.

2. Tại Thông báo số G/SPS/N/CHN/1300/Add.1 ngày 23/01/2025 về Yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với giá thể trồng trọt hữu cơ. Nội dung chính như sau:

Các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với môi trường trồng trọt hữu cơ được Tổng cục Hải quan Trung Quốc thông báo trong G/SPS/N/CHN/1300 có hiệu lực,

Quy định này sẽ được áp dụng từ ngày 01/7/2025.

3. Tại Thông báo số G/SPS/N/CHN/1329 ngày 28/8/2025 Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của Trung Quốc: Nguyên tắc chung về ghi nhãn phụ gia thực phẩm. Tiêu chuẩn này áp dụng đối với ghi nhãn phụ gia thực phẩm (bao gồm cả chất tăng cường vi chất dinh dưỡng). Tiêu chuẩn không áp dụng đối với ghi nhãn của bao bì bảo quản và vận chuyển dùng để bảo vệ phụ gia thực phẩm trong quá trình lưu trữ và vận chuyển.

Hoa Kỳ

1. Tại Thông báo số G/SPS/N/USA/3502 ngày 17/01/2025 về Tiếp nhận kiến nghị về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên các loại hàng hóa (Tháng 11/2024). Nội dung chính như sau:

Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ đã nhận được đơn kiến nghị về thuốc bảo vệ thực vật, đề nghị thiết lập hoặc sửa đổi quy định về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau, cụ thể:

- Đề xuất mở rộng miễn trừ giới hạn dư lượng đối với hợp chất Chlorate. Cho phép dư lượng hợp chất Chlorate từ khí Clo

dioxide trong các nhóm cây trồng như rau củ, trái cây có múi, hạt có dầu, ngũ cốc và thức ăn chăn nuôi. EPA không yêu cầu phương pháp phân tích vì đề xuất này miễn trừ giới hạn dư lượng.

- Đề xuất sửa đổi mức dư lượng của hoạt chất Bifenthrin. Điều chỉnh mức dư lượng tối đa trong rau lá, cây họ đậu, cây họ cam quýt, cây có dầu. Loại bỏ mức dư lượng trước đây của Bifenthrin trong một số nhóm thực phẩm như họ cải (0,06 ppm), đậu khô (0,15 ppm), đậu mọng (0,05 ppm), hạt cải dầu (0,05 ppm).
- Đề xuất điều chỉnh mức dư lượng của hoạt chất Permethrin. Loại bỏ dư lượng Permethrin trong các sản phẩm như: ngô (0,05ppm), ngô ngọt (0,1)ppm, rau lá xanh (20ppm), rau diếp (20ppm), rau bina (20 ppm).
- Đề xuất thiết lập mức dư lượng mới cho một số hoạt chất bảo vệ thực vật:
 - L-Arginine: Đề xuất miễn trừ giới hạn khi sử dụng làm chất ổn định protein trong thuốc bảo vệ thực vật ($\leq 1\%$ trọng lượng).
 - Pydiflumetofen: Thiết lập mức dư lượng tối đa trên cà phê hạt xanh (0,2 ppm), thanh long (0,9 ppm).
 - Acetochlor: Đề xuất mức dư lượng tối đa cho hạt cải dầu (0,6 ppm), hạt pennycress (0,05 ppm).
 - Fluazinam: Thiết lập mức dư lượng trên nho (3 ppm), dâu tây (0,01 ppm), rau họ cải (5 ppm).
 - Cypermethrin: Đề xuất thiết lập mức dư lượng cho ca cao hạt khô và các sản phẩm chế biến từ ca cao (0,02 ppm).

2. Tọa Thông báo số G/SPS/N/USA/3501 ngày 16/01/2025 về Dự thảo dư lượng tồn dư thuốc trừ sâu Ethiprole. Nội dung chính như sau:

Quy định thiết lập mức dư lượng tồn dư cho ethiprole trong hoặc trên mía, cụ thể:

Mức dư lượng được điều chỉnh từ 0,1 ppm xuống còn 0,07 ppm.

3. Tại Thông báo số G/SPS/N/USA/3508 ngày 05/3/2025 về Dung sai thuốc trừ sâu cyprodinil. Nội dung chính như sau:

Dự thảo thiết lập mức dung sai đối với dư lượng cyprodinil trong hoặc trên quả nam việt quất mức (0,4 ppm)

4. Tại Thông báo số G/SPS/N/USA/3507 ngày 05/3/2025 về Dung sai thuốc trừ sâu Fludioxonil. Nội dung chính như sau:

Dự thảo thiết lập mức dung sai đối với dư lượng fludioxonil trong hoặc trên quả nam việt quất (0,04 ppm)

5. Tại Thông báo số G/SPS/N/USA/3512 ngày 08/4/2025 về Dung sai thuốc bảo vệ thực vật: Pyridate. Nội dung chính như sau:

Quy định này thiết lập giới hạn dư lượng cho hoạt chất pyridate trong hoặc trên các sản phẩm sau:

Sản phẩm	Mức dư lượng (ppm)
Đậu Hà Lan (dùng làm thức ăn chăn nuôi)	2
Đậu Hà Lan khô	5
Đậu nành (dùng làm thức ăn chăn nuôi)	0,4
Đậu nành khô	0,8
Hạt đậu nành	0,05
Nhóm rau họ đậu dạng hạt khô đã bóc vỏ - nhóm 6-22F	0,05

6. Tại Thông báo số G/SPS/N/USA/3511 ngày 25/3/2025 về Tiếp nhận đơn kiến nghị về thuốc bảo vệ thực vật liên quan đến dư lượng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên nhiều loại hàng hóa khác nhau (tháng 12/2024). Nội dung chính như sau:

Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ (EPA) tiếp nhận đơn kiến nghị yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định liên quan đến dư lượng thuốc thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau.

EPA sẽ xem xét kiến nghị việc sử dụng thuốc thuốc bảo vệ thực vật trên một loại cây trồng mà có thể thiết lập mức dư lượng tối đa trong hoặc trên các sản phẩm liên quan đến loại nông sản đó như

thể nào (ví dụ: đối với việc sử dụng thuốc trên củ cải đường mà có yêu cầu thiết lập mức dư lượng cho phần củ thì cũng cần thiết lập mức dư lượng cho phần lá củ cải hay không; hoặc việc sử dụng trên ngũ cốc mà có yêu cầu mức dư lượng cho hạt thì có cần thiết lập mức dư lượng cho các sản phẩm phụ dùng làm thức ăn chăn nuôi từ loại ngũ cốc đó hay không).

7. Tại Thông báo số G/SPS/N/USA/3510 ngày 25/3/2025 về Giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Metamitron. Nội dung chính như sau:

Quy định này thiết lập mức giới hạn dư lượng đối với hoạt chất metamitron trong hoặc trên táo và lê.

Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến	MRL (ppm)
Táo	0,01
Lê	0,01

8. Tại Thông báo số G/SPS/N/USA/3518 ngày 03/6/2025 về Sulfentrazone; Giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật – Quy định cuối cùng. Nội dung chính như sau:

Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) đang hoàn tất các quy định về mức giới hạn dư lượng mà cơ quan này đã tự đề xuất trước đó theo Đạo luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (FFDCA) đối với dư lượng của hoạt chất sulfentrazone đối với các sản phẩm ngô bông sau:

Sản phẩm	MRL (ppm)
Hạt ngô	0,15
Thân lá	0,3

9. Tại Thông báo số G/SPS/N/USA/3517 ngày 03/6/2025 về Florypicoxamid; Giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật – Quy định cuối cùng. Nội dung chính như sau:

Quy định này thiết lập mức giới hạn dư lượng tối đa đối với florylpicoxamid còn lại trong hoặc trên nhiều loại nông sản khác nhau.

Hàng hóa	MRL
Lúa mạch, ngũ cốc	0,03
Lúa mạch, thân cỏ	1,5
Lúa mạch, rơm	0,5
Củ cải đường, lá	0,1
Củ cải đường, rễ	0,01
Cải dầu	0,015
Đậu khô, đã bóc vỏ, trừ đậu nành, nhóm phụ 6-22E	0,01
Đậu Hà Lan, đã bóc vỏ, trừ đậu nành, nhóm phụ 6-22E	0,01
Lúa mì, thức ăn gia súc	1,5
Lúa mì, ngũ cốc	0,01
Lúa mì, thân cỏ	3,0
Lúa mì, rơm	0,05
Gia súc, dê, lợn, ngựa, gia cầm, cừu (mỡ, thịt, và sản phẩm)	0,02
Trứng	0,02
Sữa	0,02

10. Tại Thông báo số G/SPS/N/USA/3525 ngày 07/8/2025 về Pyroxasulfone; Giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Quy định cuối cùng. Nội dung chính như sau:

Quy định này thiết lập giới hạn dư lượng thuốc BVTV (MRLs) của hoạt chất pyroxasulfone trong hoặc trên các sản phẩm: nhóm hạt có vỏ cứng (nhóm 14-12); nhóm quả nhỏ leo giàn, trừ kiwi lông (nhóm phụ 13-07F); và vỏ hạnh nhân.

Sản phẩm (Commodity)	MRLs (ppm)
Vỏ hạnh nhân	0,15
Nhóm quả nhỏ leo giàn, trừ kiwi lông (nhóm phụ 13-07F)	0,07
Nhóm hạt có vỏ cứng (nhóm 14-12)	0,07

11. Tại Thông báo số G/SPS/N/USA/3528 ngày 25/8/2025 về Mandipropamid; Giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Quy định cuối cùng. Quy định cuối cùng. Nội dung chính như sau:

Quy định này thiết lập giới hạn dư lượng thuốc BTVT (MRLs) của hoạt chất mandipropamid trong hoặc trên đu đủ

Sản phẩm (Commodity)	MRLs (ppm)
Đu đủ	0,9

- Không có đăng ký nào tại Hoa Kỳ cho phép sử dụng mandipropamid trên cacao, tính đến ngày 28 tháng 10 năm 2019,
- Không có đăng ký nào tại Hoa Kỳ về việc sử dụng loại thuốc trừ sâu này trên cây đu đủ tính đến ngày 15 tháng 8 năm 2025.

Hàn Quốc

1. Tại Thông báo số G/SPS/N/KOR/212/Add.22 ngày 19/3/2025 về Bổ sung danh sách sinh vật gây hại kiểm dịch. Nội dung chính như sau:

Cơ quan Kiểm dịch Động thực vật (APQA), Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn (MAFRA) Hàn Quốc sửa đổi danh mục dịch hại kiểm dịch dựa trên kết quả phân tích rủi ro dịch hại (PRA) và các quy định tại Điều 4 và Điều 6 của Sắc lệnh Bộ trưởng về Luật Bảo vệ Thực vật. APQA đề xuất sẽ bổ sung thêm 21 loài dịch hại kiểm dịch từ tháng 8 năm 2025, cụ thể:

STT	Tên khoa học	Nhóm	Loại
1	<i>Bactrocera kandiensis</i>	Hai cánh	Sinh vật gây hại bị cấm
2	<i>Alternaria rosae</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát
3	<i>Ceratocystis ficicola</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát
4	<i>Colletotrichum chrysophilum</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát
5	<i>Dothiorella dominicana</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát
6	<i>Fusariella concinna</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát

7	<i>Phomopsis mangiferae</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát
8	<i>Phytophthora inundata</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát
9	<i>Phytophthora occultans</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát
10	<i>Phytophthora quercina</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát
11	<i>Sugarcane white leaf phytoplasma</i>	Vi khuẩn	Sinh vật gây hại được kiểm soát
12	<i>Begomovirus chillicapsici</i>	Vi rút	Sinh vật gây hại được kiểm soát
13	<i>Begomovirus momordicae</i>	Vi rút	Sinh vật gây hại được kiểm soát
14	<i>Orthotospovirus arachianuli</i>	Vi rút	Sinh vật gây hại được kiểm soát
15	<i>Umbravirus pisi</i>	Vi rút	Sinh vật gây hại được kiểm soát
16	<i>Cryphalus dilutus</i>	Cánh cứng	Sinh vật gây hại được kiểm soát
17	<i>Marchalina hellenica</i>	Cánh nửa	Sinh vật gây hại được kiểm soát
18	<i>Ripersiella hibisci</i>	Cánh nửa	Sinh vật gây hại được kiểm soát
19	<i>Meghimatium pictum</i>	Ốc sên	Sinh vật gây hại được kiểm soát
20	<i>Tanychlamys indica</i>	Ốc sên	Sinh vật gây hại được kiểm soát
21	<i>Solanum rostratum Dunal</i>	Cỏ	Sinh vật gây hại được kiểm soát

Nhật Bản

1. Tại Thông báo số G/SPS/N/JPN/1322 ngày 17/01/2025 về Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp. Nội dung chính như sau:

Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu Fluazinam.

Sản phẩm	MRL	Loại
“Đậu khô” bao gồm đậu bơ, đậu bò (đậu đỏ), đậu lăng, đậu tây, đậu lima, đậu pegia, đậu sultani, đậu sultapya và đậu trắng.	0.05	0.1
Khoai mỡ Nhật Bản (bao gồm cả khoai mỡ Trung Quốc)	0.01	0.05
Củ cải Nhật Bản, rễ (bao gồm cả củ cải)	0.03	0.05
Cây ngưu bàng	0.1	0.2
Rau diếp (bao gồm rau diếp xoắn và rau diếp lá)	0.01	0.05
Hành	0.1	0.2
Hành tây xứ Wales (bao gồm cả tỏi tây)	0.02	0.05

Tỏi	0.2	
Quả cam natsudaidai, nguyên quả	3	5
Chanh vàng	2	5
Cam (bao gồm cả cam rốn)	2	5
Bưởi	3	5
Chanh xanh	2	5
“Các loại trái cây họ cam quýt khác” là tất cả các loại trái cây họ cam quýt, ngoại trừ quýt Unshu, cam Natsudaidai, vỏ cam Natsudaidai, toàn bộ quả cam Natsudaidai, chanh, cam (bao gồm cam Navel), bưởi, chanh xanh và gia vị.	3	5
Lê Nhật	0.1	0.2
Lê	0.1	0.2
Mận mume	0.1	0.2
Xoài	0.5	
Trà	9	6
Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0.05	

Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo

2. Tại Thông báo số G/SPS/N/JPN/1339 ngày 19/05/2025 về Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp). Nội dung chính như sau:

Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau:

Thuốc trừ sâu: Hợp chất Polyoxin.

Loại hàng hoá	Giá trị MRL đề xuất (ppm)	Giá trị MRL hiện tại (ppm)
Cam Unshu	○ 0,5	0,7
Các loại rau khác, ngoại trừ ngoại trừ cải xoong, nira, thân và lá mùi tây, thân và lá cần tây.	○ 10	-
Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	○ 0,05	-

Các loại hoàng hóa khác vẫn theo quy định cũ hoặc thống nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các mặt hàng không được liệt kê

● Hàng hoá MRL giảm

○ Hàng hoá MRL tăng

3. Tại Thông báo số G/SPS/N/JPN/1357 ngày 17/07/2025 về Sửa đổi các Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp). Nội dung chính như sau:

Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp sau:

Thuốc bảo vệ thực vật: Spinetoram.

Một số sản phẩm tiêu biểu			
Nhóm sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại (ppm)	Ghi chú
Gạo lứt	0,02	0,1	●
Khoai tây	0,02	0,1	●
Củ cải đường	0,02	0,1	●
Rau cải nước	3	8	●
Cải thảo Trung Quốc	0,7	1	●
Bắp cải	0,3	2	●
Cải Brussels	1	2	●
Cải xoăn	10	5	○
Komatsuna	5	10	●
Kyona	5	10	●
Qing-geng-cai	3	10	●
Cần tây	6	8	●
Bí ngô	0,1	0,3	●
Mướp Nhật	0,1	0,3	●
Cam	0,5	0,7	●
Bưởi	0,3	0,7	●

Lê Nhật	0,3	0,5	●
Mận Mơ Nhật	0,7	0,8	●
Dâu tây	1	2	●
Các loại quả mọng khác	0,5	0,7	●
Các loại gia vị khác	2	3	●
Các loại thảo mộc khác	10	8	○

Chú thích:

●: Nhóm sản phẩm có đề xuất giảm mức MRL.

○: Nhóm sản phẩm có đề xuất tăng mức MRL.

Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê dưới đây.

4. Tại Thông báo số G/SPS/N/JPN/1298 ngày 03/07/2025 về Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp – quy định cuối cùng). Nội dung chính như sau:

Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Fenitrothion được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1282 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025.

Nội dung MRL thay đổi đối với chất Fenitrothion áp dụng từ ngày 10/02/2025:

Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)
Ngô	0,2	0,1
Đậu Hà Lan	0,3	0,2
Khoai tây	0,05	0,03
Củ cải đường	0	0,04
Nguru bàng	0,03	0,02
Các loại rau khác	0,01	0
Rau Nira	0	2

Cà tím	0,5	0,3
Rau chân vịt	0,1	0,05
Dâu tây	5	6
Bưởi	10	3
Dưa hấu	0,01	0
Dưa hấu cả quả sau khi bỏ cuống	0	0,1
Dưa gang	0,02	0
Dưa gang cả quả sau khi bỏ cuống	0	3
Cam Unshu (múi)	0,05	0
Cam Unshu (cả quả)	0	7
Cam (bao gồm cả cam navel)	10	7
Trái cây họ cam quýt khác (trừ quýt ponkan)	0	10
Trái cây họ cam quýt khác (riêng quýt ponkan)	0	7
Đào	0,2	0
Đào sau khi bỏ cuống và hạt	0	4
Quả anh đào	0,3	0,2
Nho	0,2	0,1
Hồng Nhật	0,8	0,7
Hạt dẻ	0,03	0,02
Các loại gia vị khác (trừ thân rễ wasabi, tỏi, ớt, ớt bột, gừng, vỏ chanh, vỏ cam, vỏ yuzu và hạt mè)	25	40
Mật ong	0	0,05

Liên minh Châu Âu (EU)

1. Tại Thông báo số G/SPS/N/EU/780/Add.1 ngày 20/02/2025 về Mức dư lượng tối đa của fenbuconazole và penconazole trong và trên một số sản phẩm nhất định. Nội dung chính như sau:

Mức dư lượng tối đa của 02 chất này chủ yếu được điều chỉnh giảm ở một số hàng hóa, cụ thể trên một số sản phẩm như sau:

Sản phẩm	fenbuconazole mới (ppm)	penconazole mới (ppm)
Nhóm quả có múi	0,5-1	0,01
Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,01	0,01
Nhóm quả dạng táo	0,5	0,01-0,3
Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dưa, ổi, sầu riêng và các loại quả khác)	0,01	0,01
Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,01	0,01
Nhóm rau dạng củ (hành, tỏi.v.v..)	0,01	0,01
Cà chua, dưa chuột .v.v..	0,01	0,06
Đậu bắp	0,01	0,01
Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	0,01	0,15
Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)	0,6	0,01
Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)	0,01	0,01
Trà	30	0,05
Cà phê	0,05	0,05
Nhóm gia vị (hạt tiêu.v.v..)	0,05	0,05
Mật ong	0,05	0,05

Quy định sẽ có hiệu lực từ ngày 24/8/2025.

2. Tại Thông báo số G/SPS/N/EU/787/Add.1 ngày 05/02/2025 về Mức dư lượng tối đa của acetamiprid trong hoặc trên 1 số sản phẩm nhất định. Nội dung chính như sau:

G/SPS/N/EU/787 (ngày 12/7/2024) thông báo Quy định (EU) 2025/158 ngày 29/01/2025 sửa đổi Phụ lục II của Quy định (EC) số 396/2005 về mức dư lượng tối đa đối với acetamiprid trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định đã được thông qua.

Cụ thể một số MRL trong sản phẩm có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam như sau:

Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)
Chuối	0,4	0,01
Dưa chuột	0,3	0,05
Bí xanh	0,3	0,05
Dưa (Melons)	0,2	0,08
Bí ngô	0,2	0,08
Dưa hấu	0,2	0,08
Súp lơ (trắng, xanh)	0,4	0,06
Cải bắp	0,4	0,03
Rau cải bó xôi	0,6	0,01
Măng tây	0,8	0,01
Cà chua	0,5	0,06
Ớt chuông/ ớt ngọt	0,3	0,09

Quy định sẽ có hiệu lực từ ngày 19/8/2025.

3. Tại Thông báo số G/SPS/N/EU/775/Add.1 ngày 05/02/2025 về Mức dư lượng tối đa của zoxamide trong hoặc trên 1 số sản phẩm nhất định. Nội dung chính như sau:

G/SPS/N/EU/775 (ngày 26/6/2024) thông báo Quy định (EU) 2025/146 ngày 29/01/2025 sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 về mức dư lượng tối đa đối với zoxamide trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định đã được thông qua.

Cụ thể mức MRL được điều chỉnh như sau:

Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)
Nhóm quả có múi	0,02	0,01
Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,02	0,01
Nhóm quả dạng táo	0,02	0,01
Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ổi, sầu riêng và các loại quả khác)	0,02	0,01
Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,02	0,01

Hành, tỏi	0,02	0,7
Cà chua	0,5	2
Ớt chuông	0,02	0,01
Đậu bắp	0,02	0,01
Dưa chuột	2	2
Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	2	2
Cải bắp	0,02	0,01
Rau diếp, xà lách, cải bó xôi	30	0,01
Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)	0,02	0,01
Trà, cà phê	0,05	0,01
Hạt tiêu	0,05	0,05
Một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật	0,02	0,01

Quy định sẽ có hiệu lực từ ngày 19/8/2025.

Indonesia

Tại Thông báo số G/SPS/N/IDN/155 ngày 25/02/2025 về Quy định của Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Indonesia số 19 năm 2024 về Kiểm soát sản phẩm thực phẩm biến đổi gen. Nội dung chính như sau:

Quy định sửa đổi, bổ sung của Quy định số 6 năm 2018 của FDA Indonesia về kiểm soát các sản phẩm thực phẩm biến đổi gen sẽ thay thế quy định cũ ngay khi có hiệu lực. Quy định sửa đổi, bổ sung nêu rõ các điều khoản chung, yêu cầu và tiêu chí phê duyệt an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm biến đổi gen, dán nhãn thực phẩm biến đổi gen, kiểm soát an toàn thực phẩm, quản lý các tác động tiêu cực tiềm ẩn của các sản phẩm thực phẩm biến đổi gen đối với sức khỏe con người kèm phụ lục quy định các hướng dẫn để tiến hành đánh giá an toàn thực phẩm biến đổi gen.

Nội dung sửa đổi bao gồm:

- Hướng dẫn đánh giá an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm biến đổi gen có yếu tố đơn lẻ;

- Hướng dẫn đánh giá an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm biến đổi gen có đưa nhiều gen vào trong quá trình chuyển đổi hoặc thông qua lai tạo nhiều gen
- Hướng dẫn đánh giá an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm tinh chế cao được sản xuất bởi các vi sinh vật biến đổi gen.

Singapore

Tại Thông báo số G/SPS/N/SGP/78/Add.1 ngày 22/4/2025 về Dự thảo Quy định Thực phẩm (Sửa đổi số X) năm 2022 (Yêu cầu ghi nhãn đối với thực phẩm đóng gói sẵn) – Quy định Thực phẩm (Sửa đổi) năm 2025. Nội dung chính như sau:

Ngày 30/9/2022, Cơ quan Thực phẩm Singapore (SFA) đã thông báo với WTO qua thông báo số G/SPS/N/SGP/78 về dự thảo sửa đổi Quy định Thực phẩm, có tiêu đề là “Dự thảo Quy định Thực phẩm (Sửa đổi số X) năm 2022”, liên quan đến các yêu cầu ghi nhãn đối với thực phẩm đóng gói sẵn.

Dựa trên các ý kiến góp ý nhận được trong thời gian tham vấn, các sửa đổi nhằm tạo thuận lợi thương mại đã được thực hiện như sau:

1. Miễn yêu cầu ghi thông tin nhận diện lô hàng trên nhãn đối với trái cây và rau quả tươi, nguyên vẹn, chưa bóc vỏ được đóng gói sẵn;
2. Bỏ quy định mới được đề xuất – Điều 12A – thực phẩm được quảng cáo hoặc bán trên các nền tảng thương mại điện tử, yêu cầu hiển thị các thông tin ghi nhãn bắt buộc đối với thực phẩm đóng gói sẵn được bán trực tuyến.

Quy định hoàn chỉnh đã được công bố chính thức dưới tên Quy định Thực phẩm (Sửa đổi) năm 2025 vào ngày 31/01/2025 và sẽ có hiệu lực từ ngày 30/01/2026.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tra cứu thông báo dự thảo/có hiệu lực về các biện pháp SPS của các nước thành viên WTO: <http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien>
2. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010
3. Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013
4. Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 về nông nghiệp hữu cơ
5. Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi Nghị định số 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa
6. Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018, Thông tư số 03/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 quy định về trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu
7. Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 về thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện ATTP
8. Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm
9. Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 quy định về truy xuất nguồn gốc
10. Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 ban hành tài liệu hướng dẫn tạm thời về cấp, quản lý mã số vùng trồng
11. Bản tin thị trường nông, lâm, thủy sản Quý IV năm 2024 của Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công thương

12. Báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp năm 2023-2024 BC-123/BNN-TT ngày 15/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
13. Báo cáo số 2216/KHTC-KHTH ngày 02/10/2025 về kết quả tháng 9 đầu năm; nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
14. Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2024 của Bộ Công thương. NXB Công thương
15. Department of Food Safety, Ministry of Health, Labour and Welfare (2006), “Introduction of the Positive List System for Agricultural Chemical Residues in Foods”
16. Các biện pháp kiểm soát nhập khẩu động vật và thực vật của Hoa Kỳ: <https://www.aphis.usda.gov/plant-protection-quarantine>
17. Website của Cục Kiểm tra và An toàn Thực phẩm thuộc USDA (FSIS): <https://www.fsis.usda.gov/inspection/import-export>
18. Website của Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (TFDA) của Đài Loan (Trung Quốc): <https://www.fda.gov.tw/TC/siteContent.aspx?sid=2405>
19. Biện pháp kiểm dịch thực vật vào Nhật Bản: <https://www.maff.go.jp/aqs/english/>
20. Website của Cơ quan Kiểm dịch Động Thực vật (APQA) của Hàn Quốc: https://www.qia.go.kr/english/html/Plant/Plant_003.jsp
21. Website của Tổng cục Hải quan Trung Quốc: <http://english.customs.gov.cn/service>
22. Tài liệu Hội thảo “Tiềm năng và nội lực doanh nghiệp Việt Nam vượt qua rào cản kỹ thuật xúc tiến thương mại thị trường nông sản thực phẩm khu vực Hồi giáo Trung Đông, Bắc Phi và Đông Nam Á”, tháng 11-2024.

SỔ TAY
HƯỚNG DẪN THỰC THI, HỎI ĐÁP CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS
NGÀNH HÀNG RAU QUẢ

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

Trương Thu Hiền

Biên tập: Nguyễn Nguyên Hà

Chế bản: Đào Văn Cường

Trình bày bìa: Bùi Đức Toàn

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934 1562 **Fax:** 024-3938 7164

Website: <http://nhaxuatbancongthuong.com.vn>

E-mail: nxbct@moit.gov.vn

In 1000 cuốn, khổ 15 x 21 cm tại Công ty Cổ phần In và Thương mại Thành Đạt
Địa chỉ: Nhà TT5.3-31 Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Định Công, Hà Nội.
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 5165-2025/CXBIPH/4-385/CT
Số Quyết định xuất bản: 1043/QĐ-NXBCT ngày 19 tháng 12 năm 2025
In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV năm 2025
Mã số ISBN: 978-632-612-965-6



VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà A3, số 10 Nguyễn Công Hoan, P. Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: spsvietnam@mae.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

